

ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ

NGUYỄN KIÊN TRUNG



nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, Saigon 1957

NGUYỄN KIÊN TRUNG

Nguyễn Mạnh Côn

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Nguyễn Mạnh Côn (1920-1979), là **nhà văn Việt Nam** trước 1975. Ngoài tên thật, ông còn ký bút danh: **Nguyễn Kiên Trung**, **Đặng Vân Hầu**.

Tiểu sử

Nguyễn Mạnh Côn sinh ngày mùng 7 tháng 5 năm **Canh Thân (1920)** tại **Hải Dương**, nhưng cư ngụ ở **Hà Nội**. Thuở nhỏ, ông học ở **Hà Nội**. Năm 1939, ông cộng tác với báo *Đông Pháp*, và sau đó (1945) là báo *Thống nhất*. Có nguồn ^[1] nói rằng năm 1942-1943, ông cũng từng là sĩ quan trong quân đội **Nhật Bản**, khi đội quân này đổ bộ vào **Bắc Kỳ** vào tháng 9 năm 1940.

Năm 1949-1950, Nguyễn Mạnh Côn làm nhân viên Trường võ bị Trần Quốc Tuấn (nay là **Trường Đại học Trần Quốc Tuấn**, hay còn gọi là Trường Sĩ quan Lục quân 1) ở **Sơn Tây**.

Năm 1951, ông hồi cư về **Hà Nội**, rồi đi dạy học tư.

Năm 1954, ông vào Nam làm việc ở Đài phát thanh **Sài Gòn**. Sau đó, ông còn viết sách và làm Chủ nhiệm kiêm Chủ bút báo *Chỉ đạo* (1956-1961), Chủ bút báo *Văn Hữu*, đồng thời cộng tác với các báo, như: *Tia sáng*, *Tin mai*,...

Nguyễn Mạnh Côn mất ngày 1 tháng 6 năm 1979 tại **Thành phố Hồ Chí Minh** ^[2].

Tác phẩm chính

- ⌚ Việt Minh, Người Đi Đâu (1957)
- ⌚ Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử (1958)
- ⌚ Kỳ Hoa Tử (1960)
- ⌚ Truyện Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn (1960)
- ⌚ Lạc Đường Vào Lịch Sử (1965),
- ⌚ Con Yêu Con Ghét (1966)
- ⌚ Mối Tình Màu Hoa Đào (1967)
- ⌚ Giấc Mơ Cửa Đá (1968)
- ⌚ Tình Cao Thượng (1968)
- ⌚ Đường Nào Lên Thiên Thai (1969)
- ⌚ Hoa Bình...Nghĩ Gì...Làm Gì (1969)
- ⌚ Sống Bằng Sự Nghiệp (1969)

ⓘ Yêu Anh Vượt Chết (1969)

Chú thích

1. ^ Theo website Vietgle [1]
2. ^ Theo website Văn Chương Việt [2]. Trang Vietgle ghi ông mất năm **Canh Thân (1980)**. [3]. Theo Lê Thanh Sơn, cựu phóng viên Việt tấn xã ở **Sài Gòn** trước **1975**, thì ông mất trong khoảng thời gian bị đưa đi cải tạo [4].

Nguồn:

http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_M%E1%BA%A1nh_C%C3%B4n

ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ

Trước Khi Vào Sách : KỶ NIỆM VỀ NGUYỄN MẠNH CÔN

Hội Tưởng của NGUYỄN TRIỆU NAM

Trước ba mươi tháng Tư 75, tôi tiếp xúc với Nguyễn Mạnh Côn nhiều hơn, thường xuyên hơn là với mọi văn hữu khác. Một thời, anh chủ biên tờ Chỉ Đạo, cơ quan ngôn luận của Người Việt Tự Do Chống Cộng. Tôi là bình bút. Khi tờ báo này được giao cho Nha Chiến Tranh Tâm Lý (tiên thân của Cục Tâm Lý Chiến) thì anh là cộng sự viên. Hồi đó, tôi phụ tá cho chủ bút Kỳ Văn Nguyên, đặc trách biên tập.

Nguyễn Mạnh Côn là một văn sĩ có chân tài. Kiến thức phong phú. Bút pháp linh thông. Văn phong bình dị, trong sáng. Văn mạch sung mãn, bất tận. Văn thái chuyển biến linh hoạt theo từng tình huống. Khi cần thì viết như một nhà thông thái, hoặc như một nhà phân tâm học. Tuy vậy vẫn mang tính đại chúng, dễ hiểu. Nơi anh, có một đặc điểm nổi bật. Là hay khai dụng đề tài khoa học để lung khởi, đẩy đưa câu chuyện. Do đó, độc giả, dầu muốn dầu không cũng phải lưu tâm đến nội dung của chủ đề chính. Chẳng hạn như truyện Bán Linh Hồn Cho Quỷ được mở màn bằng mấy ẩn số toán học. Hơn nữa, anh hay viết về khoa học giả tưởng. Một cách sáng tạo, độc đáo.

Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Mạnh Côn là Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử (ký bút hiệu Nguyễn Kiên Trung). Có tiếng vang lớn. Nhưng phải đợi đến khi Kỳ Hoa Tử ra mắt thì danh tiếng anh mới thực sự được củng cố vững chắc. Kỳ Hoa Tử là một cô gái Nhật. Cô ta yêu một chàng trai Việt luân lạc bên Trung Hoa. Theo người yêu về nước. Lúc bấy giờ đang kháng Pháp. Trớ trêu thay! Nhắm đúng thời điểm đột giai đoạn để thực hiện cách mạng vô sản. Mọi chướng ngại vật cản đường đều phải đốn ngã. Hồ Tùng Mậu là chướng ngại vật nguy hiểm nhất. Cộng đảng bèn dụng kế. Ngụy tạo ra tội phản động, buộc cho Hồ. Chàng trai nọ được lệnh đứng ra tố cáo trước tòa. Chàng vốn là một đảng viên trung kiên. Cho nên không thể kháng lệnh. Uyên ương xa lìa nhau. Mối tình thơ mộng và nào nùng ấy tan vỡ. Trong thảm cảnh tóc tang, ngút ngàn sân hận.

Năm ấy, Nguyễn Mạnh Côn nắm tờ Chỉ Đạo. Anh thường ở nhà, ít khi đến tòa báo. Một hôm, Triều Đầu có ý muốn gặp anh. Bảo tôi biết nhà thì đưa đi. Nhà văn trào phúng này mượn cớ là cạy đặng bài nghiên cứu về Đế Quốc Nga Sô Viết. Tiện thể làm mấy ngao. Hai vị đều là đệ tử của Nàng Tiên Nâu. Họ đi mây, về gió xa đàn. Quả là nói chuyện bên khay đèn thuốc phiện có khác! Không thể thiếu một thứ chuyện gì trên đời. Nổ như bấp rang. Tôi chỉ ngồi châu đìa, lắng nghe họ trao đổi để học hỏi. Bữa ấy, Nguyễn Mạnh Côn hỏi Triều Đầu:

- Đại ca viết biếm văn đến như thế là rất đạt. Trong cả hai cuốn Trên Vía Hè Hà Nội, Trên Vía Hè Sài Gòn, đàn anh đều không nêu đích danh một thằng nào. Không dắm vào mặt một thằng nào. Nhưng, có tạt giạt mình, cũng có đưa nó biết chớ. Nó biết chính nó là cái bia. Không phải là nó thì còn tên chó chết nào vào đấy nữa. Vậy đại ca không ngăn cái vụ mua thù, chuốc oán ư?

Triều Đầu:

- Tôi hãy hỏi lại anh trước đã. Anh dám chửi cả tập đoàn cộng sản. Mà ở vùng đất tự do này, ngay cả ở Sài Gòn, chúng nó còn gài cả cán bộ nằm vùng. Vậy anh có ngăn không?

Nguyễn Mạnh Côn lắc đầu mà cười tủm. Triều Đầu tiếp lời:

- Anh dám chửi cả tông môn bọn lãnh tụ cộng sản mà còn chẳng ngăn. Huống chi tôi chỉ đá kích cá nhân, hà có gì mà phải ngăn. Cứ cho rằng có đưa nó biết tông ra đi. Biết thì cũng chỉ ầm ức để bụng. Chớ ho hoe gì nổi. Thế anh có biết rằng anh bị bọn cộng sản xếp vào loại phản động số một hay không?

Nguyễn Mạnh Côn:

- Xin các anh cứ thuật lại trung thực những gì đã biết. Tôi sẽ giải thích từng điểm một.

Triều Đầu ra đầu cho tôi đỡ lời. Tôi nói:

- Nguồn tin do Sở Mật Vụ Phủ Tổng Thống cung cấp. Sở này đã mua gần hết ấn bản cuốn Tân Liêu Trai Chí Dị của Người Thăng Long. Một tác phẩm chống cộng dưới hình thức liêu trai. Trong đó, những tên cộng sản được miêu tả như hồ ly, yêu quái. Chính nhờ vào cái tác phẩm “nặng ký” ấy mà tác giả được Sở Mật Vụ mời cộng tác. Anh ta cùng làm với tôi ở VP I thuộc Sở. Có lần tâm sự với tôi như vậy:

“Tôi viết văn vì lý tưởng đấu tranh chống cộng. Chớ không phải là tôi cố ý viết một cuốn truyện chửi bới cộng sản để dùng nó như một phương tiện tiền thân đâu. Thế nhưng bọn cộng sản đã xuyên tạc. Chúng nó vu cáo cho tất cả những cây bút dám viết đụng đến chúng nó, chẳng hạn như Hiếu Chân, Trúc Sĩ, tất cả đều là tay sai của Đế Quốc, đều là ăn tiền của Mỹ mà viết nữa.”

Người Thăng Long phát biểu như thế đó. Theo sự phối kiểm tin tức của VP I thì Nguyễn Mạnh Côn đứng đầu sổ đen. Có nghĩa là chống cộng tới độ quyết liệt, cực đoan. Chỉ có tiêu diệt cái chế độ sắt máu do cộng sản dựng nên. Chớ không hòa giải, hòa hợp gì với cái tập đoàn cướp ngày ấy cả. Vậy anh nghĩ sao?

Nguyễn Mạnh Côn:

- Cái vụ cộng sản dùng các toán ám sát để khủng bố người quốc gia, đối với tôi, không có gì đáng nói. Vậy mà cứ phải nói. Tệ lắm cũng cả mấy chục lần rồi. Nói mãi hóa ra nhảm. Giờ, vì đại ca hỏi nên phải giải đáp thêm một lần nữa. Nhưng chỉ rút ngắn trong vài hàng thôi.

Cộng sản là mối tai ương cho dân tộc. Phải trừ khử mối tai ương đó. Bằng nhiều cách. Cách của tôi là dùng bút. Tôi viết là do chính tôi ý thức được, cần phải viết. Có nghĩa là viết theo tinh thần tự nguyện. Chớ có đế quốc nào thuê tôi viết đâu mà bảo rằng tôi ăn tiền. Còn việc cộng sản xếp tôi vào loại phản động số một hay số mấy, điều đó không cần biết. Chỉ biết rằng chúng nó rất sợ những tác phẩm chống cộng. Những tác phẩm mà sức công phá còn khủng khiếp hơn bom nguyên tử nữa. Thật sự là tôi không sợ cộng sản tí nào. Tôi coi mấy trò hăm dọa của chúng nó như pha. Anh Triều Đầu lo ngại giùm tôi có phần quá đáng đấy. Dầu sao, Côn cũng cảm ơn anh về thiện ý. Cần nói thêm, không phải là tôi không biết đến mọi thành phần năm vùng. Bọn thích khách bị lực lượng an ninh thọt cổ không ít đâu. Tôi có đọc một xấp biên bản thẩm cung. Phối kiểm, thấy có nhiều điểm ăn khớp với nhau. Chứng tỏ bọn chúng được kết nạp bừa bãi. Cho nên đội ngũ rất tạp nham, hồ lớn. Hầu hết đều úy tử tham sinh. Giả như có ám sát được một người quốc gia, chúng cũng khó mà giữ nổi mạng sống. Miền Nam đâu phải là vườn hoang mà giặc cộng hòng múa gậy....

Sau ngày Chỉ Đạo đình bản, Nguyễn Mạnh Côn và tôi ít khi gặp nhau. Thời gian trôi qua. Mãi đến mùa hè đổ lửa 72 mới gặp lại anh. Anh vẫn sáng tác như ngày nào. Nhưng viết ít đi. Nghề cầm bút thực sự trở thành nghề tay trái. Mưu sinh là nghề tay phải. Anh làm tất cả mọi việc lương thiện có thể làm để kiếm tiền phụ với vợ. Kể cả dịch vụ chuyên chở hàng hóa. Với mọi dân làng bẹp như anh, bỏ ra nguyên một ngày để vật lộn với cuộc sống đâu phải là chuyện dễ. Được cái là, mỗi ngày, anh đã giảm dần phân lượng thuốc. Lúc đầu khó chịu lắm. Sau quen dần. Vì vậy mới dành được trọn buổi sáng để chạy ngoài. Anh nói mấy câu. Thoạt nghe, thấy không có gì đáng để tâm. Nhưng, sau ba mươi tháng Tư 75, mới thấy ứng nghiệm:

“Một con người đã mang thuốc sai như tôi mà nếu sa vào tay kẻ thù là dễ bị lung lạc. Dễ thay lòng đổi dạ khi kẻ thù dùng thuốc để nhử. Vì thế, tôi chỉ mong sao cai hẳn được là hết nợ. Chớ nặng nợ Phù Dung nó còn cực khổ gấp ngàn lần nặng nợ má đào đấy...”

Tôi có đưa cho Nguyễn Mạnh Côn đọc mấy truyện tâm đắc của tôi đã đăng báo để anh cho ý kiến. Đọc xong, anh nhận xét:

- Anh viết tiến bộ hơn hồi viết Chỉ Đạo nhiều. Không khô khan, nặng nề như trước. Mà tươi mát, nhẹ nhàng hơn nhiều. Cấu trúc vững. Hành văn mực thước, trang trọng. Tuy nhiên nên cẩn thận hơn nữa trong cách dụng từ ngữ. Chọn chữ sao cho đắt giá. Thế thôi.

Tôi hỏi Nguyễn Mạnh Côn:

- Khai thác mãi đề tài cộng sản nó lanh quanh lẫn quẩn. Rất là nhàm. Chán phê. Anh có định chuyển sang đề tài khác hay không?

- Tôi không nghĩ như anh, Nhà văn đáp. Viết mà khéo thì đề tài nào cũng hay hết. Nơi con người tôi, cái tư tưởng bất nhân nhượng đối với cộng sản nó đã ngấm sâu vào tâm can rồi, không sao bỏ được. Vì vậy, tôi dự định dựng một tác phẩm lớn. Lớn hơn Mỗi Tình Mâu Hoa Đào nhiều. Căn bản vẫn là chống cộng. Nhưng chống cộng ở trình độ cao. Không cần mượn hình ảnh một tên giặc cộng nào. Không viện dẫn, không phiếm luận dông dài về lời tuyên bố của một tên lãnh tụ đỏ nào.

Từ sau bữa hàn huyên lần chót ấy, Nguyễn Mạnh Côn và tôi không còn gặp lại nhau nữa. Vì hoàn cảnh không cho phép. Từ 72 đến 74, tôi bị cầm chân hăm bốn trên hăm bốn giờ ở Đài Quân Đội. Ba mươi tháng Tư 75, mất nước. Hai mươi tháng Năm liền đó, bị tổng

giam. Ở tù sáu năm. Khi được phóng thích mới hay tin Nhà văn đã thành người thiên cổ. Anh đã kiệt lực vì đòn thù.

Hôm Nguyễn Mạnh Côn nhập trại Xuyên Mộc, một tên cán bộ văn hóa (!) nó mĩa mai hỏi anh:

- Mày là Đảng Vân Hâu, có tài cưỡi mây, sao không cưỡi mây trốn đi?

Anh không thèm trả lời. Anh im lặng. Sự im lặng hào hùng của con chó sói bị thương, sắp chết, được miêu tả trong bài thơ Le Cor (chiếc kèn sã) của thi hào Pháp Alfred de Vigny. Tên cán búa nọ nổi giận, nó gầm lên:

- Chạy há? Mày có chạy đi đằng trời cũng không thoát khỏi tay chúng ông đâu.

Dứt câu, nó hất hàm cho tên quản giáo đứng gần đó. Tên này bèn gọi một thằng trưng giới vào, cho anh ném đòn phủ đầu. Rồi anh bị tống vào kiên giam. Tại đây, cứ hai tù nhân một cặp đầu lung vào nhau mà quỳ trên hai ô vuông gạch bông. Quỳ mà động não, suy nghĩ. Quỳ xong là viết kiểm điểm. Viết xong lại quỳ. Rồi viết tiếp, khai cho bằng hết. Sau này, có một tên cán bộ văn hóa trung cấp ở Sài Gòn, chỉ vì “thiếu cảnh giác” hay vì “sơ hở sao đó” đã tiết lộ với báo chí nước ngoài khá nhiều về Nguyễn Mạnh Côn. Trước hết là Nhà văn của chúng ta đã không đáp ứng đúng yêu cầu của Cách mạng. Anh chỉ ôn lược những việc đã làm. Kể lại nội dung từng sáng tác. Chớ không tự lên án mọi hoạt động nói chung của mình. Có nghĩa là anh không nhận tội. Một tên quản giáo nó hỏi anh:

- Mày viết phản động đến như vậy mà còn cho là không có tội ư? Vậy mày có biết rằng Cách mạng chỉ giam giữ mày một thời gian nào đó thôi, rồi tha cho mày về hay không? Chứ giữ mày ở lại làm cái gì cho tốn cơm, tốn gạo.

- Vậy các ông muốn tôi phải làm gì đây? Nguyễn Mạnh Côn hỏi tên cán bộ nọ.

- Sẽ có người hướng dẫn cho mày. Y nói xong là bỏ đi.

Hôm sau, có một tên làm dịch vụ đã thông. Nom lạ hoắc. Không biết gã ta hành nghề ngỗng gì ở ngoài đời. Gã cầm trên tay một bịch ni lông trong suốt. Cố ý giơ lên cho đối tượng nhìn thấy bên trong có những gói mỏng, nhỏ. Thì ra là thuốc phiện quét, cô lại. Như thể thuốc cao. Chỉ nuốt chừng, xài đỡ khi thiếu bàn đèn. Gã lái nhái bên tai Nhà văn một chập lâu. Đại ý thuyết phục như vậy:

- Anh nên thành thật viết một bài kiểm điểm nhận mình có tội. Giờ, ăn năn hối hận, hứa với Đảng sẽ đổi mới tư tưởng, sẽ chuyển hướng sáng tác. Nếu anh chịu tuân hành nghiêm chỉnh pháp lệnh của Nhà nước thì chắc chắn anh sẽ được trả tự do đúng thời hạn. Thuốc đây, hãy xài tạm, hầu phục hồi sự minh mẫn cho trí óc. Đừng khí khái hão mà chuốc họa vào thân, làm khổ cho vợ con. Ngô biến tòng quyền là cách xử lý khôn ngoan của người biết tùy thời, lựa thế mà sống, anh ơi! Gãy còm, tong teo như anh, chịu đòn sao thấu...

Nguyễn Mạnh Côn thẳng thắn đáp:

- Ông cứ việc báo cáo lại với chúng nó về tất cả những điều tôi nói. Tôi không tôn thờ cái chủ nghĩa cộng sản mà tôi đã đi xuống chân ấy được. Tôi không bẻ cong ngòi bút, tôi không làm văn nô được. Đừng hòng dùng á phiện mà lung lạc tôi.

Việc gì phải đến đã đến. Nhà văn của chúng ta đã tự sát. Bằng cách nào, không nghe ai bộc tiết. Chỉ biết, trước ngày anh quyên sinh, anh gặp trường Trại mà hỏi y:

- Cách Mạng công bố là chỉ giam tôi có thời hạn. Sao đã quá hạn mà không thả?

Tên cai ngục cười gằn mà bảo:

- Nói dễ nghe nhỉ? Mày ngoan cố quá, cứng đầu quá mà. Mày có chịu nhận tội đâu mà đòi Nhà Nước tha cho mày.

Kẻ thù chưa kịp hạ thủ Nguyễn Mạnh Côn thì anh đã tự tìm cho mình cái chết rồi. Anh đã chết vinh. Anh đã bảo toàn được danh dự và tiết tháo của kẻ sĩ. Là một kẻ sĩ uy vũ bất năng khuất, anh đã không “lạc đường vào lịch sử” như một nhân vật trong truyện anh viết. Trái lại, anh đã đi thẳng vào lịch sử với tư cách một chiến sĩ tiên phong chống cộng trên mặt trận quốc gia.

ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ

NGUYỄN KIÊN TRUNG

Lòng hỏi lòng, tôi thấy mình như con
ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng
chiến quanh co, nay ra đến con đường
mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm
sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng : đàn ngựa
trẻ đang phóng lên nước kiệu ...
Tôi linh cảm Việt Cộng lại đang nhăm.
Nhăm ở chỗ đánh giá anh em ta quá thấp.

MẸ,
MẸ SOI SÁNG ĐƯỜNG ĐI CHO CÁC CON CỦA MẸ.
NMC

*Vào cuối tháng chạp năm ngoái anh Nguyễn Đình Vượng đã in
xong cuốn “ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ” này của tôi. Tập
san Chỉ Đạo có thịnh tình báo tin là sang đầu Giêng 1958 chúng
tôi sẽ có sách bán. Kể từ bấy giờ, chúng tôi đã nhận được khá
nhiều thư hỏi thăm. Nhưng cuốn sách vẫn chưa ra được, cho đến
nay đã sang tháng Năm...*

*Cuốn sách không ra được vì thiếu hẳn một khuôn 16 trang đầu.
Khuôn này không in được vì chúng tôi chưa có bài tựa.*

*Tôi vẫn định ninh xin một bạn văn viết cho mấy lời giới thiệu.
Hoặc nữa –tôi nghĩ như vậy- tôi có thể tự mình bày tỏ những
nguyên nhân vì đâu tôi tạo thành được cuốn sách. Từ năm đến bảy
trang in chỉ là việc làm trong một đêm. Thế mà hơn một trăm đêm
qua đi, chúng tôi vẫn chưa có bài tựa. Hay nói cho đúng, trong số
bảy tám bài đã viết xong, chúng tôi không tìm được bài nào tương
xứng với cuốn sách.*

*Thật xa xôi những kỳ thị chủ quan về giá trị văn chương hay tư
tưởng của bài tựa : Tôi vẫn muốn được giới thiệu, hoặc tự giới
thiệu, hoàn toàn về tình cảm. Nhưng tình cảm trong bản thân tôi,*

sau khi tôi viết xong cuốn sách, đã lắng xuống, như trời quang mây tạnh sau một cơn giông tố. Ngày này qua ngày khác, tôi tìm hoài hỷ không có được một rung động nhỏ. Tôi không sao viết nổi bài tựa. Tôi nghĩ mãi : thì ra vấn đề không thu hẹp trong phạm vi văn nghệ hay kỹ thuật, vấn đề bao quát cả một niềm hi vọng tha thiết của quốc dân năm 1945, cả một cuộc phản bội của Mặt Trận Việt Minh, với không biết bao nhiêu người sống quằn quại, không biết bao nhiêu người chết thảm thê vì sự phản bội ấy. Tôi không viết được là phải. Tôi có lẽ nào đem chút tình cảm vụn vặt của mình làm mào đầu cho cả một giai đoạn lịch sử cao quý, hùng vĩ của dân tộc?

Nhưng vì đâu hôm nay tôi tự nhiên thấy bùng lên trong tâm hồn một ngọn lửa như ngày nào còn đương viết về những người bạn bị hạ sát trong cuộc Đấu Tranh Chính Trị của Việt Cộng. Tôi nóng nảy, muốn trút ngay lên mặt giấy một sự căn thiết phải gào thét, phải nức nở, cho số phận những người bạn tôi sắp phải chết, ngoài kia, bên trên vĩ tuyến Bắc 17 độ.

Nói là bạn nhưng chỉ có một số nhỏ là bạn tôi thật, còn nhiều người mới quen sơ qua trên con đường kháng chiến, nhiều người chưa hề được gặp mặt, nhiều người tôi đáng tôn lên bậc Thầy. Phan Khôi, Đào Duy Anh, Văn Cao, Trần Dần, Hoàng Cầm, Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường... Những người ấy sắp bị Việt Cộng đem ra xử án.

Tôi đủ hiểu Việt Cộng, để biết đích vì sao họ phải đem ra buộc tôi công khai những người đáng lẽ họ có thể thủ tiêu bí mật. Nhất định là trong hàng ngũ của họ có sự sứt mẻ trầm trọng. Một luồng dư luận mãnh liệt rõ rệt đương sôi sục lên giữa những người trí thức. Việt Cộng có thể giết bỏ vài chục nhân mạng bằng một chuyến máy bay định trước cho phát hỏa trên không trung, nhưng Việt Cộng cần phải dập tắt một luồng dư luận. Việt Cộng cần phải tổ chức cho kỳ được những phiên tòa công khai, trong đó từng người, từng người, trong số những người chủ trương chống lại

chủ nghĩa Stalin-Mao-Hồ, phải công khai nhận tội, sau khi được giáo dục một lần cuối cùng bằng những phương pháp phát minh bởi đội M.V.D., đặc vụ chính trị. Năm 1936, Stalin đã dùng thử những phương pháp ấy vào những vị lãnh tụ của thời kỳ tiền khởi nghĩa 1917 : tất cả mọi người đã nhận tội phản đảng, phản quốc, phản nhân dân.

Bây giờ đến lượt những nhà trí thức Việt Nam kháng chiến. Họ sẽ ra tòa, ngậy độn, ngớ ngẩn vì những liều thật nặng của những thứ thuốc Pentholal, Morphine, Largactil, vì cả đêm đứng dưới hàng chục ngọn đèn 500 nến, không được nhắm mắt. Họ mệt mỏi cùng cực, với một phân đầu óc bị tê liệt bởi độc dược, họ sẽ nhận hết mọi tội, xin lỗi Đảng đủ điều, để chóng được nằm xuống nghỉ, dù là nghỉ chẳng bao giờ còn dậy. Họ sắp phải trả giá bằng tính mạng, những lỗi lầm của họ năm 1954.

Năm ấy, bằng sự tự ý ở lại miền bắc, họ đã chấp nhận những nguyên tắc thiết yếu của một chế độ độc tài. Họ đã nhìn chúng tôi –chúng ta- ra đi, hoặc thương tình hoặc rêu cọt. Tin tưởng vào lý luận, họ chờ đợi trông thấy giai cấp vô sản nắm quyền chuyên chế, nhờ có sức mạnh của đa số. Họ không phải là người đa số, họ biết từ lâu đa số sẽ quá khích và độc đoán. Nhưng họ không phút nào sợ hãi, viện cớ rằng họ chính là những người chỉ đường cho đa số – người ta, bọn lãnh tụ, vẫn nói như thế trong suốt thời kỳ kháng chiến.

Họ không chịu rằng họ chỉ là những phương tiện của bọn lãnh tụ, phương tiện dùng để kích động dân chúng reo hò bằng mình vào lửa đạn. Phương tiện đã hết mọi tác dụng khi cuộc kháng chiến tạm thời dừng lại. Mà họ không chịu biết như thế, nên vẫn còn muốn soi sáng cho dân chúng đi lên con đường tự do hạnh phúc. Rất có thể họ muốn lãnh đạo cả chính trị, ảnh hưởng cả lãnh tụ, bởi nhân danh văn nghệ sĩ, họ gần gũi nhân dân hơn ai hết. Họ nghĩ mình là những phần tử thành tâm nhất của một chế độ cộng hòa nhân dân hay xã hội chủ nghĩa lý tưởng, nếu không phải là

những người cộng sản thuần túy. Họ quên mình vốn dĩ là trí thức, trí thức tư sản.

Họ, nói cho thật đúng, có nhớ rằng từ khi chính phủ công khai lệ thuộc đảng, đảng đã có thái độ rõ rệt đối với những kẻ thù số một là giai cấp tiểu tư sản, lãnh đạo bởi tầng lớp trí thức, luôn luôn bảo vệ nhân phẩm, nhân đạo, tự do cá nhân, và tình thương yêu từ con người đến đất nước. Thái độ này nhằm xử trí trước tiên những phần tử tiểu tư sản đối kháng, chỉ giữ lại một số những kẻ nào chịu đầu hàng. Chính họ đã đầu hàng, nên cho chết tinh thần tự trọng để học tập chối bỏ cha ông và quá khứ. Họ tưởng thật làm như thế sẽ được đảng tha thứ cho cái tội đầu thai nhằm giai cấp. Cho nên họ không ngờ phía sau những danh từ tốt đẹp của “Cuộc Cách Mạng Vô Sản Vĩ Đại của nhân dân ta” đã có sẵn một bản án của bọn lãnh tụ. Và tất cả những trọng tội bọn chúng đem buộc cho họ hôm nay : phản đảng, phản cách mạng, gián điệp, tất cả chỉ để trừng trị họ dám theo đuổi một khẩu hiệu : Độc Lập-Tự Do-Hạnh Phúc, lợi dụng khẩu hiệu ấy để vận động nhân dân, tranh giành ảnh hưởng trong nhân dân với lãnh tụ.

Sự nhậm lỗi của họ sẽ phải trả giá bằng tính mạng. Nhưng trước khi chết, họ đã phải hối hận. Những truyện ngắn, những bức tranh, những bài thơ hay những bài tham luận họ sáng tạo ra trong ba năm gần đây, hết thảy đều chứng tỏ niềm thất vọng, cay đắng, xót xa của họ. Đến bây giờ, đọc những bài buộc tội họ, do bọn học trò của họ viết ra, tất họ đã hiểu Việt Cộng đã quyết định từ lâu rằng, sống tiểu tư sản, họ sẽ chết tiểu tư sản, không bao giờ không là tiểu tư sản!

Cái chết trông thấy của những người bạn có thể nào không gây ra trong tâm hồn tôi một sự xúc động cùng cực, mặc dầu họ có thể vẫn tự nghĩ là những người cộng sản bị những người cộng sản khác sát hại vì tranh nhau quyền lợi? Trong lúc này, tôi không sao nghĩ đến họ một cách chia rẽ.

Họ, như Trương Tửu, có thể vẫn ôm lấy danh nghĩa cộng sản

(Anh theo chủ nghĩa Mác ngoài hai chục năm, chẳng có gì bảo đảm anh đã rời bỏ chủ nghĩa ấy từ 1954!) Họ, như Phan Khôi, Đào Duy Anh, Hoàng Cầm, chưa hề bao giờ là những người cộng sản. Nhưng cùng nhau, họ đã chống lại Việt Cộng. Điều cần biết, đối với tôi, là trong hàng ngũ duy vật, một sự nỉt nẻ trầm trọng đã được xác nhận.

Một điều cần biết nữa là thực tế đang chứng minh rằng những con người ấy, vốn dĩ cộng sản hay chỉ đầu hàng hoặc thỏa hiệp với Việt Cộng, cuộc tranh đấu của họ gần đây là cuộc tranh đấu tiểu tư sản. Dưới bất kỳ nhãn hiệu chính trị nào, do họ tự nhận lấy hoặc bị kẻ khác gán cho họ, họ quả thật là những người tiểu tư sản, trí thức tiểu tư sản.

Những người trí thức tiểu tư sản, trong hòa bình và vì lý tưởng, **dám liềm mình chống lại cường quyền và bạo lực**, đó là câu kết cho cuốn ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ, câu kết tôi muốn viết, mà trước kia không dám viết, e ngại rằng chưa đủ bằng chứng cho chúng ta tin cậy.

Thì bây giờ, những nhà trí thức của thành Hà Nội, của Hồ Gươm và Hồ Tây không bao giờ phai nhòa trong tâm tưởng kẻ lưu vong, những nhà trí thức anh dũng ấy, bằng tai nạn của họ, đã cho phép chúng ta một lời quyết định.

NGUYỄN KIÊN TRUNG
V-LVIII

Hà Nội, ngày 3 tháng 9 năm 1945

Thân ái Trung,

Hôm nay viết cho Trung mà tâm hồn tôi còn thắm màu của cả một rừng cờ, còn rục tiếng reo của muôn vạn người say sưa giữa vườn hoa Ba Đình.

Chao ơi Trung,

Chúng tôi hôm qua, đã uống từng tiếng, từng chữ của bài Tuyên Ngôn Độc Lập. Và thế là chúng ta trở nên những công dân của một nước độc lập, trước quốc tế, trước thế giới, trước nhân loại và trước Đất Trời.

Tôi có thể nói với Trung rằng mười lăm đêm nay tôi không hề chợp mắt ngủ. Mà tôi không mệt. Trái lại, sau mỗi đêm thao thức để toan tính, để thềm khát những ngày mai nhất định rục rờ, rục rờ như Cha Mẹ tôi, Ông Bà tôi chưa bao giờ biết, thì cứ mỗi lần ánh sáng mặt trời trở lại chiếu vào lá cờ đỏ thắm vẫn phấp phới trước cửa nhà là mỗi lần tôi được tiêm thêm một liều sinh lực. Mỗi ngày chúng tôi một thêm khỏe, mỗi ngày chúng tôi một thêm hăng hái. Chúng tôi hăng hái đến nỗi có những lúc muốn chết, muốn chết ngay cho tổ quốc, và chết ngay giữa lúc vinh quang sáng chói này.

Trung mỉm cười nghi ngờ, -Trung cho rằng tôi nói cho đẹp, cho bảnh mà thôi?

_ Nhưng không đâu! Trung! Trung ở nơi hải ngoại, giữa quang cảnh thành Ba Lê đã phục hồi tự do và đời sống hoa lệ, làm sao Trung có thể hiểu nổi lòng bạn Trung ở nước nhà?

Tôi biết Trung có tham gia chiến khu “Pháp tự do” chống Đức. Tôi tưởng tượng được cuộc đời gian khổ mà Trung và các đồng chí của Trung đã sống. Tôi cảm thông được niềm hãnh diện cũng như nỗi vui mừng của Trung khi bước lên giải phóng Ba Lê.

Tôi hiểu Trung nhưng Trung không thể hiểu tôi. Bởi lẽ tôi biết rõ hoàn cảnh Trung, mà Trung không biết gì về hoàn cảnh của tôi.

Tôi viết rõ hơn nữa nhé, Trung là khách đến đất Pháp, Trung thấy Bao Ngược đàn áp Tự Do, nên con người “mã thượng anh hùng” đã không bỏ lỡ cơ hội tiếp tay cho Công Lý thắng Cường Quyền. Như thế là Trung có mọi điều kiện để mình tự bằng lòng mình.

Có phải hoàn cảnh của Trung đúng như thế không?

Còn hoàn cảnh của Minh thế nào? Chắc trung muốn hỏi lại như vậy. Cho nên, sau đây, tôi sẽ thuật lại cho Trung hay những gì đã xảy ra chung quanh tôi, trên đất nước, từ ngày Trung ra đi, tới nay thắm thoát đã trọn sáu năm.

(Tôi sẽ không ngại viết dài, vì tôi biết Trung sẽ không ngại đọc

dài. Tôi vụng về nhưng chận thành nên những gì tôi thuật lại với Trung đề là những sự kiện có thật. Và cũng bởi vậy, nếu lá thơ này không thể có giá trị văn chương thì ít ra nó cũng có giá trị tâm tình, giữa Trung với tôi, và giá trị tài liệu, đối với lịch sử dân tộc Việt.

Vì lịch sử là gì, nếu không phải là một thứ tâm sự lớn lao, bao gồm tất cả tâm sự vụn vặt nhưng tâm thành của mỗi người dân như chúng ta?)

Vậy thì Trung ơi, đây là chút ít lịch sử Việt Nam, từ 1939 đến 1945. Lịch sử của một dân tộc qua sự sống của một cá nhân lịch sử chủ quan. Nhưng mỗi cá nhân lại là một phần tử của con số hai mươi năm triệu cá nhân có khả năng dựng nên lịch sử. Bởi thế Trung có thể tin lời tôi.

Năm 1939 là năm Trung sang Pháp, để thỏa mãn tính giang hồ nhiều hơn để giúp “mẫu quốc” chống Hitler. Cuối năm ấy, theo gót Trung, tôi cũng đi Hương Cảng.

Tôi nhớ lại tâm tình của chúng ta lúc bấy giờ : chúng ta thèm khát

không gian như loài người thêm khát khí trời. Vì trong chúng ta là cả một tâm hồn đào tạo bởi văn hóa Pháp. Chúng ta thêm khát tự do mà tự do không có. Sự học như mở cho ta một cánh cửa sổ, để nhìn ra ngoài thì thấy cảnh vật huy hoàng chói lọi, nhưng chúng ta không tới được cảnh vật, vì cửa sổ cao quá (hay thấp quá?)

Chắc Trung không quên rằng, vào năm đó, tâm hồn ta hèn yếu đến nỗi ta không dám nhảy qua cửa sổ. Ta cũng không dám cả nghĩ đến sự nhảy qua cửa sổ. Căn nguyên của sự hèn nhất này là sự quá quen hưởng thụ một cuộc sống tuy thiếu tự do mà thừa yên ổn.

Nét xấu chung của hai ta, của chung của đa số thanh niên thời ấy, là cầu an.

Riêng chúng ta, nhờ địa vị của Cha Mẹ, được thoát thân ra đi. Ra đi để học hỏi, Trung tâm sự với tôi thế, và tôi cũng nhủ lòng như thế.

Nhưng trái với Trung, có hoàn cảnh để kéo dài sự học hỏi đến ngày nay, tôi đã lại trở về Hà Nội tháng sáu năm 1940.

Tôi về nước không phải bị bắt buộc; tiền nhà vẫn gởi sang đều đặn, và sự học vẫn vẫn tiến bộ đều đều. Sự “quy cố hương” của tôi thành ra không có lí do chính đáng đến nỗi về Hà Nội sáu tháng rồi mà tôi không dám về thăm Thầy tôi : tôi biết nói với người thế nào để khỏi hổ thẹn vì sự thằng thục đòi đi năm trước?

Thầy tôi có lẽ hiểu, và thương tình con trẻ hay thay đổi, nên cũng không hỏi lại về việc này. Duy Mẹ tôi, thương tôi một cách khác và lo sợ cho con có điều gì u uất trong lòng, Mẹ tôi nhất định hỏi tôi cho ra lẽ. Thành thử có một buổi chiều tôi phải thu hết can đảm để trả lời Mẹ tôi rằng :” Con chắc rồi đây sẽ có những sự biến chuyển lớn lao trong đất nước.”

Mẹ tôi nhìn tôi ngạc nhiên không hiểu. Tôi lại không sao nói rõ hơn. Ý tôi muốn nói thêm rằng tôi không muốn vắng mặt khi có những biến chuyển lớn lao trong đất nước, nhưng tôi hồ thẹn quá mà không nói nên lời.

Tại sao có thể mà tôi lại hồ thẹn, chẳng hóa ra làm thân trai, chú trọng đến việc nước là xấu xa lắm sao? – Chắc không phải thế. Tôi hồ thẹn, có lẽ vì trong tình trạng dân ta hồi ấy, sự cam lòng vâng lệnh chính phủ bảo hộ đã là sự quá quen rồi. Và trong thâm tâm, trong tiềm thức, có lẽ tôi nghĩ đến Thầy tôi là người sinh ra tôi, đến nhiều người ở địa vị cao quý hơn cả địa vị của Thầy tôi, mà thấy các “bậc trên” ấy còn không bận tâm lo việc nước, thì cái cá nhân tiểu mọn của tôi dám nói đến việc nước, há chẳng phải ngông cuồng, khoác lác lắm sao?

Căn nguyên sự hổ thẹn của tôi là như thế. Nhưng tôi không chỉ hổ thẹn không mà thôi đâu. Sự hổ thẹn ngăn ngủi, sự tủi cực về sau mới lâu dài hơn; cứ mỗi khi nghĩ rằng trong toàn dân không có mấy ai muốn lo việc nước, tôi lại thấy thấm thía trong tâm hồn một thứ cảm xúc như bàng hoàng lo sợ, như tủi nhục, như uất hận...

Trạng thái tâm lý này của tôi kéo dài trong mấy tháng. Cảm xúc xao xuyến đến chỗ bế tắc cả khả năng suy nghĩ, tôi tự nhiên lâm vào một thời kỳ sinh hoạt hoàn toàn theo con đường phóng dăng và truy lạc, lấy thú vui ồ ạt bên ngoài để đàn áp tâm tưởng sôi nổi bên trong.

Nhưng cũng may là thời kỳ này chóng hết. Tôi về nước chỉ được mấy tháng là quân Nhật tiến đánh vào Lạng Sơn.

Cho đến nay tôi vẫn không biết lý do thực sự vì sao người Nhật đánh Lạng sơn, vì trước khi tiến đánh, họ đã điều đình với người Pháp và đã giành được ít nhiều quyền lợi.

Có lẽ họ cho rằng quyền lợi giành được chưa đủ, có lẽ rằng họ nghĩ thế nào cũng phải chiếm Đông Dương để thực hiện khối “Đại Đông Á”, có lẽ nữa là đoàn quân Nhật ở Hoa Nam bị du kích Trung Hoa tiêu hao đến độ phải vội vã tìm lối thoát ra bờ biển...?

Tôi không biết rõ, nhưng lại biết rõ một điều khác, chẳng kém phần hệ trọng, là người Nhật đến, đánh thức tinh thần quật khởi của người Việt.

Thật thế. Trước khi người Nhật vào Lạng Sơn thì một tập thể cách mạng Việt Nam đã vùng lên chiếm chính quyền và lập tỉnh chính phủ ở đó. Phong trào này vội vã, ô hợp. Tuy trên cấp lãnh tụ có những Trần Trung Lập, Nông Kịch Du, Đoàn Kiếm Điểm, Hoàng Lương, nhưng cấp lãnh tụ cũng không làm gì nên chuyện, với đa số nhân sự là binh sĩ của Pháp (đội pháo thù ở Lạng Sơn) cùng là dân chúng chưa hề biết, được học thế nào là chiến thuật đấu tranh cách mạng.

Chính vì thế mà tính chính phủ của Phục-Quốc quân chóng bị tan vỡ, sự tan vỡ nguyên do ở sự thỏa hiệp giữa Nhật với Pháp một phần lớn: Nhật trả chủ quyền toàn vẹn, nghĩa là cả vùng Lạng Sơn cho Pháp. Nhưng sự tan vỡ còn chủ ở sự non kém về kỹ thuật lãnh đạo của cấp chỉ huy: đáng lẽ lập chiến khu, phân tán lực lượng để đánh du kích (như chiến thuật của quân đội Trung Hoa lúc đó đương chống Nhật), thì 2 lãnh tụ Trần Trung Lập, Đoàn Kiếm Điểm lại tập trung quân lực, giàn thành trận địa chiến, để quân pháp có dịp huy động cơ giới tiêu diệt.

Cuộc khởi nghĩa Lạng Sơn tan vỡ, người Pháp trả thù cực kỳ dã

man. Hơn nữa, rút kinh nghiệm vụ Yên Bái, bọn Chauvet, Lannèque, Lartigue, dùng dây thép xâu tay hàng ngàn người vào với nhau rồi đem ra bắn ngoài bãi bắn kia. Nhưng trái lại vụ Yên Bái, chúng không cho một tờ báo nào đăng tin. Vì thế mà dân ta ít người biết đến cuộc khởi nghĩa chống Pháp lớn lao nhất từ trước, có hàng ngàn quân tham dự giao chiến.

Cuộc khởi nghĩa tan vỡ, không gây nổi một luồng sóng dư luận xôn xao như hồi Yên Bái khởi nghĩa. Tuy nhiên, nếu không có dư luận mạnh mẽ, thì ít ra cũng có một thứ uất hận ngấm ngấm trong lòng người Việt, càng kín đáo càng sâu sắc, đành rằng những người Việt này chỉ là một thiểu số.

Trên đây tôi có nói Nhật muốn thực hiện khối Đại Đông Á, hoặc ít ra là nhờ danh nghĩa ấy mà lôi cuốn người da vàng giúp họ đánh người da trắng. Người Nhật không đại nên người Nhật lợi dụng niềm uất hận này, cùng lợi dụng tấm lòng khát khao độc lập của người Việt, để gây một tinh thần chống Pháp, thân Nhật. Trông cậy ở quân lực của Nhật để diệt Pháp, để khôi phục độc lập cho tổ quốc và để tham gia bình đẳng vào khối thịnh vượng chung Đại Đông Á, đó là thái độ chính trị của một số khá đông người Việt lúc bấy giờ (bạn anh, chao ôi, cũng là một phần tử đại dốt trong số đông này!).

Nhưng người Nhật đã không dại, rồi lại dại. Dại có lẽ vì quá khôn. Có lẽ họ chỉ thấy cần giải quyết được đối thủ chính là lực lượng Hoa Kỳ, tất sau đó họ rảnh tay tha hồ làm mưa làm gió. Có lẽ ngay từ lúc bấy giờ họ đã không thật tâm với dân tộc Việt. Có lẽ đối với Đông Dương họ tạm thời họ chỉ cần đến cứ địa quân sự và tiếp tế lương thực, cho nên họ mặc cho người Pháp giữ việc cai trị để giúp họ rảnh tay làm việc khác. Có lẽ họ đã khôn như thế ở Việt Nam, ở Phi Luật Tân, ở Miến Điện, ở Mã Lai. Mặc dù ở mỗi nơi họ xử sự một cách khác. Có lẽ vì thế mà khi Anh vào Miến Điện, Hoa Kỳ vào Phi Luật Tân, thì mặc dầu những hứa hẹn thịnh vượng chung và bình đẳng của họ, các dân tộc sở quan đã bỏ họ mà theo Đồng Minh: Đó là một trong những lý do khiến họ bị thất bại.

Trở về đây nước ta. Người Nhật cứ hứa hẹn và cứ xui ta theo Nhật chống Pháp, người Pháp cứ khéo léo với Nhật và khùng bỏ ngăm những người chống lại họ. Còn người Việt, đa số vẫn thản nhiên trước “định mệnh”, thản nhiên đến độ có thể coi họ là những kẻ bàng quang đứng xem 2 con gà chọi nhau, làm như con gà nào thắng, con nào bại, cũng không liên hệ gì tới ai hết (vì theo đa số, thì tham dự cuộc đấu tranh là chỉ làm tay sai cho một trong hai bên, để rốt cuộc bên nào thắng vẫn cứ đô hộ Việt Nam như

thường).

Tình trạng kéo dài như thế hơn 3 năm.

Năm 1944 là năm người Pháp tìm ra được một kế hoạch cực kỳ khôn ngoan (nhưng khôn quá lại hóa dại cho mà xem!): Lợi dụng việc người Nhật mỗi năm cần dùng một số thóc gạo của Việt Nam để nuôi quân, họ bày ra một phương pháp vô cùng xảo quyệt, vô cùng nham hiểm.

Họ bày ra một cách bắt nông dân bán thóc theo tỉ lệ ruộng cây.

Người Nhật mua, trả tiền. Người Pháp mua cũng trả tiền. Nhưng người Nhật mua 1 thì người Pháp bắt nông dân bán mười, bán trăm. Bán kỳ hết thóc trong cót trong lẫm.

Kết quả là ngót 2 triệu người Việt Nam chết đói ở Bắc Việt.

Trung ơi, Trung không tin có phải không? Vì Trung nghĩ Bắc Việt có bao nhiêu người mà chết đói được 2 triệu... vì Trung nghĩ bán thóc lấy tiền thì lại đong thóc, có sao đâu mà phải chết đói đến 2 triệu người, phải không Trung?

Nhưng Trung không thể tưởng tượng được sự tàn ác của bọn thực dân. Trung không thể ngờ rằng trong Việt Nam có thóc thừa mà không có than, phải đổ thóc vào lò máy đốt cho xe lửa chạy. Thế mà không một hạt thóc, không một hạt gạo ra Bắc. Đó là 1 quyết

định của thực dân.

Trung lại không ngờ được rằng tất cả – Trung đọc cho kỹ: tất cả nông dân phải bán thóc. Người cấy 1 sào không đủ ăn cũng phải bớt ăn mà bán. Người cấy đủ ăn, chừng ba mẫu, phải bán quá nửa, nên thiếu gạo ăn trong một nửa năm. Người có hàng chục hàng trăm mẫu phải bán quá số thu hoạch bình thường, đến các kho dự trữ cũng phải mở ra để lấy thóc bán.

Vụ chiêm năm 1954, nông dân bán gần hết thóc, nhưng sông vát vường đến được vụ mùa. Vụ mùa nông dân bán gần hết thóc, nên chỉ đủ sống được đến cuối năm.

Đầu năm 1954, giữa một mùa rét kinh hồn như một trăm năm nay chưa từng thấy, người ta đã gặp những xác chết khô đét, co quắp bên lề đường cái quan.

*

Trung ơi, Trung làm thế nào mà tưởng tượng được cái cảnh một người chết đói? Trung làm sao mà tưởng tượng được cái cảnh hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn, hàng triệu người chết đói?! Nhất là những người chết đói đó là đồng bào của trung?

Trung đi trên đường cái, từ Thái Bình sang Ninh Giang, sang Hải Dương rồi lên Hà Nội... Trung không đi quá 50 thước đã lại gặp

ngõn ngang vài ba, hay năm bảy cái xác chết trần truồng và chồng chất lên nhau. Đó thường là 1 gia đình bỏ làng đi tìm kế sống ở tha phương. Họ đi, nhưng đói quá không đi được, nên ngã xuống đấy. Có người may mắn (!) lên cơn chuột rút mà chết ngay được. Nhưng cũng có người thoi thóp mãi không chết. Và đến lúc ấy, trong giây phút sự sống chợt trở về, họ nghĩ đến nhau, thương nhau, nên thu hết sức tàn mà lê lại gần nhau, ôm lấy nhau, nhìn nhau khô nước mắt, cầm tay nhau, để chết.

Trung đi trên đường cái, nhưng Trung không đi được, vì tấm lòng của Trung không nở. Trung dừng lại, đem chút ít tiền có trong túi phân phát cho những người còn tỉnh. Họ cầm tiền ngỡ ngác: họ có ăn được tiền đâu ? Rồi Trung nhìn họ, thấy họ lặng lẽ buông tay cho tờ giấy nhỏ rơi xuống đất, đến lúc đó trung mới hiểu hết nỗi niềm thiết của họ, và chắc là trung sẽ ứa nước mắt.

Nhưng trung lại cứ đi, bởi lẽ Trung còn sống. Qua gần cầu Bo, Trung sẽ thấy những người hành khất ngoạm vào xác chết, nhai ray rút miếng thịt không còn máu, rồi phát điên. Trung sẽ thấy cái quán cơm bên đò Nhung bán thịt người.

Trung sẽ thấy đứa hài nhi lồm cồm bò trên người mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy đứa hài nhi khác nhay mãi vú mẹ nó đã chết. Trung sẽ thấy người đàn bà ôm đứa con thơ trong lòng mà nhỏ nước mắt

vào người nó : vì hai mẹ con cùng chờ chết.

Chết đói ! Cả vạn người chết đói, cả triệu người chết đói.

Ở Hà Nội người ta dùng xe rác chở người chết đói đem chôn.

Chôn vào từng hố lớn, dài hàng chục thước. Xác vất xuống ngổ

ngang, có cái xác thật là xác, nhưng có nhiều cái xác còn cựa

quậy...Người phu xác rùng mình, đau thắt ruột. Nhưng người phu

rác có muốn cứu chỉ được một người, không cứu nổi ngàn người.

Nên người phu rác nghiền răng, gạt cả những xác chết cùng những người chưa chết xuống hố sâu.

Trung ơi trung, Trung sẽ nghĩ rằng Trung thà bán hết cả quần áo,

bán hết cả sách vở, bán đến cả tài sản của Thầy Mẹ Trung chưa

chia cho Trung, để cứu những người chết đói...Nhưng cái thống

khổ, cái kinh khủng của Trung, lúc đó, là không biết cứu những ai.

Trung không thể có hàng triệu bì gạo để chia cho tất cả mọi người.

Nếu Trung vẫn cứ bán hết đi, hãy biết cứu lấy một số người qua

cơn đói một ngày, thì ngày mai Trung lại nằm xuống như họ !

Vậy thì cái kinh khủng của Trung là trông thấy đồng bào chờ chết,

hay đương chết, mà Trung phải làm thinh. Để sống.

*

Để sống mà rửa mối hận ngút trời ấy, phải chăng Trung?
Hẳn thế, vì đó cũng là suy nghĩ của muôn người trai trẻ như
Trung, như bạn Trung.
Đó cũng là lý do, cũng là HOÀN CẢNH, để cho có cuộc Cách
mạng tháng Tám này.

*

Cách mạng tháng Tám bùng nổ trước hết là để tuyết hận cho ngót
hai triệu đồng bào ta đã chết đói.

Những người mẹ đến lúc chết còn thu sức tàn mà ghì đứa con bé
bồng vào lòng, hình như để còn bao nhiêu sinh lực thì truyền cho
nó, cho nó được sống.

Những người cha bất lực, trông từng đứa con ngã xuống mà hận
thịt mình không ăn được, máu mình không uống được.

Những người dân của những làng chết đói cả làng, của những
huyện mười phần người còn một.

Hai triệu người oan thác, vì thực dân muốn đánh vào quân phiệt
một đòn tinh thần chí mạng: gạt cho người Nhật chịu trách nhiệm
về hai triệu mạng người này.

Nhưng rút cục người ta không thể lừa dân chúng đến thế, người
Việt-Nam đã đành căm giận người Nhật đến xương tuỷ, nhưng

người Việt-Nam căm giận người Pháp cũng chẳng kém gì. Trước mắt hơn bảy triệu người Việt miền Bắc còn sống sót, cái chết kinh hoàng, khủng khiếp của đồng bào họ đã thấm tóe vào hai chữ vẫn tắt: ngoại thuộc.

Vì chỉ có ngoại nhân, khát máu tanh lòng, mới đành tâm và thân nhiên giết đến hai triệu người Việt. Chỉ có ngoại nhân mới can đảm chém đầu Nguyễn-thái Học ở Yên-bái, xử bắn Trần Trung Lập ở Lạng-son. Chỉ có ngoại nhân mới đầu độc non nửa dân số Việt-Nam bằng rượu và thuốc phiện. Chỉ có ngoại nhân mới thu vét hết vàng bạc ở đất này mang về nước họ. Chỉ có ngoại nhân mới cố tình đẩy đoạ dân chúng Việt-Nam trong cảnh lầm tan, cực nhọc, và u mê, tối tăm.

Thành ra ngót hai triệu người chết năm 1945, từ tháng Giêng đến tháng Tư, là chết để đem linh hồn dâng vào luyện sự tỉnh ngộ và ý chí phục thù cho toàn dân.

Đó là HOÀN CẢNH cho phép đấu tranh bộc phát.

Đấu tranh lúc đó quy tụ cả vào Mặt trận Việt-Minh.

Giữa một ngàn người được tổ chức, không có lấy một người được đọc qua chính cương của mặt trận. Nhưng cần gì, khi mới nói hờ một câu, tự nhiên người ta đã đồng tình đánh Nhật đuổi Tây?

Mặt trận Việt-Minh, chính tôi cũng biết, chỉ là một đảng của riêng một số người, lập ra để theo đuổi những mục đích riêng của họ. Nhưng trong số mục đích của họ có mục đích đánh Nhật đuổi Tây. Và hơn nữa, họ hoạt động có khoa học, có tổ chức nhất trong các đoàn thể lúc bấy giờ. Họ lại nắm được yếu tố quyết định là có bằng cứ có liên lạc với Đồng minh, được Đồng minh tiếp tế vũ khí và giao cho nhiệm vụ tình báo kháng Nhật. Họ chụp ảnh sĩ quan Hoa-kỳ đương dự lớp huấn luyện cán bộ, ảnh phi cơ Mỹ thả dù tiếp tế cho chiến khu. Họ in những ảnh ấy vào một tờ giấy lớn gọi là báo “Dân-Chủ”, số đặc biệt. Sự tuyên truyền thật hết sức khôn khéo: người ta chỉ tưởng như mình mới biết được một nguồn tin đặc biệt. Người ta không thấy mình bị tuyên truyền trước ảnh chụp, bởi lẽ, theo đại chúng, ảnh chụp chỉ chứng minh một sự kiện có thật, khác hẳn lời tuyên truyền. Đại chúng tin tưởng, gây nên một luồng dư luận hoan nghênh Việt-Minh mạnh mẽ. Đến nỗi dư luận này, sau cùng, lại có tác động vào tâm lý của một số người đã

biết rõ mấy người Mỹ trên chiến khu chỉ là nhân viên liên lạc để “xem xét khả năng” của Việt-Minh, ngõ hầu công nhận sự hoạt động của họ sau này. (Sự công nhận đã không có, vì được tin Nhật đầu hàng và một cuộc đổ bộ lên bờ biển Việt-Nam không cần đến nữa, mấy sĩ quan Mỹ đã bỏ về bộ Tư lệnh quân đội nước họ ở Côn-minh. Một số về qua Hà-nội, xung vào phái bộ Điều Tra tù binh (Phái bộ Patti, 21-9).

Sự hoan nghênh Việt-Minh, vì thế mà lan rộng rất nhanh. Nhanh đến nỗi, ở nhiều vùng, công tác tổ chức đảng viên không theo kịp lòng ngưỡng mộ của công chúng. Người ta thao thức chờ đợi, lần mò tìm kiếm cho được “anh cán bộ” để xin đi theo hoặc để giúp tiền bạc, khí giới.

Thân ái Trung,

Năm Trung ra đi, có một phút nào chúng ta dám mơ ước rằng một cụ phán già sẽ chia đôi lương hưu trí, một bà chủ tiệm kim hoàn sẽ chia đôi tài sản cho những người sắp đứng lên làm một cuộc khởi nghĩa? Ấy thế mà chính những ai tha thiết với cuộc sống bình thản của họ nhất, sẽ lại là những người hăng hái nhất.

Cuộc khởi nghĩa quả nhiên là một sự quật khởi của những người tư bản, tiểu tư bản và trí thức. Lẽ cố nhiên tôi không định nói tất cả những phần tử tư bản, tiểu tư bản v.v... đã quật khởi, nhưng tôi muốn cho Trung nhận thấy rõ rệt được rằng vừa đây dân ta đã làm được một cử chỉ cao quý về tinh thần nhiều hơn về vật chất.

Tôi không quên chính tôi vừa mới viết “hai triệu người chết đói để tạo ra hoàn cảnh đấu tranh”. Như thế đáng lẽ cuộc khởi nghĩa phải là công trình cái thành phần xã hội đã có nhiều người chết đói nhất, để giành lại quyền lực về thóc gạo, là vật chất, để không bao giờ bị đói một lần nữa. Cuộc khởi nghĩa đáng lẽ phải là một cuộc khởi nghĩa của đồng bào nông dân vô sản.

Nhưng sự thật không giản dị như vậy. Vì sao? – Có lẽ vì đồng bào ta ở nông thôn chưa ý thức được cái bổn phận của bộ máy nhà nước đối với họ. Trải hàng chục, hàng trăm đời người, kể từ những thời kỳ bị đô hộ tàn bạo nhất đến những thời kỳ tự chủ oanh liệt nhất đồng bào ta ở nông thôn có lẽ không có ai dám nghĩ rằng nếu nhân dân có bổn phận phục tòng chính quyền, thì chính quyền, ngược lại, có bổn phận phục vụ nhân dân.

Tinh thần dân chủ có đâu đã nảy nở được giữa cảnh đồng ruộng? Đồng bào ta, trước năm 1945, chỉ có thể có một chiều suy nghĩ: làm dân là phải tuân phép vua, tuân lệ làng, lúc đó người dân sẽ có

quyền được sinh sống và kiếm ăn thông thả.

Năm 1945 chỉ là một năm “khó làm ăn”. Đáng lẽ oán giận chính quyền thu hết thóc, làm cho hai triệu đồng bào của họ phải chết đói, thì những người sống sót lại đi tìm những căn nguyên trực tiếp của từng nạn nhân mà họ quen biết. Chả hạn như ông Chánh tổng X. có rất nhiều thóc, nhưng phát chán quá tay, đến lúc hết thóc không vay, không đong được ở đâu mà ăn nữa. Chả hạn như bà Phó Y. thấy đồng bào trong xã bán ruộng rẻ quá nên bán hết thóc để tậu ruộng, vào tháng Hai, không ngờ đến tháng Tư bà Phó Y. ôm mớ văn tự mà chết đói. Ấy, đại loại mỗi người tìm thấy một hoàn cảnh, một hoàn cảnh trước mắt, để tạo ra một căn nguyên hợp lý cho sự lâm nạn của đồng bào họ sau này. Chính bởi thế mà ngay vụ đói và sau vụ đói người Việt-Nam ở nông thôn không biết đến thủ đoạn tàn ác, ghê gớm của thực dân. Chính cũng bởi thế mà tôi có thể nói quyết với Trung rằng nếu vụ đói năm 1945 quả nhiên có gây ra hoàn cảnh cho tinh thần đấu tranh, thì tinh thần ấy chỉ nảy nở trong đám người có hiểu biết, có học hành, và được đủ no để biết sợ cái đói. Những người tư sản trí thức.

Thế rồi nổi niềm phẫn uất, căm hờn, sẽ truyền từ cái nhân tư sản trí thức sang cái quả dân tộc đa số là nông dân. Trung còn lạ gì trạng thái tâm lý của đồng bào nông thôn của chúng ta? Họ là

những người còn giữ được tâm hồn trong sạch nhất, lành mạnh nhất trong khối dân tộc. Đúng như tinh thần cổ truyền của đời sống xã hội ta, đồng bào nông thôn thật sự vẫn còn coi trọng đạo đức, lễ nghĩa, và học thức hơn của cải với uy quyền nhiều lắm. Chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy một bạn điền nghèo túng đương quy lụy tên chủ điền trọc phú. Chúng ta càng dễ thấy nhiều người khúm núm, sợ sệt trước một viên quan huyện hồng hách. Nhưng chúng ta biết chắc rằng, một khi ra khỏi nhà tên trọc phú, khỏi công đường của viên quan huyện, tức khắc cái khúm núm, cái quy lụy, cái sợ sệt sẽ biến đi ngay. Và cứ mỗi khi gặp được hoàn cảnh được tự ý lựa chọn một thái độ, nhất là trong cơn nguy biến hay vào những giờ phút nghiêm trọng, người nông dân còn giữ được nhiều phần chất phác kia nhất định sẽ có một thái độ rập khuôn với thái độ của người có đạo lễ, có học hành hay có kiến thức nhất trong thôn xóm.

Trung sẽ bảo tôi: – “Đó là một thái độ khôn ngoan, nhưng đa số quần chúng nước nào mà chẳng khôn ngoan như thế?”. Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung. Ý của Trung, hơn nữa, lại giúp cho sự nhận thức của tôi thêm chắc chắn, là một cuộc khởi nghĩa lớn lao của toàn dân, ở đâu cũng thế, ít khi do đại chúng tự động thực hiện được.

Một cuộc khởi nghĩa – hay một cuộc cách mạng – bao giờ cũng có một cơ sở chỉ đạo, một cơ sở lãnh đạo. Cơ sở trước có thể là một người, một nhóm người, hoặc có thể chỉ là một ý chí mãnh liệt chung của một số người. Trong trường hợp chúng ta, cơ sở chỉ đạo khởi nghĩa là một danh vị trù tượng, là ý chí giành độc lập, diệt ngoại xâm, để tuyền hận cho hai triệu người “tử vì đạo”, và để bảo đảm cho tương lai khỏi trông thấy một vụ oan khốc tày trời như thế nữa.

Ý chí trên đây là một sự kiện có thật, không thể chối cãi được, giữa tầng lớp tư sản, trí thức của xã hội ta năm 1945. Đánh Nhật, đuổi Tây, giành độc lập... đó là ý chí chỉ đạo. Ý chí lãnh đạo sẽ từ mặt trận Việt-Minh mà tới.

Tôi chưa muốn vội vã xét đoán đến thiện chí hay những ý định khác của số người mới này. Tôi hãy muốn tách ra một tính chất rõ rệt của họ. Họ là những người có được học tập, được huấn luyện về phương pháp lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa. Họ là những người may mắn nắm được một số lợi điểm: có một chút giao dịch với Đồng minh, có một chiến khu để gọi là nơi đồn trú lực lượng võ trang (mặc dầu, nói cho thật chiến khu [1] của họ không phải tự họ đánh mà chiếm được).

Bao nhiêu hy vọng kháng Nhật đều đặt vào sự thắng lợi của Đồng minh, bởi ai nấy đều biết rằng một đội quân cách mạng ô hợp đâu có dám đương đầu với quân đội Nhật. Đó là lý lẽ khiến một chút giao dịch với Đồng minh có thể giúp cho Việt-Minh nắm được hầu hết thành phần quả cảm của giai tầng tư bản trí thức. Có thành phần này, Việt-Minh dễ dàng nắm được hầu hết đồng bào cần lao ở nông thôn và thành thị.

Thế là trong thời gian rất ngắn, mặt trận Việt-Minh trở nên đoàn thể mạnh nhất giữa các đoàn thể cùng chung một mục đích phục quốc. Cái mạnh của Việt-Minh rõ rệt là không chủ ở một tiểu đoàn bộ đội ô hợp, và cũng không chủ ở năng lực cán bộ như theo lẽ thường. Cái mạnh của Việt-Minh mạnh ở ngay chỗ dịch bỏ một khu vực không chiếm đóng, và ở ngay sự “thăm viếng” của mấy sĩ quan với hạ sĩ quan Mỹ.

Nhưng không ai chối cãi được rằng Việt-Minh rất mạnh. Lòng hời hợt, một lãnh tụ Việt-Minh chắc chắn phải nhận thực lực chủ quan của mình rất yếu: quân đội không đủ đánh một trận rất nhỏ, cán bộ không đủ tung vào một tỉnh hơn một triệu dân (như tỉnh Nam-Định).

Thế mà Việt-Minh rất mạnh, đối với bất cứ ai ở ngoài nhìn vào, thực lực của Việt-Minh là cả một khối hai mươi năm triệu người.

Trong nhất thời không nói đến chủ nghĩa một cách vội vã [2], Việt-Minh chỉ nói đến mục đích trước mắt: giành độc lập. Một tiếng Việt-Minh hô “Tiến lên!” thì ở ngay những nơi không có bóng vía một cán bộ, tiếng hô sẽ được hàng trăm, hàng ngàn cái miệng tư sản trí thức nhắc lại, rót vào tai quảng đại quần chúng, trong chốc lát biến thành một cơn bão táp những tiếng hô “Tiến lên!”. Người ta hô “Tiến lên!” để được thoả nỗi lòng thèm khát độc lập, nhưng cứ mỗi lần nhắc lại một tiếng hô của Việt-Minh là một lần bồi đắp sức mạnh cho Việt-Minh. Người ta vô hình chung biến thành Việt-Minh tất cả.

Biết bao nhiêu người lẫn lộn toàn dân với Việt-Minh như thế. Một người nhằm làm cho nhiều người bên cạnh nhằm theo. Đến nỗi sức mạnh của toàn dân khi đấu tranh giành độc lập, đáng lẽ chỉ là của toàn dân hoặc là của chung của tất cả những ý chỉ chỉ đạo, thì lại biến thành sức mạnh riêng của Việt-Minh. Người người náo nức, thậm chí những đoàn thể cùng một mục đích với toàn dân cũng huyễn hoặc sâu xa, và đương nhiên có Việt-Minh là đoàn thể mạnh nhất hồi ấy.

Đó là căn nguyên thứ nhất, nó đã khiến cho những đoàn thể tại thủ đô, khi quân Nhật đầu hàng, nhường (!) quyền ưu tiên lãnh đạo

cuộc khởi nghĩa cho Việt-Minh. Mặc dầu quân đội Nhật, tuy đầu hàng nhưng còn nhiệm vụ giữ trật tự trong nước, đã tỏ ý rõ rệt sẵn sàng giúp đỡ các đoàn thể quốc gia chống lại Việt-Minh, mà người Nhật biết rõ là có chủ trương chính trị quá khích.

Người Nhật không lạ gì thực lực của Việt-Minh, dám quyết tiêu diệt thực lực ấy trong vài ngày. Có lẽ cũng có nhiều người biết như thế nhưng người ta e rằng thực lực của Việt-Minh tuy yếu kém, mà về tinh thần Việt-Minh chính là toàn dân, diệt Việt-Minh người ta sợ toàn dân công phần, kháng cự.

Người ta đành để cho Việt-Minh đòi, và đòi được lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa. Bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một, người ta không biết rằng toàn dân lúc ấy sẽ chỉ ngã về ai giành được độc lập thật sự. Thành ra có những người có thể đem tài, sức, ra viết những trang lịch sử oanh liệt, thì những người ấy lại thoái lui, sợ lịch sử kết tội tranh giành quyền lợi, làm hại cho công cuộc đấu tranh của toàn dân. Thành ra ngày 17 tháng 8 vừa rồi, có trọn vẹn ba lá cờ chạy hiệu giữa đám biểu tình của Tổng hội Công chức mà huy động được hơn trăm ngàn người đi biểu tình ngày 19. Rồi lại có không đến ba mươi cán bộ Việt-Minh, thụt lại phía sau đoàn biểu tình vĩ đại ấy mà “cướp” được chính quyền ở một nước hai mươi năm triệu dân.

Trung hãy nghe tôi tả rõ cuộc biểu tình tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8.

Người ta bảo nhau, rủ nhau may cờ để đi biểu tình tuần hành. Ít lắm là đoàn biểu tình có một trăm ngàn người: Nếu đi từng nhà, triệu thính từng người, thì cán bộ Việt-Minh chỉ tập hợp được vài ngàn người. Nhưng không mấy ai được gặp cán bộ. Chỉ cần một người nói lên: “19 tháng 8!”, thế là đủ một truyền mười, mười truyền trăm, đến ngàn, đến trăm ngàn.

Chúng tôi vác cả một rừng cờ đến đợi ở trước nhà Hát Lớn từ bốn giờ sáng. Mãi hơn tám giờ mới có micro với loa phóng thanh.

Mấy cán bộ Thành của Việt-Minh lên đọc, ngập ngừng, những lời hiệu triệu yếu đuối so với khí thế bùng bùng của chúng tôi đứng nghe. Hơn mười giờ bắt đầu biến biểu tình thành tuần hành “thị uy” về phía Bắc bộ phủ. Ông Khâm sai Phan kế Toại có lời ước hẹn đầu hàng từ hôm trước, ra đón đoàn đại biểu – các cán bộ – tận ngoài cổng phủ. Tin tức loan truyền, nhanh như chớp: “Đã cướp được Bắc bộ phủ!”.

Người ta đã có quyền hành chính. Bây giờ đi cướp quyền quân sự. Tượng trưng cho quân đội lúc đó là hơn một ngàn Bảo-an binh đóng ở trại lính Khố xanh cũ, đường Đồng-khánh. Khi đoàn tuần

hành đi đến ngã tư Đồng-khánh, Rollandes, thì các cán bộ đại biểu đi chậm lại rồi mất dạng. Hơn trăm ngàn người dồn nhau, tiến vào sát cổng trại Bảo-an. Cổng đóng. Phía trong cổng, hai khẩu súng máy hạng trung và ước độ năm chục binh sĩ, hoặc nằm bên cạnh súng, hoặc nấp mình sau những bức tường cuốn, súng đặt lên vai, nòng quay về phía cổng. Người đi đầu – không có vũ khí – trông thấy hai sĩ quan Nhật đứng giữa lính, muốn quay lại. Người phía sau không thấy gì cả, thúc bách nhau tiến lên. Chen chặt quá, tay đã co lên không buông xuống được, tay đương thông không co lên được.

Cứ dồn nhau như thế, đến một giờ rưỡi thì có kẻ xuẩn động ném gạch vào lính Nhật gác ở ngã tư Chợ-Hôm, Hàm-long. Lính Nhật nổ súng, hai người bị thương nơi chân. Náo động. Có tiếng hô “Đánh! Đánh!”.

Cuộc biểu tình có thể trở nên lưu huyết. Bộ Tư lệnh Nhật, trong năm phút, phái chiến xa đến chặn tất cả mọi ngã đường vào chỗ đoàn tuần hành. Nội bắt xuất... cho đến năm giờ chiều, ngày chớm Thu sắp tàn. Sương bắt đầu xuống. Cờ vác mỗi tay, đã cuộn giấu vào bụng áo. Chiến xa Nhật vẫn chặn đường. Một vài người muốn ra về đều thấy lưỡi lê dí vào bụng. Hoang mang bắt đầu.

Phía ngoài hàng rào chiến xa có nhiều người mẹ đi tìm con, nước mắt chạy quanh. Chỉ một nửa giờ nữa là tối. Quân Nhật có thể cho từng người một ra về sau khi, khám xét kỹ lưỡng. Cuộc khởi nghĩa tự nó sẽ tan vỡ. Nhưng bỗng có tiếng reo lên như động biển. Thì ra trong san trại Bảo-an, lá cờ Quê Ly vừa hạ xuống, lá cờ của Tổng khởi nghĩa được kéo lên. Chiến xa Nhật mở máy về trại. Hơn một trăm ngàn người xô nhau ra về, mãi đến bảy giờ tối mới tan hẳn. Và người ta xôn xao hỏi nhau: “Sao? Sao?”. Có người nói không xong, có người lại quả quyết rằng mắt thấy hai sĩ quan Nhật bị trói chặt giải đi, và uỷ ban Tổng khởi nghĩa đã chiếm trọn trại lính.

Nhưng sự thật, sự thật muôn đời, là uỷ ban đã bỏ chết đồng bào trước họng súng Nhật. Tôi không hề có ý định, hoặc làm tăng, hoặc đánh giảm giá trị những phe đương sự. Và lại tôi tin rằng những hành động quyền biến không bao giờ có giá trị vĩnh viễn. Giá trị vĩnh viễn nằm trong khả năng xây dựng của con người.

Tôi thành thực không muốn lịch sử sẽ chép rằng ngày 19 tháng 8 năm 1945, dân tộc ta đã làm một cuộc Tổng khởi nghĩa oanh liệt, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt-Minh.

Tôi không bắt công, tức bỏ giá trị của Việt-Minh trong ngày 19 này, vì thật quả giá trị ấy không hề có.

Tôi càng không có ý làm sút giảm giá trị của toàn dân trong ngày 19 này, bởi giá trị của toàn dân sẽ còn nhiều dịp để bộc lộ. Tôi chân thành nói với Trung như thế.

Trở lại buổi tối hôm Tổng khởi nghĩa, dân trong thành hoang mang cực độ. Ngày hôm sau lại có tin quân Pháp từ Xuân-mai (Hoà-bình) đánh đến Hà-đông. Và đây mới là lúc tôi trông thấy giá trị của người dân Việt hiển hiện thành việc làm: người ta vớ lấy bất cứ một đồ vật gì có thể cầm lên tay mà đập vào đầu hay xuyên vào ngực kẻ thù, người ta phóng xe đạp, bám vào xe hơi, vào tàu điện như những chùm xung, người ta vào Hà-đông chặn giặc. Hàng vạn người đã đi, rồi trở về không: trại Bảo-an Hà-đông (dưới quyền chỉ huy của Quân Dưỡng) không chịu theo về chính quyền mới. Có thể thôi.

Thế rồi lặng lẽ luôn mười ngày, chỉ toàn những tin biểu tình cùng những tin lụt lội, lụt to quá ở Vĩnh-yên, Phúc-yên, Bắc-giang, Bắc-ninh, Thái-bình, Hưng-yên. Ngày thứ mười, tức là ngày 30 tháng 9, có tin bộ đội Giải phóng về đến thủ đô. Tiếng đồn có hàng chục ngàn binh sĩ mặc toàn đồ kaki, mang toàn súng máy

Mỹ!

Cũng ngày thứ mười, trên các tường nhà xuất hiện lá thư ký tên Nguyễn Ái-Quốc. Bức thư với tên ký không gây xúc động gì cả. Người ta đang chờ đợi một cái gì to lớn, chẳng hạn như tin Đồng-Minh công nhận Chính quyền Lâm thời. Cho nên không mấy người sung sướng vì biết Nguyễn Ái-Quốc còn sống. Ấu cũng là một chứng cứ thêm rằng sự náo nức thật quả bắt nguồn từ chính tâm lòng của mỗi người tha thiết đến Độc lập.

Hôm qua là ngày Tuyên ngôn Độc lập. Một nhân vật mới xuất hiện: Hồ Chí-Minh. Chưa mấy ai nghe tên Hồ Chí-Minh, mà có người bảo là Nguyễn Ái-Quốc đấy. Không có bằng chứng gì. Giá có bằng chứng cũng chưa chắc đã gây thêm xúc động. Hoặc giả còn gây ra hoang mang vì tính chất cán bộ Mạc-tư-khoa của họ Nguyễn là khác.

Nói đến xúc động đoạn đầu thư này có câu “hăng hái đến muốn chết ngay cho tổ quốc”, tưởng không nói thế nào hơn được nữa. Giữa vườn hoa Ba-đình (lối vào vườn Bách thú), hằng trăm ngàn người lắng tai nghe ông Hồ đọc bản tuyên ngôn. Lời văn giản dị sáng sủa. Tự bản văn cũng không gây được mấy xúc động. Là vì chúng tôi đã bị kích thích đến cùng độ, ngay từ khi chưa đi hội.

Cho nên bản văn không lạ, mà chúng tôi như uống từng chữ một, mỗi chữ lại mát lạnh hay sôi sục trong tâm hồn. Sự việc bên ngoài không theo kịp trí tưởng tượng bên trong của mọi người. Mỗi người đều có một chút hận lòng vừa mới rửa được trong hai chữ Độc lập. Mỗi người đều có một cách riêng để đoán trước xem Độc lập là thế nào. Trong không khí bao dung của mùa Thu có ai còn tiếc gì không thả lòng cho một giấc mơ không ngủ?

Riêng tôi, tôi theo đuổi một ý nghĩ nhất định. Không có bằng cứ gì chắc chắn mà tôi vẫn luôn luôn cho rằng dân Việt thông minh hơn dân Nhật. Đất Việt lại trù phú hơn đất Nhật. Tôi không thấy mình điên rồ, khi tưởng tượng một trận chiến đấu, một trận thắng oanh liệt thì đúng hơn, khi người Việt chống nhau với giống người còn văn minh hơn người Nga. Nghĩa là một trận Lữ-thuận kèm thêm một trận Đồi-mã oai hùng. Lại có khi nghĩ đến nước Tàu, đến vua Quang-Trung sớm yếu..., rất có thể Việt-Nam độc lập sẽ đòi lại Lưỡng Quảng, mặc dầu đòi hai tỉnh ấy chỉ có nghĩa là nhận nuôi thêm ngót trăm triệu dân đói khát!

Nói thế để Trung ở bên ấy chân trời biết rằng Độc lập là cõi mở cho tất cả mọi tài năng cũng như cho tất cả mọi hy vọng. Không có gì có thể giúp người nước ngoài tưởng tượng nổi thế nào là Việt-Nam độc lập, kể cả lòng yêu nước thấm thiết của từng người.

Bởi lẽ Việt-Nam độc lập là thoả mãn được một sự đòi hỏi thầm kín, truyền kiếp – từ khi dân Việt lập quốc, có bao giờ thực sự độc lập như bây giờ đâu!

[1] *Chiến khu Việt-Minh lập thành năm 1942, khởi từ hai châu Đình-cả (Thái-nguyên) và Bắc-son (Lạng-son). Việt-Minh có hai trung đội du kích, một do Phùng Chí-Kiên (xuất thân trường Hoàng-phổ) một do Võ-nguyên Giáp chỉ huy. Phùng Chí-Kiên tử trận và Trung đội Một tan rã ngay năm 1942. Trung đội Hai của Võ-nguyên Giáp bị dồn vào rừng mây, tuyệt lương sắp chết đói hết, thì Nhật đánh Pháp, khiến cho đội quân vây Võ-nguyên Giáp ở Bắc-son phải rút đi, chạy trốn qua Bảo-lạc (Hà-giang) sang Tàu. Người Nhật thay người Pháp chiếm đóng Đông-Dương bỏ rơi nhiều khu vực miền núi, không đóng quân. Vì thế Trung đội Hai mới có hoàn cảnh lớn mạnh nhanh chóng, trong vòng bốn tháng từ trung đội biến thành đại đội, rồi thành tiểu đoàn Quang-Trung, tức là lực lượng võ trang độc nhất của Việt-Minh khi cuộc Tổng khởi nghĩa bắt đầu.*

[2] *Việt-Minh chỉ tuyên truyền chủ nghĩa Cộng-sản ở những nơi có cơ sở sẵn sàng (như Nghệ-an).*

Hà nội, nội thành, Liên khu I,

Ngày 26 tháng 12, 1946.

Thân ái Trung,

Ba phát đại bác cách nhau một phút một, ba hỏa pháo xanh tím xanh, tám giờ mười chín phút tối 19-12, tất cả tự vệ chiến đấu bỏ chạy hết, lũ chúng tôi, tự vệ Thành mà người ta gọi là tự vệ công tử, lũ chúng tôi đã khởi đầu cuộc kháng chiến toàn quốc.

Tự vệ Thành toàn là thanh niên thường dân. Đa số con nhà buôn, con công chức, đều có đôi chút khả năng tài chính: tự vệ Thành tự cung cấp lấy từ vũ khí đến đồng phục, với chiếc ca-lô mang phù hiệu sao vàng trên nền vuông đỏ.

Người ta vẫn cho tự vệ Thành là chỉ biết ăn diện, mèο chuột, vì đã có tự vệ chiến đấu giữ Thủ đô. Nhiều tiếng xì xào bi thữ: tiểu tư sản! và dư luận khinh miệt chúng tôi đến nỗi chính chúng tôi cũng tưởng rằng chỉ cần nghe tiếng súng nổ, ấy là anh em tự vệ Thành đã kịp chạy lên đến trung tâm an toàn khu “lánh nạn” rồi!

Thế mà khi nghe tiếng súng nổ lại chỉ thấy mặt toàn những thứ tự vệ tóc chải bóng, giày còn bóng hơn tóc, và nếp quần thẳng tắp

như xe chỉ. Liên khu II, bảo vệ cho đồng bào ra khỏi thành phố là chúng tôi ...Giữ ụ đầu phố Bạch Mai, giữ ụ kho xăng Khâm Thiên là chúng tôi. Đến liên khu I, từ hàng Bông, hàng Gai, hàng Đào lên hàng Đường, ra phố Mới, chúng tôi căng chiếu ngang đường lộ mà lập thành khu chiến.

Phải nói cho thành thực rằng chúng tôi đã bị đặt vào hoàn cảnh quá cao đối với nhiệm vụ. chúng tôi có đâu dám nhận sứ mạng chiến đấu, một khi chưa được huấn luyện qua về chiến đấu? trong tất cả mọi buổi khai hội, đoàn thể đã ấn định: Tự vệ chiến đấu đánh giặc, tự vệ Thành tổ chức cho dân phố rút lui. Tự vệ chiến đấu là con cưng của đoàn thể, được hưởng phụ cấp hàng tháng, được huấn luyện cấp tốc và chiến thuật chống chiến xa và xuyên ốc chiến (1). Tự vệ chiến đấu gồm toàn những thanh niên ưu tú chọn lọc trong giới lao động. đoàn thể gửi gắm ở đội tự vệ chiến đấu hy vọng giữ thành một cách oanh liệt, và chỉ bỏ từng tấc đất một, trên mỗi tấc lại để lại nhiều xương máu, để cho Đồng Minh biết rằng dân tộc Việt Nam cương quyết chống Pháp. Hy vọng lớn lao đến thế, mà vào khoảng 9 giờ rưỡi tối, ba chiếc chiến xa tiến gần tới cổng, chiếu đèn sáng lóa, thì cả một tiểu đoàn tự vệ chiến đấu thoát ra phía sau trại Đấu Xảo (Viện bảo tàng Maurice Long cũ, về sau là bộ tư lệnh Nhật), tránh ụ Khâm thiên bên phải, tránh

ụ Bạch Mai bên trái, lao thẳng xuống hồ Thiên Công, ngoi ngóp như một đàn chuột, lội về phía Kim Liên, Hoàng Mai.

Trong khi đó, chúng tôi không quên mình là tự vệ Thành, nên vẫn tưởng chỉ ở lại phụ lực cho các đội chiến đấu, và rồi sẽ rút lui với đồng bào thường dân. Chúng tôi chờ đợi quân bạn đánh từ Đẩu Xảo lên, mở đường cho Liên khu I thoát về phía Nam. Càng chờ càng bật tin. Mãi đến 8 giờ sáng ngày hôm nay, nhờ liên lạc với các Hoa thương phố hàng Buồm mới biết sự chẳng lành: Các phần tử ưu tú đã bỏ mặc cho Liên khu I bị vây kín bốn phía.

Có viên sĩ quan Pháp đến dụ hàng, hứa chỉ tước khí giới, còn người cho thông thả. Mấy bạn Hoa kiêu vui vẻ, chắc chắn thành công trong nhiệm vụ hòa giải. Nhưng phản ứng nổ ra như tiếng sét: “Quyết chiến!” Cái dùm người chỉ quen “bát” phở, chỉ biết ăn diện, trông thấy cái chết trước mắt, nhất định không chịu nhục.

(1) *Chiến thuật đánh luôn tường các nhà trong phố lúc ấy đã đục tường thông sang nhau.*

Hà Đông, ngày 3 tháng 2 năm 1947, viết tiếp.

Thân ái Trung,

Súng rộn lên hơn pháo tết. Cái tết oanh liệt nhất của thành Thăng Long, kể từ tết của vua Quang Trung năm Kỷ Dậu. Chúng tôi giữ thành được hơn 1 tháng, người biến thành chuột, chui rúc, leo trèo, hầm hố, công rãnh, kẽ gạch, gằm thang, vừa cố sống vừa chiến đấu.

Chiến đấu! tiếng hét thất thanh đêm 19-12.

Chiến đấu, tiếng tự nhiên của những tâm hồn can trường, nhưng chiến đấu lại cũng là tiếng ngại ngùng, hỗn hợp, hay có khi sợ hãi, trong những kẽ không ngờ đã biến thành chiến sĩ vào 1 đêm lịch sử. Này cụ Ký già sở Địa ốc, này ông bác sĩ Th trắng, béo tròn, này em học sinh niên thiếu, giữa buổi họp tối 20, dưới hầm rạp ciné hàng Bạc, trong tia mắt mỗi người đều có cả 1 cơn sốt rét. Thế nhưng, nhưng đến lúc phải giơ tay xung phong vào những tiểu tổ liên lạc – liên lạc, trên một chiến trường chưa có giới tuyến rõ rệt có là gì khác sự dấn thân vào chỗ chết? Thì bộ chỉ huy cần lập ra bốn tổ liên lạc, lại có cả nghìn người giơ tay. Đến đêm hôm sau, sống chết cũng phải xin lệnh của bộ Tổng chỉ huy, phải phá vòng vây ra ngoài rồi lại phá vòng vây vào trong, cả trung đội tôi đòi đi tất cả.

Những cử chỉ đẹp, xưa nay chỉ đọc thấy trong sách – mà chúng ta vẫn coi là những câu chuyện bịa đặt, nhằm mục đích tuyên truyền giáo lý, những cử chỉ đẹp, đẹp hơn trong sách nữa, luôn từ mấy bữa liền xuất hiện từ những người như Trung, như tôi, đã khiến cho 2 giọt lệ chân thành cảm phục phải đọng trên khóe mắt của một bạn Hoa kiều:

- Dì oai ti! Dì oai ti!

Dì oai ti!

Ý ngoài địa, ngoài sức tưởng tượng, người Hoa kiều thốt lên câu nói ấy là phải lắm! Bởi lẽ người Trung hoa đối với người Việt vốn sẵn có một số định kiến khi rẽ ngấm ngấm, có lẽ do truyền thống để lại. Lẽ thứ hai, bất cứ người Trung hoa nào, đã lập nghiệp lâu ngày trên đất Việt, đều thấy rõ tính nhút nhát cầu an của đồng bào ta những năm trước kia. Và nhất là sự chia rẽ, tranh quyền cướp vị giữa các đảng phái trong nhà nước, bắt đầu từ mùa thu năm ngoái đến giữa mùa đông năm nay.

Mùa thu năm ngoái tôi đã gửi thư cho Trung, để thuật lại với Trung cuộc Tổng khởi nghĩa và ngày tuyên ngôn độc lập. lấy tư cách bạn đối với bạn, tôi chỉ thuật lại những sự kiện mà chính tôi

biết đích là sự thật. Cố nhiên có những điều tôi không nói đến, thì có khi vì lâu ngày quên lãng, có khi vì không biết rõ nên đặt ra nhiều nghi vấn. Tôi không muốn vội vàng xét đoán, để tự tôi có thể phạm lỗi lầm quan trọng. Tôi càng không muốn cho Trung hiểu một cách sai lệch những sự kiện có tính chất lịch sử, thành ra bức thư của tôi, tôi nhớ lại, thật chẳng khác gì một bài luận thuyết, nhằm phân tách, trong một khoảng thời gian nhất định, những nguyên nhân của một cuộc chinh biến. Tôi sợ rằng đọc cho hết bức thư, Trung đã phải mệt tinh thần nhiều lắm. Sự khắc khổ này đáng được đền bù.

Hôm nay, trong thư này tôi sẽ kể lại nhiều chuyện lạ. Những câu chuyện ly kỳ, những câu chuyện đặng mắc của cả một năm đấu tranh hoảng loạn. Biết bao nhiêu là chuyện không tiền khoáng hậu, trong đó bất cứ ai cũng có thể thấy mình có quyền lợi phải bảo vệ, mà rồi ra không dễ mấy ai có thể truy nguyên xem chuyện đó vì sao mà xảy ra, và xảy ra rồi kết thúc như thế nào.

Người ta, hơn bao giờ hết, thấy cuộc đời của mình có liên hệ mật thiết với lịch sử. Nếu lịch sử là con đường dài, thì quả thực mỗi người là một khách bộ hành... một người thốt nhiên thấy mình đứng trên đường, bị xô đẩy mà tiến lên phía trước, rồi nhìn lại không thấy nơi xuất phát, không nhìn thấy mục tiêu và càng đi

càng không nhận định được vị trí của mình trên dòng lịch sử. lịch sử từ lúc bà Âu Cơ sinh ra trăm con, hay bắt đầu từ lúc mình giao tay thề trung thành với một đảng nào đó, năm 1945?

Đảng, ai nhập đảng nấy, trừ những kẻ nhát sợ, hoặc những kẻ quá khôn ngoan, hay đã nuôi sẵn trong đầu óc một ý nghĩ phản bội. Nhập đảng, để phụng sự. Hoàn cảnh rất rõ rệt: Cuộc chiến đấu còn dài, trong khi bộ máy nhà nước chưa vững, sự nhập đảng lúc này ít khi nhằm tư lợi, mà phần lớn ai nấy đều đã linh cảm được sự cần thiết phải có một sức mạnh cho quốc dân, để chống lại sự đe dọa bên ngoài. Vào đảng, nhưng không phải tất cả mọi người đã vào cùng một đảng. Đảng cũ từ chiến khu xuống, từ ngoài Tàu về, đảng mới mọc lên thêm.

Rồi bắt đầu tranh chấp, vì lý tưởng, vì quyền lợi. Đến nỗi người dân vào đảng, những tướng để chống xâm lăng, nào ngờ từ Lào Cai xuống Hải Phòng, từ Cao Bằng vào Cà Mau, sự tranh chấp đã quyết liệt đến nỗi, trong một năm trời, các đảng phái không nề hà gì không liên kết với một trong những lực lượng xâm lăng để tiêu diệt lẫn nhau.

Sự có mặt của phòng quân Trung hoa, của Tiếp phòng quân Pháp, mặc dầu vẫn là mối lo ngại, ghê sợ nhất của toàn dân, từ tháng 9 năm 1945 đến tháng 6 năm 1946, phải chịu kém cuộc đảng tranh về ảnh hưởng quyết định.

Cho nên giai đoạn lịch sử đi liền sau ngày độc lập là một giai đoạn tương tàn trong nội bộ.

Cuộc đảng tranh sẽ mở cửa bể Hải Phòng cho quân Pháp trở lại chuẩn bị tái diễn trò hề bù nhìn. Nhưng cũng cuộc đảng tranh ấy, sẽ nhất định thai nghén ra một nền độc lập thật sự sau này. Đó là những lý lẽ khiến cho tôi muốn thuật lại cho Trung giai đoạn tranh chấp giữa các đảng phái trước, rồi sau mới đến giai đoạn tranh chấp giữa 2 đội Tiếp phòng quân Việt, Pháp, tức là thời kỳ người Pháp gây hấn để ép người Việt phải nhận một cuộc chiến đấu, theo họ, của quả trứng chọi hòn đá.

(Tôi nhắc lại, tôi thì kể những điều tôi biết một cách chắc chắn, bởi tôi đã sống. Tôi không thể sống tất cả mọi việc xảy ra, trong cùng một năm, trên đất Việt. Cho nên, Trung nhớ nhé, đây chỉ là lịch sử qua sự sống của một cá nhân. Một cuốn tiểu thuyết có tính chất thời sự thì đúng hơn. Chúng ta chờ đợi nhiều cuốn tiểu thuyết như thế của nhiều cá nhân, để có pho lịch sử toàn cục.)

Để thuật lại cuộc đảng tranh, tôi xin nói ngay cho Trung yên lòng, là tôi có đủ tài liệu để trình bày một cách rõ rệt. Tôi đã viết, trên đây, rằng đa số đồng bào ta gia nhập các đảng phái, vậy trong cái đa số đó tất nhiên có tôi.

Tháng 12 năm 1945, bạn của Trung đã vào đứng trong hàng ngũ một đoàn thể nặng về quân sự, nhẹ về chính trị : Phục Quốc Quân, sau đổi là Phục Quốc đảng, là hậu thân và biến thể của Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội của cụ Phan Bội Châu. Sau khi bị thất bại năm 1940-1941 ở Lạng Sơn, Phục Quốc Quân sang Trung hoa, được tướng ủy viên trưởng (1) giúp cho phương tiện sinh hoạt và huấn luyện. Một lớp quân sự đặc biệt. Đặc huấn ban, trong Liễu Châu cán bộ huấn luyện đoàn (2), được mở ra và dành riêng cho anh em cách mạng Việt Nam, phần lớn trong Phục Quốc Quân.

Năm 1943-1944, để tỏ lòng trả ân với Trung Quốc, và cũng để tỏ ý chí quyết tâm chống độc tài, các cán sinh trong Đặc huấn ban đã tự nguyện tham gia các mặt trận kháng Nhật. Sau trận giữ trường bay Trường Sa, Quế Dương, anh em bị tổn thất một số đồng chí. Số còn lại, năm 1945, về đóng từ Lộc Bình lên Đồng Đăng (Lạng Sơn), tuyên bố, một lần nữa, lập tinh chính phủ. Và nhanh chóng ấn định thái độ: chống Việt Minh, chống Cộng Sản.

Phục Quốc Quân, như đã nói, là 1 đoàn thể nặng về quân sự. Số cán bộ chính trị rất thiếu thốn, nhất là về tuyên truyền. Cho nên tham gia Phục Quốc Quân, bạn của Trung được ủy thác ngay nhiệm vụ ủy viên trưởng tuyên huấn, kiêm chủ nhiệm tờ báo Phục Quốc, phát hành ở Hà Nội (in và phát hành tại số 80 đường Quan Thánh, trụ sở trung ương của Việt Nam Quốc Dân đảng.)

(1) *Tưởng Giới Thạch*

(2) *Gọi tắt: Liễu Châu Cán huấn đoàn, là một thứ trường võ bị tựa như Liên trường Võ khoa Thủ Đức của ta ngày nay.*

Thế là từ bây giờ, đáng lẽ chỉ nghe tâm sự của một người bạn, thì Trung chỉ được nghe tâm sự của một người bạn lẫn một cán bộ quốc gia chống Cộng. Chắc là Trung không được hài lòng lắm, bởi thế nào Trung chả muốn được nghe thuật lại cuộc đảng tranh một cách vô tư, bởi một người ngoài cuộc?

Nhưng thật ra, Trung ạ, trong cuộc sống dồn dập năm kia, năm ngoái và năm nay, tôi dám quyết với Trung rằng không ai có thể là

người ngoài cuộc, trừ những kẻ hèn nhát. Tôi nhất định không thể không chủ quan. Nhưng tôi thành tâm trong đời sống, cũng như tôi thành thật với Trung trong lúc này. Tôi sẽ cố gắng để xứng đáng với danh nghĩa trí thức (hay tiểu trí thức cũng thế), tôi sẽ không cố tình tâng bốc riêng đoàn thể tôi hay chung chung mặt trận quốc gia, tôi sẽ không cố tình bịa đặt về Cộng sản Việt minh. Trung hãy tin tôi ở điểm ấy.

- Trung đã tin rồi, nhưng Trung muốn hỏi vì đâu bạn của Trung chọn Phục Quốc Quân, vì đâu vào tập thể ấy, vì đâu tập thể ấy chống Việt Minh?

Chắc chắn Trung muốn hỏi tôi như thế, nhất là trong bức thư đầu tiên, tôi có nói đến ngày Độc lập với biết bao nhiêu là sung sướng, biết bao nhiêu là hy vọng. Trong ý nghĩ của Trung, chắc hẳn hai chữ độc lập đã đi liền với hai chữ Việt-Minh, cho nên phải lấy làm lạ lòng rằng thư này lại nói đến chống Việt Minh.

- Tại sao chống Việt Minh?

- Tại, đối với đoàn thể, Việt Minh không muốn cho đoàn thể nào

tồn tại, trừ phi đầu hàng, nhập bọn và chịu sự lãnh đạo của họ. Tại, đối với cá nhân, người ta chống Việt Minh vì biết họ là Cộng Sản, vì Việt Minh không để cho người ta yên, hoặc sau hết, có những người chống Việt Minh chỉ vì không chịu cho một đảng nắm chính quyền lại có thể có những cán bộ lưu manh, ô hợp, như cán bộ của họ lúc bấy giờ. Cũng có người chống Việt Minh bội ước. Đó là trường hợp công khai tranh chấp đầu tiên, trường hợp của các lãnh tụ Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh hội.

Người ta nhớ rằng năm 1941-1942, Việt Minh đã xin gia nhập Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh hội. Cũng năm đó, Hồ chí Minh bị giam trong hang đá, được Đồng Minh hội bảo lãnh cho được tự do, được tham gia Chấp hành Ủy viên hội làm ủy ban dự bị, và sau hết, được bảo đảm cho về nước, với tiền bạc và vũ khí, để thực hiện công tác chinh biên chinh đội. Như vậy, trong ý nghĩ của các lãnh tụ Đồng minh hội, nếu Hồ Chí Minh thành lập được chiến khu, cướp được chính quyền, ấy cũng là nhờ sự giúp đỡ của hội.

Thế mà từ khi cướp được chính quyền, họ Hồ tuyệt đối không biết đến Đồng Minh hội. Ông ta thân nhiên thành lập một chính quyền lâm thời, với những cán bộ Cộng sản không dấu diếm, như Dương Hoài Nam (tức Võ Nguyên Giáp), Lâm Bá Kiệt (tức Phạm Văn

Đồng), Đinh Chương Dương, Lý Quang Hoa (tức Hoàng Văn Hoan), Hoàng Quốc Việt (tức Hạ Bá Cang), Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Đức Kính, Nguyễn Đức Chính, và sau hết là Trường Chinh. Trong số cán bộ này, người có, kẻ không có tên trong danh sách các bộ trưởng đầu tiên, nhưng tên tuổi họ được dân chúng nhắc đến hàng ngày. Không những thế, mặc cho lời giao ước chia sẻ trách nhiệm chính quyền còn nóng hổi với các lãnh tụ đảng phái quốc gia, họ đã bắt đầu lòng bất và thủ tiêu những người đối lập với họ, ngay từ buổi tối ngày 19/8.

Thái độ của Việt Minh, vì quá rõ rệt như thế nên sau khi về đến Hà nội, các lãnh tụ như cụ Nguyễn Hải Thần, về với các ông Nhượng Tống, Vũ Hồng Khanh (1) không thấy còn giải pháp nào khác là thành lập một mặt trận quốc gia chống lại họ (2).

(1) Gọi Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh là lãnh tụ Đồng Minh hội thật ra là chỉ để cho tiện sự theo dõi của bạn đọc, vì đó là sự thật đã xảy ra về sau, trên đất nước nhà. Còn khi ở ngoài Tàu, lãnh tụ Đồng Minh hội là cụ Trương Bội Công (chết ngày 19/8) cùng với 1 ban thường vụ của Trung Ương Chấp hành ủy viên hội, gồm có Hồ Đức Thành, Lê Tùng Sơn, Đinh Chương Dương,

Trung Trung Phụng, Bỏ Xuân Luật. Trong bợn này, Thành, Sơn, Dương vốn là cán bộ cộng sản náu mình trong những đoàn thể giả hiệu như Quốc tế phản đế, Mặt trận Giải phóng các nhược tiểu dân tộc....

(2) Tác giả thấy cần phải ghi thêm vào đoạn này một sự kiện mà trong thư không có dịp nói đến, vì không muốn cho bức thư bị quá nặng nề chi tiết. Sự kiện đó là vụ lụt năm 1945, một vụ nước ngập ít có ở Bắc Việt, chìm sâu và cắt đứt tất cả mọi đường giao thông giữa hai vùng trung châu và đồng bằng dưới từ 1 đến 5 thước nước. Con đường từ Trung Hoa sang Hà Nội bị ngập ở Vĩnh Yên, Phúc Yên, Bắc Giang, Bắc Ninh, khiến cho lãnh tụ quốc gia, cũng như quân đội Trung Hoa, tới Hà Nội chậm 21 ngày, Việt Minh củng cố được cơ sở, lập được Chính phủ, tuyên bố được độc lập, chính là nhờ được 21 ngày này.

Việt Minh đối với các đảng khác lại còn tệ hơn nữa. Thí dụ sau khi Phục Quốc Quân đã về đến Lạng Sơn, vẫn còn đương trong thời kỳ giao hảo với các tổ chức Việt Minh địa phương, thì ở châu Bảo Lạc, họ đánh lừa một chỉ huy Phục Quốc Quân đến dự tiệc liên hoan, rồi bắt giết đi, cùng với hơn 200 anh em cùng đi với vị chỉ huy này. Sở dĩ một lúc có tới hơn 200 người bị lừa, là vì trong cả toán quân, không một ai dám nghĩ rằng người ta có thể phản

bội nhau như thế trong một nước độc lập. Và lại lúc đó cũng chưa có 1 dấu hiệu gì rõ rệt rằng Việt Minh chủ trương sát hại quốc gia, cũng như chưa có sự xích mích nào giữa Việt Minh với Phục Quốc Quân hết.

Sự giết hại toán Phục Quốc Quân ở Bảo Lạc, giết hại các lãnh tụ Đại Việt ở Hà Nội, giết hại các cán bộ Quốc Dân đảng trên đường về của họ từ Lào Cai tới Hà Nội, bấy nhiêu vụ tàn sát làm cho các đảng quốc gia, ngay trước khi xét đến vấn đề chủ nghĩa, đã phải tụ họp trong một mặt trận đồng nhất chống Việt Minh. Nhà số 21 đường Quan Thánh, Hà Nội, là căn cứ đầu tiên của Đồng Minh hội, lúc đó mặc nhiên là cơ cấu trung ương của các đoàn thể chống Việt Minh, lớn cũng như nhỏ.

Tiếng loa phóng thanh, từ ngôi nhà 2 tầng giữa một khu vườn rộng rãi này, có tác dụng đánh thức đa số đồng bào ta còn đương hoan hỷ tin vào lời Việt Minh kêu gọi “Đại đoàn kết chống ngoại xâm”. Lời tố cáo gay gắt những vụ ám sát và phản bội được nhắc đi nhắc lại và truyền rộng ra rất nhanh trong các giới tư sản, trí thức.

Người ta bắt đầu nghi hoặc và đặt ra những câu hỏi cụ thể về đại

đoàn kết. Cán bộ Việt Minh bắt đầu lúng túng vì những lời chất vấn, đại để:

“- Tại sao giết những nhà cách mạng thân Nhật không làm hại gì đồng bào? Tại sao giết các công chức làm với Pháp? Tại sao giết các nhà giàu thôn quê?”

Riêng ở Hưng Yên, Học Phi, Chủ tịch ủy ban hành chính Tỉnh, đã công khai hạ lệnh xử tử ít lắm là năm ngàn người, ấy là không kể số người bị thủ tiêu đơn giản ở các phủ, huyện, làng, xóm. Cuộc khủng bố này đã khiến cho tỉnh Hưng Yên, trong một năm trời, vắng hẵn bóng những người biết đọc, biết viết. Rồi cũng do đó, tỉnh Hưng Yên sẽ là tỉnh nhiều nhất những người chống Việt Minh, không vì chủ nghĩa hay chính trị, mà chỉ vì oán thù trong tang tóc.

Một số người khác chống Việt Minh, vì không chịu nổi việc Việt Minh đưa lên hàng “trị dân, trị nước” một bọn côn đồ mới bữa trước còn ăn trộm, ăn cắp, du thủ du thực.

Đây phần lớn là những nhà trí thức sâu sắc, đã yên trí từ lâu rằng công việc cai trị phải được đảm nhiệm bởi những người có bảo

đảm về trí tuệ cũng như về đạo đức. Thấy Việt Minh giao phó từng địa phương rộng lớn cho những người không những đã vô học lại còn mang tiếng là lưu manh, nhà trí thức lấy làm lo sợ mà so sánh tình trạng ấy với tình trạng ổn định ở các nước tân tiến. Họ thấy Việt Minh làm việc trái với lẽ phải thông thường, thì Việt Minh tự nhiên tự nó cũng có ngày tan rã. Họ tham gia các đoàn thể chống Việt Minh chỉ cốt để, theo ý họ, làm cho Việt Minh chóng tan rã hơn. Và do đó, tránh cho đất nước đỡ bị tàn hại bởi bọn “cáo đội lột hùm”.

Thứ ba đến những người chống Việt Minh vì lý tưởng, gồm những đồng bào có công phu nghiên cứu chính trị từ trước năm 1945. Có lẽ tôi cần phải nói rõ với Trung rằng, trước năm 1945, ngoại trừ các môn đệ của Karl Marx vẫn chống nhau trong ba quan niệm trốt-ký-tức Đệ Tứ Quốc Tế, ngoại trừ các môn đệ này của Karl Marx, đồng bào ta rất ít người chịu để tâm học tập chính trị. Cũng bởi thế, ngoài số đảng viên của mấy đảng Xã hội, Đông dương Cộng sản, Việt Nam thường trực Cách mạng, chỉ có một số nhỏ đồng bào hiểu biết chính trị mà không vào đảng phái nào hết. Đó là những người còn trung lập cho đến ngày tổng khởi nghĩa. Họ hoan hỷ chào mừng ngày độc lập, nhưng họ vẫn kín đáo xem xét

về hành vi và thái độ của Việt Minh. Kịp đến khi Việt Minh kêu gọi đoàn kết thì tự họ sẽ chia làm hai phe.

Phe thứ nhất thành khẩn với tiền đồ của dân tộc, tiếc thay không đủ yếu tố để hiểu biết Việt Minh rõ ràng hơn, nên có những người đã theo hẳn chính quyền mới. Trong số, Trung sẽ nhận thấy có các luật sư Vũ Trọng Khánh, Phan Anh, các cụ Bùi Bằng Đoàn, Huỳnh Thúc Kháng.

Việt Minh, để được sự cộng tác của các vị nhân sỹ này, không ngần ngại đội lột dân chủ quốc gia thuần túy, và đã ủy thác sứ mệnh cầu hiền cho những cán bộ khôn ngoan nhất. Họ đã thành công, như Trung xem báo tin tức cũng biết, khi thành lập được một chính phủ có bộ trưởng Nội vụ là cụ Huỳnh, Bộ trưởng Tư pháp là ông Khánh. Rồi sau đây, Trung sẽ hiểu rõ sự hệ trọng, về lý thuyết và chiến thuật của sự thành công này, sự thành công thật ra không có gì làm to lớn lắm.

Còn bây giờ, đây là trường hợp của những người, như bạn Trung, chống Việt Minh vì chống Cộng sản. Đối với họ, sự dụ dỗ về bất cứ phương diện nào cũng vô hiệu. Họ là người còn trẻ hơn các cụ

Huỳnh, Bùi, còn trẻ hơn các ông Anh, Khánh. Chính vì họ còn trẻ, ham đọc, ham hiểu và chịu khó tìm tòi, suy nghĩ, cho nên họ đã tự đặt lấy được một hệ thống lý luận về Việt Minh và Cộng sản.

Để hiểu Việt Minh, họ biết gạt bỏ, coi là không quan trọng, những vụ tàn sát, giết chóc, (bao giờ cũng có trong một cuộc đảo lộn chính trị).

Nhưng Họ không chấp nhận những vụ đồ tể làm quan cách mạng, vì họ biết Việt Minh cũng không muốn thế, và sự lệch lạc này chỉ tồn tại nhất thời. Họ chỉ riêng lo, khi nhìn gần, thấy bao nhiêu cơ sở đầu não trong chính phủ đều lọt vào tay cán bộ cộng sản: đó là chiến thuật nguyên tắc: “Đảng lãnh đạo chính quyền”, chiến thuật riêng của đảng Cộng sản. Rồi họ nhìn ra bao quát, nền hành chính trong nước đã do Bộ trưởng Nội vụ, là Võ Nguyên Giáp, ký nghị định ngày 3 tháng 10 lập thành các cấp ủy ban. Chế độ ủy ban là chế độ Xô Viết, không hơn không kém, và đó là một thuộc lý thuyết tổ chức của Cộng sản.

Thế là nhờ một ưu điểm của họ: biết gạt lọc giữa trăm ngàn việc lấy những việc có tính chất nguyên tắc hay lý thuyết; họ đã nhận định được một lần mà đúng vĩnh viễn: cái nhân của Việt Minh là

Cộng sản, Việt minh trưởng thành tất phải là Cộng sản.

Họ là những người chống Cộng. Vì sao chống Cộng sản, trong khi Cộng sản chỉ tuyên bố giành độc lập, tìm no ấm cho dân? Đây cũng là một điểm lý thuyết. Bởi theo Karl Marx, họ không thấy hai chữ “Độc lập” trong cứu cánh: độc lập chỉ là một phương tiện quyền rũ. Còn no cơm, ấm áo, muốn có phải theo Marx, phải đi qua con đường đấu tranh bằng bạo lực và khủng bố giữa các giai cấp. Họ là những người không tin rằng giai cấp kinh tế là một sự kiện dĩ nhiên, một sự kiện nguyên nhân của lịch sử.

Họ không tin rằng xã hội muốn được cải tạo, phải được cải tạo trong máu, lửa của Cách mạng vô sản.

Như vậy, họ chống Cộng sản trên lý thuyết. Họ biết, sớm hay muộn, Việt Minh tất có ngày nhận lấy tính chất Cộng sản thuần túy. Họ chống Việt Minh là vì thế. Trong trường hợp của họ đã rõ rệt, họ chịu nhận một nhược điểm: Họ chống lại một chủ nghĩa khác để thay thế. Nhược điểm thật nặng nề.

Thành thử họ chỉ là những cá nhân biệt lập chống Cộng: họ không

đủ điều kiện lý thuyết để lập nên những đoàn thể chống Cộng của riêng họ. Đó là nguyên nhân khiến cho sau này họ tham gia vào những đoàn thể quốc gia, tuy cũng không có một chủ nghĩa mới mẻ và quyến rũ, nhưng ít ra cũng có những cứu cánh rõ rệt, là sự tồn tại của dân tộc, của tổ quốc, và sự bảo đảm cho mỗi người dân được tự do lựa chọn lấy con đường riêng của mình, trong khi đi tìm một cuộc sống có hạnh phúc.

Lẽ cố nhiên tôi không thể chối được sự mỏng manh của họ, tức là chúng tôi, về tinh thần. Chúng tôi biết, trong một thời gian ngắn ngủi, khó mà chúng tôi có thể chứng minh với đồng bào chúng ta rằng Việt Minh là Cộng sản, rằng không nên theo Cộng sản, bởi Cộng sản đưa đến một tình trạng bế tắc, khiến người trong một nước phải giết nhau, dù đối với nhau không thù không oán, để giải quyết một vấn đề kinh tế.

Lời chúng tôi sẽ nói xa xôi quá. Lời Việt Minh nói nghe gần ngay bên tai, mà âm áp dễ thương quá. Việt Minh nói: Độc lập, Tự do, Hạnh phúc. Còn chúng tôi đã gào lên, đã hét lên rằng họ điều ngoa quá đỗi. Nhưng đồng bào ta thèm khát những danh từ ấy đã lâu rồi, nên thấy có, như có nước trong giữa cơn cháy cỏ, hãy

uống đã, có xá gì nước độc sẽ di hại về sau?

Trung chắc sẽ hỏi rằng biết thua, hà tất chống lại làm gì cho thêm mệt? Nhưng không đâu, Trung ạ. Chúng tôi tin ở sự sai lầm của một chủ nghĩa nên chúng tôi chống lại sự sai lầm ấy. Chúng tôi có thể thua (cho đến lúc viết thư này thì thua thật rồi còn gì!), nhưng chúng tôi dù sao cũng tạo nên một dấu vết cho tranh đấu. Dấu vết in vào lòng người, có những người khác, hoặc tài giỏi hơn, hoặc có hoàn cảnh thuận tiện, sẽ đứng lên tiếp tục. Sự thất bại của chúng tôi không vô ích, mặc dầu sự thất bại, riêng tôi đã thấy rõ từ khi khởi đầu tranh chấp.

Sự thất bại, Trung ạ, đau đớn nhất là không cứ thua Việt Minh về lý thuyết hay tài năng. Chúng tôi thua, phần lớn tại hỗn loạn trong nội bộ.

Trung còn nhớ tôi thuật lại rằng Đồng Minh hội được mặc nhiên coi là cơ cấu trung ương của các đoàn thể chống Việt Minh. Chính bởi thế, Đồng Minh hội là một cái gì hỗn độn quá sức tưởng tượng.

Trung đã biết cụ Nguyễn Hải Thần chỉ là ủy viên giám sát trong Đồng Minh hội, khi còn ở ngoài Tàu. Nhưng đến khi về nước,

toàn thể các lãnh tụ quốc gia phải nhận không ai có uy tín bằng cụ, đối với quốc dân trong nước cũng như đối với chính phủ Trung hoa bên ngoài. Tất cả bèn tôn cụ lên địa vị lãnh tụ tối cao, chủ tịch Đồng Minh hội, có ông Nhưộng Tổng làm bí thư cho cụ, và ông Vũ Hồng Khanh vừa giữ địa vị lãnh tụ Quốc dân đảng, vừa kiêm nhiệm tổng bí thư Đồng minh hội.

Đồng minh hội có danh là một tổ chức thống nhất các lực lượng quốc gia chống Việt Minh. Nhưng sự thật, không có gì thật cả. Đồng minh hội, trên thực tế, chỉ là đoàn thể riêng của cụ Nguyễn Hải Thần, cũng như quốc dân đảng của riêng ông Vũ Hồng Khanh.

Người ta suy tôn cụ Nguyễn, đoàn thể nào cũng gọi cụ là lãnh tụ tối cao, mà chẳng đoàn thể nào tuân theo mệnh lệnh của cụ hết. Lý do của đương sự: cụ có uy tín, có đạo đức, nhưng không có tài. Người ta nói rằng những kế hoạch tổ chức, những chiến thuật đấu tranh của cụ đã bị đối phương bỏ xa quá, cho nên người ta phải bỏ cụ, để tiến tới. Và người ta đã có lý, vì quả nhiên cụ Nguyễn chỉ còn là một uy danh thuần túy nữa mà thôi.

Nhưng, cũng là lẽ tự nhiên. Cụ Nguyễn nhất định không thể biết rõ mình như thế. Hơn nữa, các lãnh tụ quốc gia tuy không phục tùng mà vẫn tìm đủ mọi cách lợi dụng. Trong sự tranh chấp với Việt Minh, giai đoạn đầu, bao nhiêu sự xích mích đều do tướng Tiêu Văn, chính trị chỉ đạo viên của Đồng minh hội, từ ngoài Tàu theo Phòng quân vào Việt Nam phân xử. Những quyền lợi do Tiêu Văn giành cho phe quốc gia, là mặc nhiên giành cho cụ Nguyễn. Các lãnh tụ quốc gia bên ngoài vẫn phục tùng cụ, chỉ để chia phần quyền lợi ấy.

Thái độ mập mờ, mê hoặc cụ Nguyễn của các lãnh tụ quốc gia, những lãnh tụ trong cùng một mặt trận không bao giờ thành thật với nhau, đã nhiều lần làm cho cả mặt trận điên đảo. Thí dụ, hồi cuối tháng Chạp năm 1945 sang tháng Giêng năm 1946, Việt Minh lo ngại tổ chức bầu cử Quốc hội không xong, nên điều đình “mời” mặt trận quốc gia 70 ghế nghị sỹ, trong đó có 50 ghế dành cho Quốc dân đảng, 20 ghế dành cho Đồng Minh hội. Mặt trận họp bàn, đồng thanh không nhận. Nhưng các nhà lãnh tụ Quốc dân đảng, đột nhiên và tự ý riêng đi lấy về 50 phiếu. Sau đó, cụ Nguyễn còn một mình bị bọn Bồ Xuân Luật theo Việt Minh, nại danh nghĩa ủy viên thường vụ, chia mất 10 ghế. Các đảng khác

trong Đồng Minh hội đành chia với cụ 10 ghế còn lại. Thiết tưởng khởi nói đến sự bất bình trong nội bộ mặt trận quốc gia !

Một thí dụ khác, vào cuối tháng hai năm 1946. Bảy giờ đồng bào trong nước đã chán cuộc tranh chấp đảng phái lắm. Người ta bèn tổ chức ra một mặt trận mới: mặt trận Dân tộc, ý nói là toàn dân tộc cùng ở trong tổ chức. Mặt trận Dân tộc họp phiên đại hội đầu tiên trong một căn nhà ở phố Hàng Bún trên. Chủ tịch: Một vị giáo sư có danh tiếng về kinh nghiệm sự phạm. Nhưng không có kinh nghiệm về chính trị, bởi lẽ mặt trận của ông đại ý bao hàm cả dân tộc, đến khi họp có mời đại biểu của ngót 10 đoàn thể nhỏ, lại quên mất mấy đảng lớn nhất. Có một đại biểu hỏi đến, vị chủ tịch đã không trả lời được hợp lý, lại nhất thiết yêu cầu hội nghị “cứ” bàn việc “tổng đình công, tổng bãi thị, cho đến khi Việt Minh rời bỏ chính quyền mới thôi”! Hội nghị bèn cứ bàn, rời rạc, lạnh nhạt, các đại biểu từ chối những nhiệm vụ rõ rệt. Họ đều nghĩ có lý: “Đảng nhỏ lật ngụy quyền, đảng nào lập chính quyền mới?” Họ không muốn bị lừa, dù chỉ trong nội bộ quốc gia. Cho nên, đến ngày khởi sự, lại chỉ vắn vắn có một số cán bộ của mấy đảng lớn ra mặt, chặn đường vào chợ, hãm máy xe điện và đóng cửa các nhà hàng. Họ đã đành bị Việt Minh phản công dễ dãi: Một số cán

bộ đóng vai hàng thịt sấn vào hành hung một họa sỹ danh tiếng, mấy đội viên giả làm thường dân phần nộ rút dao găm đâm loạn xạ vào những người đi hô hào đóng các cửa hiệu. Nói tóm lại, cuộc “Tổng đình công, tổng bãi thị” mới thoát thai đã yếu tử, với một ưu điểm là không có một tiếng súng nổ, đúng theo chỉ thị của Phòng quân Trung hoa. Và kết quả, là Việt Minh chứng tỏ được với Chu Phúc Thành, tư lệnh Phòng quân, rằng dân chúng không theo quốc gia một chút nào !

Chu Phúc Thành, nhân nói đề Trung biết, là một đại tướng vào hạng khá của quân đội Trung Hoa, tư lệnh đạo quân thứ 53 mà đồng bào ta quen gọi là “quân áo xám”, đến thay thế cho “quân áo vàng” của tướng Lư Hán. Họ Lư là viên tướng vào Việt Nam trước tiên, theo lệnh của Đồng Minh, để thi hành hai nhiệm vụ: giải giáp quân đội Nhật, giữ trật tự ở miền quân Nhật đóng, đồng thời giúp phương tiện, hoặc giáo dục hoặc giám sát, cho dân địa phương tự tổ chức lấy một chính quyền dân chủ. Hai chữ “Phòng quân” chắc là để ám chỉ nhiệm vụ để phòng quân Nhật trở mặt, hoặc đề phòng loạn lạc ở địa phương.

Trung hẳn đã biết phòng quân Anh thi hành nhiệm vụ như thế nào ở miền Nam, từ Nam vĩ tuyến Bắc 16 độ trở xuống. Trung xem báo Pháp, chắc biết rõ quân đội Pháp đương làm gì ở Sài Gòn.

Riêng tôi, có thể nói với Trung rằng Phòng quân của Lư Hán vào Việt Nam, tức khắc bị Việt Minh vừa bắt nạt vừa mua chuộc. Lư Hán phần thì ăn ngật mảy ngật mặt, phần thì tư lệnh một đạo quân hỗn tạp, với đàn bà chữa, với trẻ con và chó mèo ghẻ lở trong quang gánh tòn ten trên vai người lính chiến, lẽ đương nhiên là Lư Hán đánh lá bài hòa giải. Nhưng không xong, vì cụ Nguyễn cũng như Việt Minh, đều không chịu chia nhau một nửa đất nước còn lại, Lư Hán đương lương cuống thì được Chu Phúc Thành sang thay. Chu hình như quyết tâm đánh Việt Minh, nhưng đến lúc đó, phái đoàn Pháp ở Trùng Khánh đã kịp hoạt động có kết quả.

Phái đoàn Pháp ký kết với chính phủ Trùng Khánh một thỏa ước, ngày 26 tháng 02 năm 1946, nhường cho quân Pháp vào Bắc Việt Nam “Tiếp phòng quân” thay thế quân Trung Hoa. Để đổi lại, Pháp lấy xong Bắc Việt sẽ giao con đường xe lửa Hải Phòng, Côn Minh cho Trung Hoa làm tư hữu, cùng một lúc với sự mở một khu miễn thuế ở Hải Phòng cho hàng hóa nhập cảng vào Vân nam phủ.

Thỏa ước Pháp-Hoa ký xong thì 7 ngày sau, ngày mùng 6 tháng 3, Hiệp định sơ bộ cũng được ký kết giữa Việt Nam với Pháp. Tôi phải nói Việt Nam, mà không nói Việt Minh, là bởi một lẽ bí mật

còn tồn tại đến bây giờ, tôi không hiểu vì sao ông Vũ Hồng Khanh đã cùng ký vào đó với Hồ Chí Minh. Ông Khanh, chắc hẳn cũng như Trung, và tôi, và hơn 20 triệu đồng bào ta, cũng thấy rõ hiệp định sơ bộ là một sự thiệt hại vô kể cho quốc gia với quốc dân, tuy hiệp định sơ bộ là một sự thắng lợi to tát cho riêng Việt Minh.

Việt Minh trước hết cùng với Pháp tổ chức Tiếp phòng quân, nghĩa là gián tiếp có nhiệm vụ đối với Đồng Minh. Việt Minh sẽ là một chính quyền hiện hữu. Việt Minh trông thấy rõ sự trở mặt của Pháp sau này, Việt Minh sẽ là một chính phủ kháng chiến hợp pháp và hợp lý. Việt Minh trong khoảnh khắc một chữ ký, từ địa vị một tổ chức nhỏ mọn, có thể bị Đồng Minh đặt ra ngoài vòng luật pháp và trật tự bất cứ lúc nào, Việt Minh đang ở trong tình trạng lo sợ ngày đêm ấy, bây giờ đã là một chính quyền đường đường chính chính, Có Chủ tịch chính phủ gửi điện văn chúc tụng Quốc trưởng Pháp, được Quốc trưởng Pháp trả lời: rất lịch sự “Thưa ông Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa....”!

Có thể nói thắng lợi của Việt Minh trong hiệp định sơ bộ còn to lớn hơn cả trong ngày Tổng khởi nghĩa.

Việt Minh như lớn hẳn lên trên trường chính trị, mặc dầu ký Hiệp định sơ bộ, Việt Minh đã biết trước là đem dân tộc chìm vào một

cuộc chiến đấu tàn khốc.

Việt Minh rõ ràng vì quyền lợi riêng mà phản bội tổ quốc và nhân dân.

Người quốc gia bắt đầu có chứng cứ cho công việc chống Việt Minh của họ có hiệu quả, thì vừa lúc đó mặt trận quốc gia bắt đầu tan vỡ. vì đâu mà tan vỡ? vì không nương tựa được vào Phòng quân Trung hoa nữa.

Vì từ ngày khởi sự tranh chấp không một đoàn thể nào xây dựng được một lực lượng võ trang đáng kể:

Quân của Đồng Minh hội giao cho ủy viên quân sự Nguyễn Phúc An, nguyên sỹ quan chuyên nghiệp thợ mộc trong quân đội Tàu Quân đội Quốc Dân đảng, không quá một ngàn người được huấn luyện, đóng rải rác từ Phúc Yên lên Lào Cai

Phục Quốc Quân không quá bảy trăm binh sỹ tinh nhuệ chiếm đóng phía bắc tỉnh Lạng Sơn

Đồng Minh Hội Đệ Tam quân, (chỉ huy trưởng Vũ Kim Thành) không tới năm trăm đội viên, giữ miền Duyên Hải từ Quảng Yên ra Móng Cái.

Tất cả đều bị Việt Minh vây hãm bằng những lực lượng kém huấn

luyện nhưng quân số ít lắm cũng gấp 10 lần.

Người đã ít, tác động tinh thần đã không có, tài chính với lương thực lại nghèo nàn...cho nên Phòng quân rút đến đâu, lực lượng cách mạng quốc gia rút theo đến đó.

Cuộc rút lui bắt đầu từ Thanh Hóa, tỉnh đảng bộ Đại Việt kéo về Hà Nội, một đảng theo ông Vũ Hồng Khanh qua Lào Cai, một đảng nhờ đường Phục Quốc Quân, lại ra ngoài Tàu. Cụ Nguyễn Hải Thần đã lên tới Lạng Sơn ngày 8 tháng 3, ông Vũ Hồng Khanh cũng phải ra đi bí mật, khiến cho số cán bộ, đảng viên bị bỏ lại, bị bắt giam trong trại trung ương không đủ chỗ.

Mặt trận quốc gia tan vỡ quả là một sự đau lòng, dù cho phần đông người sáng suốt đều đã biết trước. Biết trước mà vẫn phải làm, như tiên nhân khuyên nhủ: “Hãy làm cho hết sức, rồi được đến đâu hay đến đó!

Riêng phần tôi, tôi bị bắt ngay buổi chiều ngày 08 tháng 03, ở Bán Loạng, một vị trí cách Lạng Sơn 3 cây số. Người bắt tôi là bạn của chúng ta: Trần Minh Tước, nguyên bình bút báo Đông Pháp và La Volonté Indochinoise. Ngay khi bắt tôi, Tước đã nói trước sẽ không giết, không phải vì hấn nể nang gì cái danh nghĩa Đại Biểu quốc hội của tôi, mà vì, theo lời hấn, cách mạng vô sản còn cần đến “những người như chúng ta”! Minh Tước nói thế, nhưng ngay

6 bữa sau, Lộc Giang, chỉ đội trưởng chi đội (bây giờ được gọi là trung đoàn) Lạng Sơn đã hạ lệnh trói tay và bịt mắt tôi, đã điếm nửa tiểu đội lính, đã phát cho mỗi tên 3 viên đạn. Đạn đã lên nòng, hộp cơ bả đã đóng lại, tôi đã gởi về mẹ tôi ý nghĩ cuối cùng, thì có lệnh tạm hoãn. Tôi được đưa tới giam chung với ba cán bộ trung ương của chúng tôi, trong số đó có nhà văn chuyên viết phóng sự về Hà Nội làm than, với 2 chỉ huy quân sự. chúng tôi được gặp nhau để bị điều đi phố Bình gia, rồi đi Bắc Sơn. Sáu tháng sau, hai đồng chí Vi Văn Hòa, Phạm Chấn Phương của chúng tôi bị giết, khi chúng tôi – đồng chí Trọng Lang với tôi được trả về Lạng Sơn để về Hà Nội bằng phương tiện riêng.

Thân ái Trung,

Sáu tháng giam cầm lần thứ nhất (chao ôi! Tôi trông thấy lần thứ hai bị giam rồi đó Trung!), ngay tại trung tâm chiến khu, đã giúp cho tôi nhiều về suy nghĩ.

Lạ một điều, tôi không hề nghĩ đến lý thuyết sông. Tôi chỉ lo sẽ làm gì sau khi được thả về. Tin đoàn thể phải đi theo con đường thoái triệt của quân Tàu lễ cố nhiên được thông báo cho chúng tôi biết ngay. Chúng tôi đã thấy rõ: về Hà Nội chỉ còn Việt Minh với

Pháp. Chúng tôi sẽ liên kết với Pháp, như đã nhờ vả Trung Hoa, để đánh Việt minh? Hay ngược lại? thực là đau khổ, ngay khi còn tù tội đã đau khổ vì viễn tượng của tự do!

Một anh bạn đưa ra giả thuyết Pháp thi hành đúng Hiệp định sơ bộ. nhưng không thể được, người Pháp hơn bao giờ hết, cần đến thuộc địa để hàn gắn những đổ vỡ của 5 năm chiến tranh. Người Pháp phải ký hiệp định 6-3 để đuổi được người Tàu một cách yên ổn...hôm tôi đi, cờ Pháp đã treo ở Đại Sứ Nhật cũ (Viện Quang Tuyền Ra-đi), chiến xa Pháp đang tiến vào Hà Nội. Người Pháp đã quá quen với người Việt nam của một thời bảo hộ. họ tất nhiên nghĩ rằng lịch sử nước Pháp sẽ không tha thứ cho họ, nếu họ để lỡ mất cơ hội làm cho tổ quốc họ trở lại cường thịnh. Tất cả đều bảo chúng tôi rằng cuộc chiến đấu không thể tránh được.

Vả lại, Minh Tước, một hôm vào thăm chúng tôi ở Phố Bình gia, cũng có nói đến thái độ của Pháp. Những người lính mắt mèo đương quấy phá đồng bào đô thành. Chính phủ Pháp không hẳn không chấp nhận hiệp định sơ bộ, nhưng trong những lời tuyên bố công khai, các chính khách Ba-lê nhất định chỉ nói đến những khoản không có đính ước. thí dụ: một là vẫn giữ đồng bạc của

Đông dương ngân hàng, hai là nền ngoại giao sẽ nhờ Pháp đảm nhiệm, ba là tướng lãnh Pháp giúp đỡ việc chỉ huy quân đội. nghĩa là, tuy không nói ra, những điều kiện “tài chính riêng, ngoại giao riêng, quân đội riêng”, đã bị người Pháp mặc nhiên coi như không có.

“Thế nào cũng phải đánh, duy ta cần tranh thủ thời gian”, Minh Tước nói như vậy. một chữ “ta” của hấn đủ chứng tỏ hấn là khách quan, hấn biết trước lập trường của chúng tôi, nếu xảy ra chiến sự. Minh Tước còn cho chúng tôi biết thêm rằng phái đoàn Nguyễn Tường Tam đã đi Đà Lạt gặp phái đoàn Max André. Hấn rất bi quan, vì ngay trong hai bài diễn văn mở màn người ta đã thấy những cương lĩnh trái ngược nhau đến tuyệt đối. Minh Tước tiên liệu hội nghị tan vỡ nhanh chóng. Quả nhiên Fontainebleau. Cả ông Hồ Chí Minh cũng đi. Rồi lại về, với tạm ước 14 tháng 09.

Trung ở bên ấy, hấn biết rõ về những việc đã bắt ông Hồ Chí Minh ký thỏa ước 14 tháng 09. vì sao? Để thoát thân hay để cố tranh thủ thêm mấy tháng nữa? làm thế nào biết được, khi ông ta làm lũi, đêm khuya đến nhà riêng xin ký với Marius Moutet? Làm thế nào biết được, khi ông ta thuận cho Pháp tất cả mọi điều kiện

Pháp muốn, từ đồng bạc đến nền ngoại giao, đến chỉ huy quân đội? làm thế nào biết được khi một người đàn bà vô học, cứ van lạy không thôi, cũng đòi lại đôi chút quyền lợi, nhiều hơn tạm ước 14-9.

Ông Hồ Chí Minh rõ ràng coi bản tạm ước 14-9 là mảnh giấy lộn, ngay từ khi chưa ký tên. Vậy chắc là để tranh thủ thời gian.

Nhưng đã quá muộn rồi! Trọng tội đã toại thành ngay từ hiệp định sơ bộ. con người cộng sản ấy đã sờ mó vào chiến tranh ngay từ 6 tháng 14 ngày trước. nhưng 4 tháng đầu tiên còn tựa vào Pháp để diệt cho xong quốc gia. Quá nửa thời gian đã bỏ phí. Bao nhiêu thanh niên nhiệt tâm ái quốc đã bị tù đày và giết hại. ngót một ngàn cán bộ quân sự, hoặc xuất thân ở Hoàng Phố, hoặc xuất thân ở Liễu Châu, đã bị tan tác đến 900. Việt Minh đương giao quyền chỉ huy quân sự cho một bọn cán bộ chính trị. Nếu phải chiến đấu, sẽ có bao nhiêu thanh niên chết oan vì các cấp chỉ huy bất lực nữa?

Cơn nguy khốn càng ngày trông càng rõ. Tướng Morliere bắt đầu dùng cái thuật không đánh trước, nhưng ép cho đôi phương phải

đánh. Cuối tháng 10, sang tháng 11, Pháp đem quân vô cớ bắt đội viên tự vệ Khu 7, Hải Phòng. Tự vệ khu 7 tức khắc đáp ụ phòng ngự. Pháp cho chiến xa đến, tự vệ khu 7, không hổ danh đệ nhất hào kiệt miền duyên hải, tự vệ Khu 7 đốt 4 xe Pháp. Pháp đòi vào bắt Nguyễn Văn Ngọc, vị chỉ huy vừa 19 tuổi. Ngọc đánh Pháp đại bại. Thế là về phần bắn súng chính nhân dân Việt Nam bắn trước. Pháp khởi đánh chiếm cả thị trấn Hải Phòng. Hoàng Hữu Nam thay Võ Nguyên Giáp xuống điều đình. Pháp đòi bắt toàn thể tự vệ Khu 7. Và tước vũ khí của toàn bộ tự vệ. Hoàng Hữu Nam muốn chịu, nhưng nhân dân không chịu, thế là mất Hải Phòng.

Rồi mất Lạng Sơn.

Sau dĩ nhiên đến Hà Nội. Lính Pháp, qua phố hàng Bún, làm cỏ người, đốt nhà, mong Việt Nam đánh lại. nhưng Hồ Chí Minh van xin nhân dân, van xin Pháp. Dân tạm nghe, nên Pháp lo mất cơ hội. Bèn, ngày 16 tháng 12, Morlière viết thư cho Giáp.

Thư cộc lốc:

“Quân đội của ông không giữ được trật tự. Kể từ 8 giờ sáng ngày 20 tháng 12, quân đội tôi sẽ giữ trật tự lấy”.

Giữ trật tự, nguyên lai là nhiệm vụ của Tiếp phòng quân. Ra điều Giáp không giữ được cho ngót 500 đồng bào của hắn khỏi bị giết hại, thì Morlière sẽ thay Giáp, giữ cho đồng bào của Giáp khỏi bị hắn giết thêm 500 nữa. Đó là ý nguy biện.

Còn tình? Còn sự thật? quân đội Pháp giữ trật tự trong thành phố rồi còn gì! Morlière thật là hay mới nghĩ được câu chuyện khôi hài lạ lùng! Khôi hài, nhưng y chờ đợi Hồ Chí Minh van xin, cầu khẩn và đầu hàng.

Đầu hàng? cố nhiên rồi! Hồ chí Minh đánh điện tới tập cho Sainteny, d'Argenlieu, Moutet. Giáp xin gặp Morlière. Morlière không tiếp. Hồ mời, mời không đến, đành đi bộ đến Sainteny, Sainteny đóng cửa tạ khách. Nghĩa là chỉ còn 3 giải pháp: một là đánh, hai là hàng. Đánh , theo qua điếm của tướng Pháp, có khác gì tự tử, lại giết theo cả một dân tộc? bởi vậy, có lẽ Sainteny với Morlière cùng chờ đợi một bức xin hàng, đồng thời van xin một vài điều kiện nho nhỏ, để giữ thể diện với quần chúng.

Có người nói rằng sáng ngày 17/12 có nhiều đại biểu dân chúng

đến xin đánh. Họ thuật lại: Hồ Chí Minh thờ dài, tỏ ý thương nhân dân điêu linh cơ cực quá. Người ta cho rằng đó là giọng lưỡi của người cộng sản, xưa nay không biết thương, bây giờ thương, chính là để lấy cớ mà đầu hàng.

Nhưng dân chúng không chịu

Sáng ngày 19/12, báo hàng ngày đăng bức thư của Morliere. Hà Nội tức khắc vắng ngắt: đàn bà đem trẻ con đi hết trong buổi sáng, còn đàn ông, có người cùng đi, còn kẻ ở lại, phần lớn là đội viên “sao vàng nền vuông”, chạy tíu tít đi vay đạn, mượn súng, mua lựu đạn. Đến buổi chiều, sát khí bừng trên khắp nẻo đường đô thành. Trời mùa rét nhưng âm áp, phố phường thưa người đi, người đi nào cũng bước những bước mạnh và dài. Toàn dân không một tiếng kêu, không một nét sợ hãi. Thật rõ rệt: Hà Nội nhận lời thách của Morliere, tư lệnh Sư đoàn Một trong bộ đội viễn chinh Pháp. Sư đoàn này, bên ngoài thủ đô, còn đóng ở bốn thị trấn “ cửa ngõ “: Hải Phòng, Lạng Sơn, Hải Dương, Nam Định.

Người ta nói: 6 giờ, trời đã tối mịt, có cuộc họp ở bắc bộ phủ. Cán bộ báo cáo về dân tình. Nhất định là nếu chính phủ đầu hàng, dân

sẽ tự đánh. Nhất định là nếu Việt Minh hàng, một đoàn thể khác sẽ lãnh đạo kháng chiến.

Bởi thế

Ba phát đại bác cách nhau một phút một, ba hỏa pháo xanh tím xanh , tám giờ mười chín phút tới 19/12, tất cả tự vệ chiến đấu bỏ chạy hết. lũ chúng tôi, tự vệ Thành mà người ta gọi là tự vệ công tử, lũ chúng tôi đã khởi đầu cuộc kháng chiến toàn quốc

Tôi không muốn mang tiếng phản bội bằng cách cố dùng ngòi viết mà thuật lại những cử chỉ anh hùng của hơn hai ngàn chiến sĩ giữ Thủ đô trong tháng Chạp năm Ất Dậu. Là vì không có bút nào tả xiết, vả lại có tả cũng không mấy ai dám tin, rằng hơn 400 khẩu súng, đã cầm chân, đã chống trả lại năm nghìn quân thiện chiến. Người ta sẽ không tin rằng có em nhỏ tung dây thòng lọng bắt được địch, thu được súng Thomson. (*Một khẩu Thomson quý bằng vạn lạng vàng lúc đó!*). Người ta sẽ không tin có em nhỏ hồn nhiên leo lên xe tăng, nằm soài trước tháp súng để bỏ lựu đạn vừa vắn vào lỗ châu mai của khẩu 12,7 ly. Em đó, sau này còn lồm cồm đứng lên, múa mãi hai tay reo, cho đến khi bị xe sau bắn vào

lung, đạn thoát ra phía trước, phá toang lồng ngực. Người ta lại càng không tin có anh sinh viên nhận nhiệm vụ căng dây thép qua đường Hàng Gai để treo chiếu lên đó, làm bức bình phong cho hai bên hè liên lạc được với nhau. Anh sinh viên có lạ gì Pháp đóng ngay trên Tự Hưng lâu phía trước? Thế mà anh đi thông thả, vừa đi vừa gỡ cuộc dây cho khỏi mắc vòng nọ vào vòng kia. Anh đi thông thả, bốn lần ngã, bốn lần dậy, khi vào đến tận trong hiệu thuốc Normalc, trao vòng dây còn lại cho tôi rồi, anh mới chịu ngã hẳn.

Và Trung không tin, cũng như tôi hôm nay vẫn ngờ ngợ, rằng đến lúc quy xuống lần cuối cùng anh Nguyễn Dương Minh vẫn cứ mỉm cười!

Thân ái Trung,

Tôi không muốn kể, mà vẫn kể, ấy là vì, ý ngoại địa, sức tưởng tượng của tôi không theo kịp được sự thật, nên thấy cần phải nhắc lại sự thật để cho chính mình khỏi hóa điên.

Tôi vẫn nói với Trung, khi trước, rằng điên có lẽ là trạng thái hoang lạc nhất của đời người. Nhưng hiện nay tôi không muốn, không thể điên: tôi đã nhận với Việt Minh một nhiệm vụ. Tôi hiện đương lĩnh trọng trách nắm vững tinh thần của tiểu đoàn 332. Công tác chính trị, trong lúc này, là công tác quyết định. Bởi chúng tôi thiếu thôn, chúng tôi bỏ ngõ (anh cán bộ tiểu đoàn là một sinh viên y khoa), chúng tôi hiện đương hăng hái và thêm khát giáp trận...nhưng riêng tôi với anh Quảng, tiểu đoàn trưởng, chúng tôi cùng biết nếu ngay lúc này gặp một đại đội địch, đơn vị của chúng tôi nhất định tan vỡ .

Chúng tôi lo sợ lắm. Nhiệm vụ lệnh vừa mới đến hôm qua. Chúng tôi không thể từ chối: chung quanh chúng tôi toàn là anh em trẻ tuổi hơn, lại kém chúng tôi kinh nghiệm chiến đấu giữ Liên khu I, chúng tôi đành nhận nhiệm vụ.

Nhiệm vụ lệnh mang tên chữ ký của Võ Nguyên Giáp, có Hoàng văn Thái, thiếu tướng tham mưu trưởng phó thự, có Bằng Giang đại tá khu trưởng Chiến khu 10 chiếu hội. Chúng tôi nhìn những chữ ký. Tôi nhìn Quảng, thấy Quảng nhìn tôi chăm chăm. trong ánh mắt Quảng sao lại chan chứa những ưu tư?

Tôi không hỏi, không dám hỏi, chưa dám hỏi. Nhưng tôi cảm thấy tôi lo buồn không kém gì Quảng. Bởi chúng tôi đã nhận một nhiệm vụ của Việt Minh. Chúng tôi đã mắc vào khe răng cưa của một guồng máy. Chúng tôi đã bị phản bội bởi số mệnh. Dưới quyền chỉ huy cộng sản, chúng tôi đã trở thành cán bộ. Không còn lòng nào nguy biện, rằng chiến đấu để giành Độc lập; chúng tôi biết, ngay từ bây giờ, rằng khi nào Độc lập là cộng sản đã bạch đoạt chính quyền rồi.

Chúng tôi biết, nhưng đã lọt vào khe răng cưa của guồng máy. Vì sao? Vì chúng tôi là người, chúng tôi đã vùng dậy theo bản năng chống Pháp. Việt Minh cũng chống Pháp, Việt Minh cho chúng tôi phương tiện. Lẽ nào từ chối? Vả lại từ chối thì đi đâu, và làm gì? Chúng tôi cố nhiên đã nghĩ đến trở về Hà Nội, liên kết với Pháp để diệt Cộng, rồi diệt Pháp sau dễ hơn. Giải pháp hữu lý. Nhưng không được: cứ tưởng tượng con mắt người Pháp không bao giờ giống con mắt người Việt, là đã đủ nỗi cơn cuồng nộ. Không được! Dù chúng tôi có muốn liên kết với Pháp, cứ nhìn vào đáy mắt của chúng tôi họ cũng đủ thấy chúng tôi căm hờn tới mực độ nào: họ sẽ giết chúng tôi trước. Và chúng tôi sẽ chết vô

ích.

Đành nhẽ trong giai đoạn này theo Việt Minh, chờ giai đoạn sau Việt Minh về Hà Nội, lúc đó lại ra đi chống Cộng sản. Chao ôi, Trung thân mến, Trung có biết bao giờ có một tuổi thanh niên phải sớm biết những đau khổ, nhưng lo nghĩ như bây giờ? Có bao giờ có một tuổi thanh niên hăng hái mãnh liệt, và thương yêu đồng bào với đất nước, và thật trẻ, thật đẹp như bây giờ!

Cứ điểm d.332,

Ngày 15 tháng 3 , 1947, viết xong

Phú Thọ, Vũ lao,
Ngày 29 tháng 11 năm 1952

Thân ái Trung,

Và thế là hết! Bức thư viết cho Trung chưa gửi, thì bức thư này đã phải bắt đầu. Phải bắt đầu giữa một cơn căm giận thấu trời, mà cũng giữa những phút nhẹ lòng kỳ lạ: bạn của Trung đã được đuổi ra khỏi đơn vị, đã nghe tuyên án 42 năm khổ sai, đã trốn, và hiện nay đang ở trên đường len lỏi để vượt qua sông Thao, sang Nghĩa lộ.

Bạn của Trung, đêm hôm nay thao thức quá. Nên mượn đĩa đèn dầu của bà chủ nhà để soi rõ tờ thư viết cho Trung. Bà chủ nhà là chị Tường Vân, vợ của bạn chúng ta là Nguyễn Văn Nhiễu. Nhiễu

mới bị đầu chết. Vợ Nhiều bị đuổi ra khỏi đồn điền Khải Xuân, lên đây dựng chóp lều bán mái này bên mộ Nhiều để khóc chồng. Tôi vừa về qua hồi gần nửa đêm, nghe tiếng nước nở thì vào thăm, ai ngờ gặp chị Tường Vân.

Chị Tường Vân giữ tôi lại, luộc khoai cho ăn, rồi chúng tôi lại khóc Nhiều. Riêng tôi, tôi khóc cả Quảng.

Quảng đã chết! Nếu quả thật một mối hận có thể kết tinh lại dưới một nắm mộ, thì những nỗi uất ức trong lòng Quảng sẽ phải là một phiến đá, hay một hạt minh châu, không có bàn cân nào cân nổi ở đời này. Bởi câu chuyện của đời Quảng, tôi chưa biết có cây bút nào trên thế gian đã viết ra những nỗi thương tâm, cùng với những niềm yêu dấu, hy sinh, tôi đã thấy trong tâm hồn Quảng.

Quảng là cán bộ tiểu đoàn, năm 1947. Nhưng tôi đã nói Quảng vốn là sinh viên trường Đại học Y khoa. Không có gì báo trước rằng người thanh niên ấy sẽ trở nên một chỉ huy quân sự. Quảng có mẹ già, bà mẹ suốt ngày chỉ còn thu gọn đời sống vào ba việc: mỗi buổi sáng thắp một nén hương trên bàn thờ ông chồng quá vãng giữa năm Tân mùi, mỗi buổi chiều lần đủ tám mươi tư vòng tràng hạt, và mỗi khi Quảng có sự gì buồn rầu, bực bội hay tức giận lộ ra nét mặt, thì khẽ gọi: “ Quảng, con!”.

Nghe tiếng gọi, Quảng tức khắc rũ bỏ tất cả những ý nghĩ không xứng đáng là của người quân tử. Anh đến ngồi bên cạnh mẹ, thấp hơn một chút để mẹ nhìn xuống mà thấy mái tóc xanh của mình, và cúi đầu: “ Mẹ tha thứ cho con”.! Rồi sau đó, hai mẹ con anh lại ngồi rất lâu như vậy, tuy không ai nói một lời nào nữa, mà mẹ biết con, con biết mẹ cũng nghĩ đến người cha, người chồng tôn kính. Bởi cha Quảng là một bậc quân tử. Cụ Cử đồ đồng khao với thân phụ tôi, Quảng có nói tôi mới biết, song vào giữa lúc một người từ

giáo ban 2 sang chính ban, thì một người từ giáo ban về quê làm ruộng. Ngày một sáng đi cày, một chiều dạy học, cụ Cử Văn xa tựa như người không hề gặp một sự gì đáng buồn trong cuộc đời. Cụ hiếm muộn, tới ngoài bốn mươi tuổi chưa sinh con trai, cũng không có vẻ lầy thề làm phiền lòng. Kịp khi Quảng ra đời, cụ hình như cũng không lầy thề làm vui mừng quá lắm. Rồi một ngày kia lính mật thám ập vào nhà, xịch tay cụ giải ra xe, xịch tay Cụ dong lên tàu đi Hải Phòng để đi Côn lôn, nét mặt cũ vẫn không thay đổi. Trên thềm phòng đợi của hành khách hạng nhất, hôm đó dành cho chính trị phạm, Cụ bà ẵm Quảng đến lạy biệt cha, chỉ nghe Cụ dặn lại một câu đơn giản: “ Bà về nuôi con. Nó lớn lên thì dạy nó cho nên người”. sau ngưng lời một phút, Cụ nói tiếp: “ Làm thì làm cho tận sức, rồi bình tâm!”. Có thể thôi. Người đi chẳng bao giờ về với vợ con nữa!

Tôi biết về cha Quảng có thể. Có lẽ chính anh cũng được biết về cha anh có thể. Mẹ anh là người chỉ cầu cứu đến chồng mỗi khi dạy con, con tỏ vẻ cứng đầu, rắn mắt. Những lúc ấy, theo lời Quảng, mẹ anh khóc: “ Ông ơi! Ông có thương tôi thì về dạy con giúp tôi!”

1: *Tân Mùi “Yên Bái”*: 1931

2: *người Pháp mở đầu cuộc báo hộ bắc kỳ bằng cách lập ra trường Hậu bổ cho các nho sĩ có khoa bảng. Trường này có hai ban: học giáo ban thì ra làm giáo thụ, huấn đạo, đốc học, chính ban làm trợ tá, tri huyện, tri phủ. Có một thời kỳ Pháp cho phép những người “trót” theo giáo ban được xin đổi sang chính ban hoặc ngược lại.*

Thì những lúc ấy, vẫn theo lời Quảng, anh thấy tim anh như thật vỡ nát làm nhiều mảnh. Anh có thể có lỗi, anh có thể bị hiểu nhầm hay bị oan uổng, nhưng mặc dù thế nào, anh vẫn thấy một niềm hối hận mênh mông trong tâm khảm. Mẹ anh chỉ còn anh,

làm cho mẹ buồn, ấy là anh đã có tội lắm rồi.

Quảng nghĩ về mẹ như thế, cho nên đến lúc lớn, anh nhờ mẹ dạy mà tâm tính giống cha như in. Anh thuần hậu, điềm đạm, không bao giờ to tiếng cũng như không bao giờ để lộ vẻ đau buồn ra nét mặt. Tôi biết anh năm năm, thân với anh bốn năm, mà chỉ có một lần thấy nét ưu tư lộ trong tia sáng ở nơi mắt anh. Tôi đã kể với Trung, đó là buổi chúng tôi cùng nhận được nhiệm vụ lệnh chỉ huy tiểu đoàn 332.

Hôm ấy, Quảng lặng nhìn ra sân rất lâu. Sân đất thịt lầy lội, đầy những vết chân người đi, những vết trượt ngã. Quảng hình như muốn đếm những chân từ thềm nhà ra bờ tre. Nét mặt chăm chú của anh rõ ràng biểu lộ tâm hồn anh đương theo dõi một ý nghĩ nhất định. Mãi hơn một năm sau, sau khi cùng chết hụt nhiều lần, tôi mới biết hôm đó anh đã phải đau khổ lắm để chọn lấy một con đường. Chúng tôi thân được nhau là nhờ cùng đau khổ như vậy.

Nhưng hoàn cảnh của Quảng ác liệt hơn hoàn cảnh của tôi nhiều lắm, Bởi kẻ phản bội đã phá vỡ chỉ bộ Lang tài của cha anh chính là một lãnh tụ trong mặt trận Việt Minh hiện tại. Anh nhờ gia huấn, không thù oán. Nhưng anh làm sao mà cùng đứng với hắn trên cùng một vị trí, và cùng đi với hắn theo cùng một con đường? Lại thêm nữa, mẹ anh già, bốn con anh dại, một mình vợ anh không có lấy trăm bạc trong tay, làm thế nào vợ anh lo được đủ sống cho gia đình, lúc bấy giờ còn điêu linh trên con đường mòn nào đó miền Âm Thượng?

Thế là, rút cuộc lại, anh cũng như tôi, chúng tôi không tìm thấy lối thoát. Đi không xong, ở lại thì không nên, chúng tôi đành hãy làm những việc phải làm ngay trước mắt. Riêng may cho anh, trong cơn nã nề ấy, anh còn có một kỷ niệm thiêng liêng, một lời dặn của người cha thương con chí tình truyền lại: “ Làm cho tận sức,

rồi bình tâm!”.

Cũng nhờ giữ được bình tâm mà anh làm trọn được nhiệm vụ của anh khó khăn bằng trăm lần nhiệm vụ của tôi. Chúng tôi chia nhau phận sự nắm một tiểu đoàn, nhưng về phần tôi, tôi đã có lòng yêu nước chứa chan trong quân ngũ giúp sức. Tôi chỉ có việc đem cái mong mỏi tha thiết của tôi về một ngày độc lập ra mà nói với anh em trong đơn vị, là tức khắc, trong những cảnh gieo neo nhất, một luồng sinh khí mạnh mẽ lại tràn ngập tâm hồn mỗi đứa chúng tôi.

Còn về phần Quảng, anh đã phải học tất cả ở thực tế. Một tháng kinh nghiệm giữ Thủ đô hầu như không được việc gì. Anh ngỡ hết sức khi thấy hơn bốn trăm tay súng nghiêm trong hàng mà chờ lệnh của anh. Anh không biết nói gì, cũng không biết bảo họ làm gì hết. Anh đi đi, lại lại nhiều vòng, rồi rút cuộc, anh thú thật trước tiểu đoàn sự bất lực của mình. Anh chờ đợi chúng tôi cười rộ lên. Nhưng trái lại, chúng tôi xúm lại bên anh, đứa nào cũng cảm động rung rung nước mắt. Chúng tôi thấy ở anh người anh hùng giản dị của tinh thần khởi nghĩa, của sứ mạng chiến đấu giành độc lập. Chúng ta đã chân thành mỗi người bày tỏ một vài ý kiến, một vài sự hiểu biết về tổ chức và chỉ huy một đơn vị chính quy.

Cả tiểu đoàn thức trắng một đêm không ngủ. Chúng tôi thảo luận, rút kinh nghiệm, thảo luận cho đến khi cùng hiểu rằng đơn vị chúng tôi không hề là một bộ đội chuyên nghiệp, bởi chỉ gồm những người dân, những thanh niên tự nguyện chiến đấu vì tổ quốc. Chúng tôi thấy không cần phải có kỷ luật sắt để giữ người tự giác. Chúng tôi chắc chắn giữ được mình làm đơn vị gương mẫu trong bình tại. Còn chiến đấu, có một mình còn chiến đấu được, huống hồ có tới ngót năm trăm anh em? Bởi thế, chúng tôi quyết định tất cả sẽ cùng một lúc tìm học chiến thuật, chiến lược, là điều

đầu tiên thiếu thốn. Sẽ cùng học, rồi cùng trao sự học ấy cho Quảng, miễn Quảng ở lại với đơn vị.

Quảng đã ở lại. Chúng tôi theo Quảng từ Bông lau, qua Sông lô, vào Bình Trị Thiên 1. Tiểu đoàn chúng tôi đã đoạt giải thưởng Rèn cán Chính quân. Quảng đã mất một cánh tay phải ở trận công kiên Hòa Bình, khiến cho quân Pháp riều anh là “Hở cụt tay”.

1: Bông lau: giữa Cao Bằng và Lạng Sơn, trên đường số 4. Sông Lô: Giữa Tuyên Quang và Việt Trì. Bình Trị Thiên: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên.

Chúng tôi đã cùng nhau trải qua không biết bao nhiêu gian khổ. Hơn bốn trăm anh em lúc đầu, ba năm sau còn sống vồn vẹn có một trăm bảy mươi hai đứa. Một trăm chín đứa đã bị điều đi đơn vị khác. Tụi còn lại, kể cả Quảng lẫn tôi, có sáu mươi năm mạng. Nhưng kẻ ở hay người đi, tôi dám chắc không ai quên được cái đêm tháng Tư chúng tôi khai hội buổi đầu tiên, trên một ngọc đồi vùng Phú Lộc. Đêm mông bốn rạng mông năm ấy, một đơn vị kháng chiến thoát thai từ tám lòng lữ chúng tôi dốt thật, nhưng chân thành tin tưởng.

Thân ái Trung,

Trung đã biết một đôi điều về Quảng. Gia đình Quảng nghèo lắm. Quảng còn nghèo hơn nữa, mặc dầu ban Chỉ huy tiểu đoàn sau này đã có khá nhiều tiền kinh phí. Quảng có lúc giữ trong quỹ tới trăm vạn, mà, theo tôi biết, không bao giờ Quảng hút vào gói thuốc lá của ban Chỉ huy mua thêch khách. Quảng còn tiết kiệm, đến nỗi anh không tiêu một đồng nào vào số tiền sinh hoạt phí của anh còn thừa hàng tháng. Anh cóp nhật, dành dụm, mỗi khi được

bạc trăm lại nhờ người em đem về Âm thượng biểu bà mẹ anh.

Lòng thương con còn tha thiết hơn thế. Anh nhặt từng tờ giấy còn một mặt trắng đem cắt đi, chùng nào đủ đầy thì đem đóng lại cho chúng làm vở tập viết. Anh giữ lại bất cứ một thứ gì đẹp mắt có thể làm đồ chơi cho lũ trẻ, kể từ cái bao hộp dầu Con Hồ, đến tấm ảnh tô màu thành phố Venise. Cảm động nhất, là những buổi trú quân nhân nhạ, anh mày mò tìm vật liệu làm cho thằng Châu, đứa con trai lớn, cây súng cao su, hay nặn cho đứa con gái bé những con mèo, con chó bằng đất. Bàn tay sinh viên của anh vụng về, thường làm hỏng những con giống sắp thành hình. Lúc đó, anh buồn rầu buông lơ mấy mảnh vụn xuống đất. Anh thở dài và lắc đầu nhẹ nhẹ để tỏ dấu thất vọng. Nhưng chỉ một lát sau anh lại kiên nhẫn bắt đầu một con giống khác...

Như thế là anh đã mang trong bản thân cực nhiều mâu thuẫn. Anh hình như có tài dứt tâm hồn anh ra làm hai phần không những riêng biệt mà còn đối lập. Phần thứ nhất, sống cho công vụ, cho chính phủ, cho Đảng, cho kháng chiến: hăng hái, quả cảm, cũng mãnh. Phần thứ hai, sống cho gia đình, cho bằng hữu: chí tình, đằm thắm, nương nhẹ lòng người như nương nhẹ cánh hoa.

Tôi nhớ, tháng Mười năm 1947, được lệnh truy kích binh đoàn Vanuxem từ Tuyên Quang về Đoan hùng, quân Pháp đi pháo thuyền, chúng tôi đi bộ. Nhiệm vụ của chúng tôi là tiêu hao tinh thần địch bằng những trận đột kích nhỏ, nhằm làm cho địch mệt mỏi và đồng thời trở nên khinh thường quân đội kháng chiến. Bộ Tư lệnh Liên khu đã chỉ thị rõ rệt: quân Pháp có khinh địch, trận phục kích của đại đội trọng pháo mới có hy vọng thắng lợi. Và quả thế, đến khúc Sông Lô dưới Đoan Hùng từ 8 đến 11 cây số, pháo thuyền Pháp không có lực quân đi trên bờ yểm hộ, lại thêm binh sĩ vui hát, nhảy múa trên sân tàu, cơ hội thật đẹp cho hai

khẩu 75 ly bắn mỗi khẩu hai viên đạn. Một trong bốn viên trúng đích cách mười sáu thước, xuyên qua lần giáp mỏng của chiếc L.S.T rồi nổ tung ngay giữa hầm máy và hầm đạn. Chiếc pháo thuyền đứt làm hai mảnh.

Đó là trận Sông Lô năm 1947. Giá trị chiến đấu thuần túy chẳng là bao đâu, nhưng về tinh thần thì “Chiến thắng Sông Lô” quả là một luồng gió ngược, thổi lồng lộng cho tiêu hao hầu hết những tư tưởng bi quan, chủ bại. Có thể nói rằng toàn thể đồng bào ta đã ăn mừng Chiến thắng Sông Lô. Riêng gian khổ nhất tiểu đoàn chúng tôi, đi bốn ngày ba đêm không nghỉ, khi ngược lên, khi xuôi xuống theo tin tức của các tổ quân báo mà họa có nghỉ chân, ấy là để đào thật gấp những hố cá nhân ven bờ sông. Rồi nấp trong hố bắn những băng đạn vu vơ vào các khối sắt đen chùi chùi trên mặt nước, rồi vọt lên khỏi hố, mau mau xa lánh những bộ đội địch vừa mới lên bờ truy nã; rồi sau hết, lại băng mình lên phía trước, để tổ chức một cuộc phục kích thứ hai, thứ ba, thứ tư nữa!

Bốn ngày ba đêm không nghỉ, không chợp mắt. Nước khe, nước lạch, hay nước cũng trâu dầm. Cơm vài nhúm gạo rang nhai cho thật kỹ với chút muối trắng (ai vợ được vài nhánh tỏi là người ấy có bữa thịnh soạn!). Bốn ngày ba đêm, chống lại tất cả mọi định luật về sinh lý, chúng tôi vượt 320 cây số, cộng thêm chính trận phục kích. Chúng tôi không đi bằng chân mà đi bằng óc. Chúng tôi mù người trong sự cố gắng kinh khủng. Cố gắng vì yêu nước, vì thù giặc, vì Quảng nữa.

Vì Quảng luôn luôn đi đầu. Anh mát hản nụ cười, anh quắc nhìn mấy đội viên kêu mệt. Mệt thật, nhưng hồ thẹn và xúc động bởi tấm gương chỉ huy, không một ai dám lùi trở lại. Cả những lúc đạn địch chằng lưới trên đầu, không một ai kịp sợ chết. Có lẽ cũng vì thế mà cả tiểu đoàn không có một người bị thương, trừ một tên bị bạn đồng đội cuộc một phát đứt phăng nửa ngón chân cái với đầu ngón chân bên cạnh. Thế mà chúng tôi vừa về đến bến Then,

vừa nằm lăn xuống đất chưa kịp ngủ, là hấn đã tập tễnh chống gậy theo kịp, mặt hấn nhăn nhó tưởng khóc mà hóa ra cười. Khi tháo bỏ manh giẻ rách quấn chân hấn, chúng tôi chỉ thấy lăn với đất bùn, có một mớ lá chuối nhai giập giạp. Thế mà hấn khỏi.

Hoàn cảnh của hấn vẫn chưa phải là lạ nhất. Biết bao nhiêu hoàn cảnh khác, bất chấp khoa học, của những kẻ bị đến mười phát đạn trong mình mà không chết, hoặc bị đứt 1 cánh tay rồi để hai ngày không có thầy thuốc săn sóc cũng không chết....Tôi đã nói chúng tôi sống bằng tinh thần nhiều hơn bằng vật chất. Đối với Trung, có đâu phải là một câu lừa dối!

Nhưng cái làm cho tôi lạ lùng nhất vẫn là thái độ của Quảng.

Ngay sau trận Sông Lô, tôi về đến Phú Lộc là ngủ 1 giấc say như chết. Khi tỉnh dậy, đi tìm Quảng, thấy anh đang lăn mẩn cắt cắt, chấp chấp những mảnh sắt tây vụn. Tôi lại gần, anh đưa ra khoe một cái bàn với bốn cái ghế đặt vòn vẹn trong lòng bàn tay:

- Chú bé Cu nhà mình được cái này là khoái lắm đây nhé!

Giọng nói của anh hiền hòa, thấm thía. Nhớ con bé và nghèo, làm đồ cho con chơi, một người cha dễ quên trận vào sinh ra tử chưa qua được trọn một ngày!

Thế là Trung đã biết nhiều về Quảng. Quảng với tôi gần nhau không bao lâu đã thân tình như ruột thịt. Tôi hơn tuổi, được Quảng coi như anh, nên đã nhiều lần được nghe Quảng đem tâm tình ra thủ thỉ.

Trung đã biết Quảng mồ côi cha từ nhỏ. Cụ Cử Vân xa bị bắt đày đi Côn lô bởi có người đồng chí tố cáo. Người đồng chí này hiện là một trong những lãnh tụ Việt Minh. Quảng chỉ còn mẹ già.

Vâng lời mẹ, Quảng lấy vợ, thương yêu vợ, rồi thương yêu con.

Trước kháng chiến, Quảng là người của gia đình. Kháng chiến bùng nổ, Quảng đặt đất nước lên trên gia đình. Cuộc đời của Quảng giản đơn có thể thôi.

Cuộc đời của Quảng đã dồn cho kháng chiến. Kháng chiến là quân đội, là tiểu đoàn 332. Bao nhiêu tâm huyết, bao nhiêu sinh lực

trong Quảng đã dồn cho tiểu đoàn 332. Quảng thương yêu đơn vị hơn thương yêu mẹ, hơn thương yêu vợ con. Có thể nói đơn vị là con anh, anh sinh đẻ ra nó, nuôi dưỡng nó, trông thấy nó lớn mạnh, trông thấy nó trưởng thành. Anh có lúc nói với tôi: “ Quảng không thể sống xa đơn vị”. Có lúc anh lẩn thẩn, không muốn cho chiến tranh chấm dứt, để ở lại với đơn vị.

Cốt giữ lấy đơn vị, anh đã vào Đảng. Nói cho đúng ra thì Đảng vẫn coi anh là người trong tổ chức, bởi tin lòng anh kiên trung, cương quyết. Còn phần anh, anh không ghét Đảng, mà chỉ ghét tính đảng phái. Anh không muốn vào Đảng mà vẫn vào Đảng, ấy là để giữ lấy đơn vị. Đơn vị là mẹ, là vợ, là con anh cộng lại. Anh không thể sống xa đơn vị. Cho đến khi đơn vị phản bội anh là anh phải chết. Chết như những người cha bị giết bởi đứa con chính mình sinh, dưỡng. Chết vì bị mấy phát đạn bắn vỡ lồng ngực, mấy phát đạn từ những khẩu súng của đơn vị. Nhưng trước khi chết thật, tôi biết anh đã chết trong lòng, đứt từng khúc ruột. Trung có biết rằng Quảng bị chính đơn vị mình đấu chết? Quảng bị những đội viên, một thiếu số đã cùng anh vào sinh ra tử, đêm mùng Bảy vừa rồi, họp thành tòa án đặc biệt tuyên bố anh có phản nhân dân, có phản Đảng, và xử tội anh phải chết bắn.

Trung lấy làm lạ lắm? Than ôi! Bạn Trung cũng không biết gì hơn nữa, ngay trong lúc ấy. Bạn Trung, quên không nói, đã rời bỏ nhiệm vụ, mới là trưởng ban văn nghệ tiểu đoàn. Cũng vì thế, nên mãi đến khi phong trào đấu tranh chính trị được công khai phát động, bạn của Trung mới biết.

Thì đã muộn, Quảng đã bị giam cầm rồi, vì sao mà bị giam, chính Quảng cũng không biết. Chỉ biết rằng, có lệnh của Chính ủy Đại đoàn cho Quảng viết tờ bộc lộ, Quảng không biết viết tờ bộc lộ ra sao nên bị giam xuống chuồng trâu. Tôi, mặc dầu có lệnh cấm, nhiều lần lên xuống thăm Quảng. Tôi hỏi nhiều, nhưng Quảng chỉ im lặng. tôi đoán già: có lẽ Quảng bị kẻ nào thù ghét. Tôi uất ức, nhiều lần cầm tay Quảng mà trào nước mắt. Quảng vẫn im lặng. (

Bây giờ nhớ lại, tôi mới thấy Quảng, bằng sức mạnh của tinh thần, đã vượt lên trên sự đau đớn, và tách rời khỏi cả sự sống của thể xác !).

Tôi thương Quảng tưởng hóa điên. Tôi lồng lộn lên Khu, về Đại đoàn bộ để cầu cứu. Người ta rõ ràng ghẻ lạnh và khinh bỉ tôi. Chính trị viên tiểu đoàn gọi tôi lên cầm chi mọi quan hệ với Quảng. Tôi không chịu, nên hấn nhót tôi vào chuồng trâu, thay cho Quảng bị đem giam trong cái cũi lớn để giữa sân.

Chúng tôi bị giam như thế ngót một tháng rồi mới đến ngày xử án. Tôi ở ngoài chuồng trâu chỉ nghe tiếng ồn ào la hét. Tỉnh thoảng lại có tiếng gào lên buộc tội Quảng: nào là rủ đồng chí theo Pháp, nào là mưu giết Tướng Tổng tư lệnh. Thêm có những kẻ dám nói đã bị gia đình Quảng bóc lột, gia đình Quảng có hơn một ngàn mẫu ruộng, gia đình Quảng có mười hũ vàng. Tôi nghe lời buộc tội Quảng mà dựng tóc gáy. Duy không thấy Quảng trả lời. Anh vẫn im lặng, lúc ra khỏi tòa án nhân dân mặt mũi sưng tím, cũng như sáng tinh sương, hôm sau bị bịt mắt dẫn ra phía đầu làng.

Tôi thương Quảng mê cả người. Tôi mãi mãi nhớ cặp mắt lúc nào cũng trong sáng của anh, cũng như tâm hồn anh thương con, yêu mẹ. Tôi bị khép tội đồng đảng với anh, bị tuyên án 42 năm khổ sai. Nhưng mới qua được hơn một ngày, thì có người đội viên cũ, cắt dây trói cho tôi, rồi cùng với tôi trốn khỏi cứ điểm.

Chúng tôi đi đêm, ngày ngủ trong những bụi cây thật rậm. Chúng tôi thoát được từ Bắc Cạn về đến đây, không bị lạc trong rừng, không bị đuổi theo kịp, không sa vào những trạm gác của dân quân du kích, nhờ chúng tôi đã thuộc lòng những con đường mòn của khu rừng mông mênh gồm bốn tỉnh Bắc, Thái, Tuyên, Phú. Trong đêm đen đặc, chúng tôi đi, mắt mở cũng như nhắm, chân bước theo linh tính nhiều hơn theo suy nghĩ. Chúng tôi đi, bước đều chân trong rừng khuya, và càng đi càng nhớ những đêm hành quân hồi trước. Những khúc thẳng, những khúc quanh, những dốc cheo, những khe sâu hun hút, cảnh không trông thấy, mà biết là

có, vì cảnh với người, với sức sống, hình như quỵện lấy nhau, hòa vào nhau làm một. Một niềm vui, một niềm hân hoan, tin tưởng. Nhưng tất cả đã xa xôi, vì đêm nay tôi chỉ còn một thứ đau đến tê lạnh trong người. Một tiếng gọi thầm: “ Quảng! Quảng! ...” Tiếng gọi gọi mãi, gọi mãi theo nhịp chân. Nhịp chân bước đều, đều đến nỗi không gian dưới bàn chân như liền lại, thành một con đường, con đường thật, con đường làm bằng những bước chân của người đi. Như tiếng gọi thầm tên Quảng, bao nhiêu tên Quảng nhắc theo bấy nhiêu bước chân, cũng liền lại, làm ra một sợi dây xúc động trong tâm ý. Càng gọi, xúc động càng thêm đông đặc, cho đến lúc thành một thứ tinh túy, chiếm đoạt cả ý nghĩ của người gọi, rồi tràn ngập cả ra ngoài không gian tối, vắng. Lúc đó, Quảng như hiện lên, đi bên cạnh người đi, chung với người đi một ý nghĩ và thương yêu người đi bằng một tình thương yêu thần thánh. Tất cả đau khổ tan biến ngay. Tất cả oán hờn dẹp lại. Tâm hồn tôi thoảng chốc lẳng xuống như nước trong. Tôi nghĩ đến Quảng, đến tôi, như nghĩ đến một người xa lạ khác. Cái chết của Quảng cũng như sự trốn tránh của tôi, tôi tưởng là những sự kiện nào đó, đã xảy ra từ lâu lắm. Tôi bất chợt thấy mình Đương lý luận về mình và về bạn một cách lạnh lùng, sáng suốt. Trí tuệ ở trong tôi hầu như có một sức mạnh kỳ dị giúp đỡ, đã gạt hẳn sang một bên những rung cảm của tâm hồn. Tôi nghĩ: “ Quảng chết, cũng như tôi bị kết án tù, cũng như chúng tôi nhận công tác với Việt Minh năm năm về trước, ấy là vì chúng tôi đã mắc vào vòng răng cưa của guồng máy chiến lược đấu tranh của những người bên sơ vịch”.

Thân ái Trung,

Tôi muốn vội chia tay với Trung sự tìm thấy. Sự tìm thấy những giai đoạn chiến lược :

Giai đoạn Một, lấy độc lập làm mới, dùng tiểu tư sản mị quần chúng. Giai đoạn Hai, lấy kháng chiến làm mới, dùng tiểu tư sản nắm quần chúng. Giai đoạn Ba, lấy quyền lợi làm mới, dùng quần chúng diệt tiểu tư sản.

(Bắt đầu từ đoạn thư này, tôi lo rằng hoàn cảnh sẽ bó buộc tôi phải viết cho Trung những dòng luận thuyết khô khan, và đòi hỏi ở Trung nhiều chú ý hơn trước. Tôi đã cố tránh cho Trung cái “nạn” ấy, nhưng xét cho cùng, Trung thật ra cũng cần phải biết Việt Minh trong lĩnh vực chính sách và chiến lược đấu tranh chính trị. Có như thế, Trung mới thật hiểu được giai đoạn lịch sử vừa qua của toàn dân).

Nói đến hai chữ giai đoạn, hai chữ thật cũ mà thật mới, Trung nên hiểu rằng đây là một danh từ được đem áp dụng vào sự tổ chức, vào sự hoạt động. Giai đoạn không còn riêng dùng trong việc phân chia một dòng lịch sử dài đặc: giai đoạn Bắc thuộc, giai đoạn tự trị... Giai đoạn hiện nay, thường được dùng vào việc cắt đứt một chương trình hành động làm nhiều phần, mỗi khi có sự thay đổi trong chủ quan hay trong khách quan. Cách dùng hai chữ “giai đoạn” như thế này chắc hẳn đã có từ lâu ở nơi khác nhưng riêng trong nước ta, và theo sự hiểu biết của tôi, Việt Minh đầu tiên đem dùng hai chữ ấy một cách thiết thực, liên hệ ngay đến công việc trước mắt và mai sau.

Việt Minh nói (và viết): cuộc kháng chiến sẽ có ba giai đoạn, sự thực hiện một thế giới theo Cộng sản chủ nghĩa có ba giai đoạn. Như Trung biết, đã có hẳn những tập sách nghiên cứu tỉ mỉ về những vấn đề ấy. Duy Việt Minh không bao giờ nhắc nhở đến những giai đoạn của một công việc tiêu diệt tiểu tư sản. Bởi một lẽ giản dị: Việt Minh đâu dám công bố những chủ tâm lợi dụng tiểu tư sản, mê hoặc dân chúng, lợi dụng dân chúng? Trừ khi họ đã hoàn thành được nhiệm vụ của giao đoạn, nghĩa là tiêu diệt xong

giai cấp tiểu tư sản.

Tôi trước hết muốn Trung hiểu rằng trong chính sách của Việt Minh, giai cấp tiểu tư sản không có nghĩa là giai cấp của những người có tài sản trung bình, không lớn quá để thành đại tư bản, không nhỏ quá để thành vô sản. Theo Việt Minh, tiểu tư sản là những ai có đầu óc tham luyến của cải, của cải theo nghĩa vật chất, theo cả nghĩa tinh thần. Một vị bác sĩ có tài chữa bệnh, coi cái tài ấy là của riêng của mình; một nhà văn viết những đoạn thiên hay, coi cái hay ấy là của riêng của mình; thì tất cả đã là những con người tiểu tư sản, bất chấp vị bác sĩ có thể rất giàu, anh đầu bếp có thể nghèo và nhà văn có thể phải chạy ăn mỗi ngày, mỗi bữa.

Tiểu tư sản, theo định nghĩa Việt Minh- Cộng sản- có thể coi là gồm tất cả mọi thứ người trong xã hội (kể cả những người hành khất, tôi sẽ nói vì sao!), ngoại trừ hai hạng người. Hạng người đại tư bản có đủ tiền bạc, ruộng đất, hãng buôn hay xí nghiệp, nói chung là có đủ phương tiện sản xuất, để trực tiếp tham dự vào công việc tổ chức và chỉ huy nền kinh tế trong nước. Hạng thứ hai, coi như đối lập với hạng trên, được gọi là vô sản khi nào từ vật chất đến tinh thần đều lệ thuộc vào một cơ cấu chỉ huy độc nhất. Thí dụ: người cộng sản, Trung chắc hẳn đã thấy ngay rằng Việt Minh như thể là định chia xã hội loài người làm ba phần, một phần theo để làm cơ sở cho Cộng sản, một phần là cái cơ cấu chỉ huy của những chính quyền tư sản-mà Cộng sản phải đánh thua để cướp lấy quyền lực-phần thứ ba gồm tất cả những người còn lại. Sự phân chia rõ ràng có tính cách chiến lược, bởi vì họ mặc dầu lấy chữ “sản” làm tiêu chuẩn phân định từng thành phần, mà thật ra họ chủ tâm chia xã hội làm làm bạn, thù, và trung lập.

Việt Minh và Cộng sản (công khai) vẫn nói rằng tiểu tư sản trung lập với họ, họ trung lập với tiểu tư sản. Họ cho rằng tiểu tư sản không quyết liệt phò tá đại tư bản trong công cuộc thống trị xã hội bằng phương tiện sản xuất, nhưng, ngược lại, tiểu tư sản cũng

không tham gia vào hàng ngũ của họ để xây dựng cách mạng vô sản. Gần đây, một lý thuyết gai Trung Cộng là Lưu Thiệu Kỳ còn cho rằng tiểu tư sản không phải là một giai cấp, bởi không có ý thức quyết tâm đấu tranh để bảo vệ quyền lợi và uy thế của giai cấp của mình, và cũng không oán thù, căm tức các giai cấp khác. Lưu Thiệu Kỳ từ đó gọi tiểu tư sản là một “ý thức”. Ý thức tiểu tư sản sẽ theo về giai cấp nào thắng lợi trong cuộc giai cấp đấu tranh, đó là chủ trương và sự tiên đoán của Karl Marx.

Quan niệm của Việt Cộng (Việt Minh, Cộng sản) đã như thế, đáng lẽ ý thức tiểu tư sản phải được để cho yên ổn. Đã như thế, tại sao Việt Cộng nhằm tiêu diệt tiểu tư sản trước hết, trước khi khởi sự giao tranh với đại tư bản?

Theo ý tôi, có lẽ trước hết tại tất cả những gì Việt Cộng nói về tiểu tư sản đều là man trá. Họ vốn không công nhận có thể có một thái độ trung lập trong lịch sử, thì tiểu tư sản làm thế nào mà đứng trung lập cho được? Đó là một lẽ. Lẽ thứ hai là ở Việt Nam không làm gì có đại tư bản, nếu không kể đến người ngoại quốc, tức là người Pháp, đã được liệt vào loại xâm lăng thống trị. Việt Cộng thành ra không có kẻ thù chính, lẽ tất nhiên quay lại diệt kẻ thù phụ.

Nhưng đã nói ý thức tiểu tư sản sẽ theo về bên thắng trận. Ý thức tiểu tư sản sẽ theo về Việt Cộng. Thì làm sao có thể biến thành kẻ thù, dù chỉ là kẻ thù phụ? Tôi nghĩ rằng đây là lý do thứ ba vì sao Việt Cộng nhắm tiêu diệt tiểu tư sản. Lý do đó, là tiểu tư sản mới thật là kẻ thù của họ.

Vì sao? Vì Việt Cộng chủ trương, ngay trong lý thuyết, tiêu diệt tự do cá nhân. Mà chống lại chủ trương đó là ai, nếu không phải là những nhà trí thức trước hết: những bác sĩ, luật sư, kỹ sư, những văn nhân, thi sĩ, nghệ sĩ, hầu hết là những phần tử tiểu tư sản?

Vì sao? Vì Việt Cộng chủ trương, ngay trong lý thuyết, rằng con người lý tưởng của một xã hội Cộng sản chủ nghĩa là con người vô sản thuần túy. Sống vật chất, nhờ Đảng. Sống tinh thần, theo

Đảng tuyệt đối. Người vô sản không có một tác đất cắm dùi, không có một tàu lá làm mái che mưa, nắng, không có một đồng bạc để dành qua đêm tới sáng mai, đó là sống vật chất nhờ Đảng. Điều này tương đối dễ, vì thật ra, nếu Đảng cho được đầy đủ suốt đời, thì còn ai giữ của riêng làm gì cho khổ thân. Nhưng sống tinh thần theo Đảng khó hơn, khó hơn nhiều. Bởi sống như thế nghĩa là không có xúc động trong tâm hồn nữa, hoặc nói cho đúng là chỉ có những xúc động trong tâm hồn theo ý muốn của Đảng. Đảng bảo yêu thì yêu, bảo ghét thì ghét. Thậm chí có bị nhục mạ, Đảng bảo đó là vinh dự cũng phải “thành khẩn” tin rằng đó là vinh dự. Nói tóm lại, muốn xứng đáng là vô sản thuần túy, phải giết bỏ tâm hồn, phải tự biến mình thành sắt đá. Sắt đá tâm hồn, trừ Việt Cộng, họa may còn có một số nhỏ đại tư bản có khả năng làm giàu trên xương máu đồng loại. Còn tiểu tư sản, lấy sự phong phú trong tâm hồn làm hãnh diện, lấy yêu thương làm lẽ sống-hay lẽ chết!-, lấy danh dự và nhân phẩm làm những thứ không có không sống được trên đời, tiểu tư sản mới thật là kẻ thù chính của lý thuyết vô sản.

Còn vì sao nữa? Vì cản đường của tuyên truyền Việt Cộng, cản đường của giáo dục Việt Cộng, giữ Việt Cộng không cho mê hoặc quần chúng dễ dàng, lại chính là tiểu tư sản. Người tiểu tư sản cố nhiên gần gũi quần chúng hơn người đại tư bản, quần chúng lại hằng ngày noi gương người trí thức tiểu tư sản, cho nên tranh giành uy thế trong quần chúng với Việt Cộng, vô hình chung trở thành kẻ thù thứ nhất của Việt Cộng, chính là tiểu tư sản.

Thân ái Trung,

(Trung đã thấm mệt vì lý thuyết chưa? Hy vọng rằng chưa, bởi mang danh là những kẻ đương làm ra lịch sử, chúng ta đâu có quyền từ chối một đôi chút khó khăn?)

Chúng ta vừa mới thấy rằng chúng ta mới thật là kẻ thù của Việt Cộng (Việt Minh, Cộng sản). Sự nhận định của chúng ta rõ ràng quá. Chỉ hận rằng mãi đến bây giờ chúng ta mới thấy rõ vị trí của mình trong quan điểm đấu tranh của Việt Cộng. Chúng ta đã mắc phải lỗi lầm vạn cổ, là ghét người mà không biết người ghét mình, thù người mà không biết người thù mình, toan đánh người mà không biết lưỡi dao của người đã đặt sẵn ngang cổ mình. Chúng ta, nhất định là có Trung cùng đi với chúng tôi, chống Việt Cộng bởi họ theo chính sách đảng trị độc tài, bởi chúng ta lo rằng với lý thuyết đấu tranh cực đoan mác xít, họ sẽ gieo rắc quá nhiều đau khổ trong xã hội. Chúng ta không kịp nghĩ rằng họ không những chống lại chúng ta mà còn căm thù chúng ta cực độ. Bởi họ là những người ham muốn quyền lực đến chỗ tự hủy hoại, trước tiên trong lòng họ, tất cả mọi thứ tình cảm cao quý, kể cả lòng nhân đạo.

Chúng ta- hay nói cho đúng: chúng tôi- chúng tôi thiếu sự nhận định mối quan hệ giữa mình với địch cho thật sát, cho nên trong thời gian một gian đoạn chiến lược của họ, chúng tôi đã để cho họ

lợi dụng mình mà mê hoặc quần chúng, bằng mỗi một chữ kép: “
Độc lập”!

Độc lập trước hết là sự thèm khát của người tiểu tư sản. Giữa
những người tiểu tư sản, càng có trí thức ở trình độ cao hơn càng
thèm khát Độc lập hơn. Bởi, trái với lý luận Việt Cộng, cảm thông
cái nhục mất nước thâm thía nhất, là người trí thức.

Người trí thức luôn luôn được biệt đãi bởi chính quyền thống trị,
về vật chất cũng như về danh vọng. Nhưng danh vọng không làm
nên hạnh phúc về tinh thần. Người trí thức càng có danh vọng
càng gằn gỏi bọn thống trị, có khi chỉ một cái nhìn, một nụ cười
nhếch mép, một lời nói khinh bỉ, cũng đủ cho tất cả những nỗi
niềm cay đắng của một dân tộc vong quốc lại tràn ngập trong tâm
hồn họ. Họ đã đành có những kẻ hèn mạt, nuốt nhục vào trong
lòng để sống một bề ngoài vinh hiển. Nhưng đó là số ít, một số ít
không còn tâm hồn, nên đã theo hầu thống trị, và sẽ lại cho hầu
Việt Cộng. Một số ít. Còn bao nhiêu người mang nặng nỗi u hoài,
kẻ nhu nhược thì chờ thời đợi số, người anh hùng thì hợp thành tổ
chức đấu tranh, mà dù thế này thế khác, chợt đến khi có cơ hội, tất
cả đều vùng lên.

Vùng lên để làm gương và lôi cuốn toàn dân....Không những thế,
lãnh đạo toàn dân!

Lãnh đạo, thật như vậy, ở tất cả mọi cấp bậc, ở tất cả mọi guồng máy, ở tất cả mọi ngành kháng chiến. Từ những cụ Phán già đến các ông Tham trẻ, nhân viên hành chính, chuyên môn các bộ, các sở đủ mặt gần hết. Còn bên ngoài thứ cơ sở đầu não ấy, và tung mình đi bốn phương trời để giữ vững chính quyền, cùng thoát ly gia đình để lên đường phụng sự. Tất cả đều xuất thân tiểu tư sản, trí thức hay tiểu trí thức.

- “ Ngoại trừ các cơ quan hành chánh, toàn là người địa phương. Ngoại trừ các cơ quan của Mặt Trận, toàn là chiến sĩ vô sản!”, có người bảo như thế, để kết luận rằng nhân viên tiểu tư sản chỉ có công phục vụ chính quyền ở một lớp vỏ hiện ra ngoài cùng, còn bao nhiêu xây dựng bên trong đều nhờ vào cán bộ vô sản, nắm vững số đông bào chân thực nơi thôn quê mà làm ra cái nhân cho kháng chiến. Kháng chiến của Việt Minh, kháng chiến là Việt Minh, Việt Minh là kháng chiến, là tất cả giai đoạn lịch sử 1947-1952. Hoặc nói cho khác đi, lịch sử Việt Nam với Việt Minh, trong năm năm, đã hợp làm một, chỉ là một. Con đường lập lý thẳng tắp, sáng sủa và đơn giản đến nỗi tất cả mọi sự cãi lại đều có vẻ vô ích ngay từ thoát đầu. Trong năm năm, người ta sẵn sàng công nhận công lao kháng chiến ở Việt Minh, làm như không có Việt Minh không có kháng chiến.

Nhưng không đúng. Trừ phi nói thêm rằng Việt Minh ở đây là tiểu tư sản. Bởi người ta quên chưa nói, hoặc nhớ mà không chịu nhận: người địa phương, trong các ủy ban hành chính, hành kháng Rồi kháng hành / , xương sống của chế độ xô viết Việt Nam, hoàn toàn là tiểu tư sản. Bởi người ta cũng quên chưa nói hầu hết cán bộ của Việt Minh là tiểu tư sản.

Tiểu tư sản trí thức, các chủ tịch ủy ban Nam, Trung, Bắc bộ. Tiểu tư sản trí thức, các chủ tịch và nhân viên ủy ban khu hay liên khu. Tiểu tư sản tiểu trí thức, các chủ tịch và ủy ban tỉnh, huyện, làng, xã. Rồi đến các cấp cán bộ của Mặt trận, từ Nguyễn Sơn, Đặng Thái Mai ở trung ương, đến những cán bộ xã tên Kèo, tên Cột, tất cả đều phải có cái vốn học hành, dù nhiều dù ít. Mà trước năm 1945, có gia đình nào vô sản tuyệt đối có thể nuôi con cái cho ăn đi học? Và lại, trong hàng ngũ của Mặt trận, nếu có những người thoát ra đời đã không có cha mẹ, sống lúc bé nhờ Viện Dục anh với Trại mồ côi, khi lớn lên, hoặc may mắn được giúp đỡ cho học, hoặc bôn ba nửa lao động, nửa lưu manh để tự học, thì những người ấy cũng vẫn có phần nào những đặc tính tiểu tư sản. Họ vẫn có những giá trị tinh thần.

Tôi đã một lần nói với Trung rằng theo lý thuyết cộng sản, giai cấp thoát tiên chia làm ba loại: đại tư bản không chế xã hội bằng

phương tiện sản xuất, vô sản không có phương tiện sản xuất, và tiểu tư sản có phương tiện sản xuất nhưng có không đủ để làm đại tư bản. Nhưng về sau, lý thuyết bắt buộc giai cấp phải có tính chất tranh đấu, nên giai cấp thật sự chỉ có hai, còn tiểu tư sản đã trở nên một ý thức. Chính vì nó là một ý thức- một danh vị nặng về nghĩa tinh thần- cho nên ai đã “ có” một cái gì, coi như của riêng của mình mà người khác không có, hoặc có mà không giống hay không bằng của mình, thì người đó là tiểu tư sản. (Người hành khất có cái bị, cái gậy, tuy không đáng gọi là tư sản mà ai lấy của hắn, hắn giăng lại, vậy hắn là tiểu tư sản. Hoặc nếu hắn ở trường, giờ bàn tay lọ lem ra xin ăn mà bị mắng chửi, nếu hắn tức giận hay tủi hổ, hắn vẫn là tiểu tư sản, bởi hắn có, có nhân phẩm) Thành thử tất cả những người đã chân thành kháng chiến cho tổ quốc “ của họ”, tất cả đều là tiểu tư sản. Kể cả những người cộng sản. Với con số nhỏ bé về nhân sự, và nhờ ở địa vị ưu thắng trong Mặt trận, họ giống như cái nhân chứa đựng tinh túy của cái hội Việt Minh. Nhưng họ vẫn cứ là tiểu tư sản.

Tiểu tư sản, họ có người đứng vào hàng lãnh tụ, mang nặng một ý chí tham vọng quyền lực, dùng chủ nghĩa mác xít với các tổ chức đấu tranh làm phương tiện, nhằm chiếm đoạt lấy quyền chuyên chế trong toàn quốc và trên toàn dân. Số lãnh tụ ít ỏi này, mặc dầu

phần lớn xuất thân tiểu tư sản, thật sự đã biến thành những tay đại tư bản, lúc nào cũng chủ trương chính sách nắm lấy mọi nguồn sống vật chất để chi phối đời sống quốc gia.

Đến thành phần thứ hai của đảng Cộng sản, đông hơn nhiều, là những người cũng xuất thân tiểu tư sản, giác ngộ đấu tranh cách mạng, tin tưởng ở chủ nghĩa mác xít mà họ chỉ biết có một bề mặt nhân đạo. Những người này vào đảng hoàn toàn để đáp lại tiếng gọi của tâm hồn họ, đã nhiều lần thương xót cho kiếp sống quần quai của giống người bóc lột lẫn nhau một cách tàn nhẫn. Ra đi để xây đắp Thế giới Đại đồng, họ không những tin tưởng, mà còn bị mê hoặc bởi bọn lãnh tụ. Họ đã tự nguyện hiến thân làm đảng viên hay cán bộ cho Đảng . Họ là cơ sở, là bàn đạp của bọn lãnh tụ. Nhưng họ không giống bọn lãnh tụ ở chỗ họ vẫn còn mang nặng tính chất tiểu tư sản, ở chỗ bọn lãnh tụ vẫn để cho họ giữ lại một mực độ rung cảm phong phú trong tâm hồn, lấy điểm đó làm mâu chốt mà nắm vững, mà lợi dụng họ.

Cuộc kháng chiến, nói tóm lại, là của những người tiểu tư sản. Cũng như cuộc Tổng khởi nghĩa. Cũng như tất cả những hoạt động cách mạng trong bí mật. Tiểu tư sản, ở đây, bao gồm tất cả những tầng lớp dân chúng có thể có, hay không có tài sản vật chất, nhưng ai nấy đều hãnh diện rằng có một tài sản tinh thần quý giá

là lịch sử, là truyền thống dân tộc, trong đó đã có sẵn lòng vì dân, yêu nước.

Trong số này dĩ nhiên không có những lãnh tụ cộng sản. Là vì, tuy xuất thân thường hay có tài sản cả tinh thần lẫn vật chất, họ chỉ giữ lại những tài sản vật chất, coi đó là thứ độc nhất quan hệ ở đời, còn bao nhiêu tài sản tinh thần đã bị họ vất bỏ đi hết. Họ là những lãnh tụ, trong tay có thể không bao giờ...

1: Hành kháng: hành chính - kháng chiến; Kháng hành: kháng chiến – hành chính. Tùy từng giai đoạn, Việt Minh coi hành chính với kháng chiến, việc nọ nặng hơn và phải làm trước việc kia.

.....phải cầm đến một đồng bạc cũng như trên mình có thể chỉ có một bộ đồ ka-ki, nhưng họ quả thật đã trở nên những phần tử đại tư bản, chỉ biết có vật chất, chỉ tin vào vật chất.

Họ đã đành là những kẻ phản bội giữa hàng ngũ tiểu tư sản. Họ nhất định không có công lao gì trong Tổng khởi nghĩa, trong kháng chiến, mặc dầu trong mặt trận Việt Minh họ vẫn đứng được ở cương vị lãnh tụ. (Cương vị này do Đệ tam Quốc tế tạo ra cho họ, nhờ Việt Minh tôn trọng Trung ương quốc tế, đã suy tôn họ ngay từ khi chưa biết đích họ tên thật là gì).

Trong giai đoạn đầu, khi tiểu tư sản kháng chiến thực sự, bọn lãnh tụ chỉ làm công việc nắm vững tiểu tư sản, thúc dục tiểu tư sản vừa nắm vững dân chúng, vừa đồng thời truyền dạy tất cả những kinh nghiệm bản thân của mấy năm đầu tiên, khó khăn và gian khổ nhất, cho một lớp cán bộ mới, cán bộ vô sản thực sự.

Thân ái Trung,

Trung xem đến đây, chắc sẽ nghĩ:- “ Dại gì mà đem kinh nghiệm xương máu truyền cho bọn người mới, nếu biết rằng bọn này sẽ thay thế mình, để Cộng sản gạt được mình ra khỏi vòng tranh đấu?”.

Tôi sẽ trả lời Trung rằng giữa chúng tôi có người không biết, nhưng cũng có những người có biết mà vẫn cứ làm. Bởi Trung còn lạ gì tâm hồn chúng tôi, chúng ta, khi đã vì Độc lập, và nếu có ích cho kháng chiến, thì đến thân thể mình còn chẳng tiếc, há tiếc những kinh nghiệm bây giờ, hoặc những địa vị mai sau?

Nhưng cũng phải nhận với Trung rằng ví dù có biết, người sáng suốt trong chúng tôi vẫn không ngờ, không ngờ sau này Cộng sản

không cho mình được phép sống, dù chỉ sống bên lề cuộc tranh đấu. Không ngờ sau này, biết thời cơ đã đến, cho phép thay thế cán bộ tiểu tư sản bằng cán bộ vô sản, thì đảng Lao động ra đời, thống nhất mọi tầng lớp chỉ huy vào ý chí lãnh đạo độc nhất của chủ nghĩa bôn-sơ-vích. Đến lúc đó, bị đuổi ra khỏi hàng ngũ của Mặt trận, tiểu tư sản vẫn có uy tín đối với đại chúng, lại có thêm uy tín của năm năm kháng chiến anh dũng, lẽ cố nhiên không còn cách nào khác là chết đi để trả lại uy tín ấy cho đảng Lao động. Ra đời năm 1951, đảng Lao động có tác dụng đầu tiên là làm cho hoàn cảnh của các thành phần xã hội, của các phân tử đảng phái trở nên rõ rệt. Hai chữ Việt Minh sẽ chìm vào trong một chữ “Đảng” viết hoa và độc nhất, Đảng là đảng của những người cộng sản. Những kẻ nào không phải là cộng sản tự nhiên thấy mình hết đất đứng, mặc cho công lao từ trước thật là vô kể. Hết đất đứng, Việt Minh bí mật, gian khổ trên chiến khu hay quần quai trong các ngục thất. Hết đất đứng, Việt Minh kháng chiến, xông pha bom đạn hay lăn lút công tác nội thành. Để bây giờ đảng Lao động gọi tất cả bọn là bọn “ cơ hội”, nghĩa là luôn mười năm liều tính mạng để đầu cơ lấy sự “ được sống” trong Thiên đường vô sản. Mà không được, vì Đảng sáng suốt, Đảng sẽ tiêu diệt kỳ hết những kẻ thù của nhân dân, những kẻ thù của giai cấp.

Thí dụ:- Quảng,

(Chao ôi! Nhắc đến tên anh, oan khổ lại sôi lên sùng sục trong tâm hồn thẳng bạn còn sống sót này!)

Quảng! Trang thanh niên hào kiệt như anh, trải qua bao nhiêu mưa bom, gió đạn, không được chết, để rồi chết vì thủ đoạn đê hèn của những kẻ lợi dụng anh năm năm, mà sau sợ anh, giết anh trong phút chốc.

Những kẻ giết anh, bây giờ tôi đã biết, không phải là những đội viên cuồng nộ giữa phiên tòa án nhân dân. Cũng không phải những kẻ xúi giục họ, cầm đầu họ cho họ đấu anh. Vì bọn này mới chỉ là đảng viên, cán bộ bị mê hoặc, dưới quyền một số nhỏ những lãnh tụ, xuất thân tiểu tư sản như chúng ta, nhưng đã phản bội và đã mất hết nhân tính trong cuộc tranh giành lấy quyền lực. Hoàng Cao Khải của xâm lăng bên-sơ vích, họ tài giỏi hơn Hoàng Cao Khải cả ngàn vạn lần, nhờ xâm lăng bên-sơ-vích có những trường dạy nghề phản bội, trong đó khoa học được áp dụng và khai thác đến những phát minh mới nhất.

Chính bởi thế mà họ, bọn lãnh tụ đã lợi dụng được những người như anh-Quảng!, - như tôi, như hầu hết con số hai mươi năm triệu người Việt. Bằng mỗi một chữ kếp, như tôi đã viết: Độc lập. Độc lập! Vì độc lập, giành độc lập, bao nhiêu thanh niên đã bỏ

nhà lên chiến khu từ năm 1941. Lòng hăng hái với chí khí cương
cường của tuổi trẻ không đủ chống lại lam sơn chương khí, và đói
rét, và cực nhọc, cho nên một số lớn phải bỏ mình trong những
cơn nóng lạnh kinh khủng có kèm theo kiệt lý. Vì độc lập, giành
độc lập, bao nhiêu thanh niên đã bỏ mình bởi tra tấn trong căn nhà
nhỏ giữa sân sở “ Công an và cảnh sát đặc biệt” đường Hàng Cỏ.
Bao nhiêu thanh niên khác nữa gục ngã trong tối tăm và xiềng
xích của “ Nhà Trung ương”¹, của các trại khổ sai Lao Bảo, Ban
mê Thuật, Côn Lôn. Với một số cuối cùng , không bị kêu án tử
hình mà cứ bị đem ra bắn ở hai trường bay Bạch Mai và Tân Sơn
Nhứt. Họ, tất cả, là “ Việt Minh trong bóng tối”.

Họ, tất cả, đã chết vì độc lập, để giành độc lập. Họ đều là những
phần tử tiểu tư sản, trí thức hay tiểu trí thức. Kể cả Hoàng Văn
Thụ, nhất là Hoàng Văn Thụ. Mặc dầu là cộng sản cấp trung
ương, Thụ, hơn ai hết, mang nặng trong tâm hồn những nét cao
quý của con người tiểu tư sản.

(Tuởng cũng nên nhắc lại cho Trung biết, Hoàng Văn Thụ bị bắt,
bị tra tấn ghê gớm lắm vẫn không chịu hé răng khai tên một đồng
chí. Anh bị bắn, một buổi sáng ở Bạch Mai năm 1945, chỉ vì bọn
mật thám tức giận sự im lặng của anh. Nếu phải là người vô sản
thuần túy, anh sẽ tố cáo một số cán bộ dưới quyền anh, hy sinh

bọn cán bộ ấy vào tù để cứu lấy đời sống của mình, của một ủy viên trung ương, và như vậy Đảng vẫn còn lợi chán. Anh sẽ được khen làm thế là phải, như đồng chí Trần Huy Liệu được khen khi trước. Nhưng anh không khai, để giữ vẹn tiết tháo của bậc anh hùng liệt sĩ. Anh hùng, ai chẳng biết gần đây Đảng đã kể anh hùng làm một đặc tính tiểu tư sản?!).

Rồi đến nay không ai còn đất đứng.

Vì sao?- vì một quyết định lý thuyết: “Đặt lại cơ sở cho Cách mạng Vô sản”.

Cơ sở của cách mạng, cho đến nay, vẫn là đảng viên và cán bộ xuất thân tiểu tư sản. Tiểu tư sản vẫn kiên trung với cách mạng, vẫn phục tùng lãnh tụ. Như vậy thì vì đâu loại bỏ cơ sở cũ, để đặt ra cơ sở mới một cách khó khăn?

Vì đâu?- Vì, một cách giản dị, lẽ nào một thế giới vô sản, xây dựng bằng đấu tranh quyết liệt bằng hủy hoại cả một nền trật tự tư bản với những thói quen bản thủ, lẽ nào thế giới sáng trong và tươi đẹp ấy lại có thể bị xây dựng bởi cái ý thức tiểu tư sản đôn hèn, cơ hội, đã đầu hàng cộng sản cũng như sẽ đầu hàng tư bản bất cứ lúc nào?

Đảng, công khai vì thế, phải trong sạch hóa hàng ngũ.

Đảng, lẽ cố nhiên, không chối rằng nhiều phần tử phản động (!)

cũng đã lập được công lao đáng kể. Cho nên ban đặc ân cho những phần tử ấy được đầu hàng giai cấp. Giai cấp vô sản. Nghĩa là phải tự mình vô sản hóa, trong một tờ bộc lộ, chối bỏ quá khứ, phủ nhận công lao, và cam kết về vật chất cũng như về tinh thần, tất cả sẽ trông chờ vào Giai cấp.

(Trung hãy chú ý vào chữ G viết hoa. Từ bây giờ trở đi, để cho được thật đúng với ý muốn của Cộng sản, tôi sẽ dùng chữ Giai cấp, viết hoa, để chỉ những người đứng trong hàng ngũ cách mạng vô sản, mỗi khi họ có đủ mọi điều kiện lý thuyết: không có tài sản vật chất, không có tài sản tinh thần, sức lao động chỉ phục vụ cho xí nghiệp hay nông trường của Đảng; và trong tất cả những xúc động tâm ý chỉ còn giữ lại một, là ý chí căm thù, ý chí chiến đấu thường trực chống trật tự dân chủ).

1: Nhà pha Hỏa lò: Maison Centrale.

Tôi hy vọng Trung đã thấy rõ sự chuyển hướng trong chính sách, trong chiến lược Cộng sản thì đúng hơn. Chiến lược ấy, tôi đã nói với Trung có hai giai đoạn đã hoàn thành, với giai đoạn thứ ba đương ở trong thời kỳ xây dựng.

Hai giai đoạn đã hoàn thành giống nhau ở nhiều điểm: vẫn quần

chúng bị mê hoặc, bị huy động, bị nắm vững, bởi những người tiểu tư sản, những tay sai của một số lãnh tụ bên-sơ-vích vẫn tưởng tượng mình chí anh dũng biến thân cho Độc lập và cho kháng chiến. Độc lập, trên lý thuyết đã thực hiện được ngày mồng hai tháng Chín, bảy năm trước. Còn kháng chiến, lẽ ra giai đoạn này còn dài, vì chiến cuộc chưa kết thúc, nhưng bắt đầu từ năm ngoái, bọn lãnh tụ bên-sơ-vích đã quyết định biến đổi cuộc chiến đấu tay đôi giữa tiểu tư sản với Pháp thành nhiều cuộc chiến đấu khác phức tạp hơn. Đó là, kể về tầm quang trọng, đối với lý thuyết chủ nghĩa của họ, các cuộc chiến đấu giữa người bên-sơ-vích với người tiểu tư sản, giữa hai khối Cộng sản và Dân chủ tư sản, sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa người Việt và người Pháp. Người Việt và người Pháp giết nhau ngoài mặt trận từ bảy, tám năm trời nay rồi. Số người chết và bị thương, nếu chưa tới, cũng gần tới trăm vạn. Cho nên, đối với toàn dân, cuộc chiến đấu chống Pháp cố nhiên phải được kể là quan trọng nhất, bởi nó liên hệ đến nhiều người và đem lại nền độc lập cho tổ quốc.

Sau đến cuộc chiến đấu giữa hai khối chính trị, người ta biết khối nào thắng sẽ làm chủ hoàn cầu, nhưng viễn tượng ấy còn xa xôi lắm! Sau nữa mới đến cuộc chiến đấu giữa bên-sơ-vích và tiểu tư sản, thật ra không mấy ai đã biết là có, còn nói gì đến đánh giá cho

được thật đúng, rằng bây giờ chính là lúc người bôn-sơ-vích quyết tâm tiêu diệt “ ý thức” tiểu tư sản yếu đuối chia rẽ, lung chùng, cầu an và cơ hội. Để chiếm lấy độc quyền kháng chiến, để, tùy ý muốn và tùy sự đòi hỏi của hoàn cảnh, có thể bất cứ lúc nào cũng biến đổi cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập thành một cuộc chiến đấu to tát giữa hai khối chính trị.

(Cuộc chiến đấu, như thế, sẽ có hiệu quả là bắt nước Mỹ phải tham dự chống nhau với Trung hoa cộng sản, nghĩa là cầm chân Mỹ, dìm Mỹ xuống ngang hàng với Trung hoa cộng sản và mặc nhiên nâng Liên –Sô lên bậc lãnh tụ thế giới. Nhưng đây chỉ là một giả thuyết nặng về tính chất quốc tế, nó vượt ra ngoài phạm vi lịch sử Việt Nam, ra ngoài lãnh vực chủ quan của tâm sự của tôi đem giải tỏ với Trung)

Tôi muốn chứng minh rằng người bôn-sơ-vích, từ năm ngoái, đã tự đặt cho họ một nhiệm vụ rõ rệt, nhiệm vụ nặng nề và to lớn nhất trong lịch sử Đảng của họ. Nhiệm vụ ấy là gạt hẳn người tiểu tư sản ra ngoài lề chiến cuộc, là tiêu diệt tiểu tư sản, là giáo dục (đào tạo) lấy một loại người mới thay cho loại người bị tiêu diệt, là nắm vững loại người mới này để nhanh chóng hoàn thành Cách mạng Vô sản. mặc dầu sẽ có những biến cố có thể làm cho cục diện kháng chiến phải thay đổi bất lợi: các lực lượng phải thành

công dã , còn kháng chiến có thể nhất thời thất bại, người bôn-sơ-vích không bao giờ lấy hai chữ Độc lập làm quan hệ, ít ra là cho riêng họ!

Họ không thiết tha gì với một nền độc lập quốc gia, bởi ngay trong lý thuyết chủ nghĩa họ, độc lập chỉ là một hiện tượng rất tương đối. Họ vốn dĩ đã chấp nhận nền độc lập của một nước nhỏ nằm trong nền độc lập của một nước lớn hơn. Họ có thể vui sướng với nước Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp, hoặc giả chia với Pháp mỗi bên một nửa sơn hà. Miễn là họ thực hiện được Cách Mạng Vô sản thành công, nghĩa là đem chủ nghĩa bôn-sơ-vích thi hành triệt để trong một khoảnh đất, trên một số dân chúng. Một chiến sĩ Cách mạng bao giờ cũng tha thiết với sự thực hiện cụ thể được lý tưởng của mình. Hơn nữa, chiến thuật xây dựng căn cứ mạnh mẽ, làm xuất phát điểm cho chiến thuật “ vết dầu loang”, cũng là một lý do không kếp phần hệ trọng trong sự quyết định về giai đoạn chiến lược thứ ba của người bôn-sơ-vích. Vậy thì, trong giai đoạn Ba của chiến lược, và để thực hiện Cách mạng Vô sản, người bôn-sơ-vích phải lấy sự tiêu diệt tiểu tư sản làm nhiệm vụ quan hệ nhất trong những nhiệm vụ của họ, bắt đầu từ năm ngoái.

Nhưng biết thế, Trung sẽ có một điều không hiểu, Trung sẽ thấy

cần phải hỏi lại rằng vì sao, muốn thực hiện Cách mạng Vô sản, người bên-sơ-vích phải tiêu diệt tiểu tư sản, để phải làm thêm một việc là giáo dục lấy một loại người mới thay thế Tiểu Tư Sản -loại người ấy là những ai, có gì khác người cũ và có ích lợi đặc biệt gì cho cách mạng?

Tôi trả lời Trung, điều thứ nhất : mặc dầu các phần tử tiểu tư sản vẫn trung thành với kháng chiến tức là gián tiếp trung thành với lãnh tụ bolshevik, sự gạt hẳn những phần tử ấy ra ngoài lề cuộc kháng chiến có bốn lí do. Một là sau sáu năm ở cương vị lãnh tụ, nhờ sự dộc lòng ngay thẳng của cán bộ tiểu tư sản và nhờ một công cuộc tuyên truyền cực kỳ khôn khéo, các lãnh tụ bolshevik – Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, vvv... đã nhận thấy uy tín của họ đã đủ để cho họ có thể trực tiếp nắm vững được dân chúng mà không cần phải có công tác trung gian tiểu tư sản. Hai là từ 1950 Trung Hoa cộng sản đã tiến tới biên thùỳ Bắc Việt, lãnh tụ bolshevik không còn thấy cần dùng tiểu tư sản làm bình phong dân chủ cho một thứ chính quyền cộng sản. Ba là tính chất cộng sản của họ càng ngày càng rõ rệt, họ tất nhiên phải chờ đợi sự phản đối, hoặc công khai, hoặc ngầm ngấm, của cán bộ tiểu tư sản. Họ lại biết không hy vọng gì thuyết phục

được cán bộ tiểu tư sản cho bọn này chịu “ vô sản hóa “, nhất là đối với những thành phần trí thức vốn vẫn có một căn bản vững chắc về tình cảm và tư tưởng. Bọn là cán bộ tiểu tư sản càng đi sâu vào kháng chiến càng gây thêm uy tín trong dân chúng. Nếu bọn lãnh tụ còn để cho tình trạng ấy kéo dài, thì thế tất phải có những cán bộ, bằng công lao, bằng tài năng và đạo đức, sẽ vượt tới chỗ được dân chúng mặc nhiên suy tôn làm lãnh tụ. Sự tai hại lúc đó sẽ không nhỏ.

Nói tóm lại, lãnh tụ bolshevik phải gạt cán bộ tiểu tư sản ra ngoài lề cuộc kháng chiến và tiêu diệt họ, vì tiểu tư sản đã trở nên vô ích trong hai nhiệm vụ tay sai và bình phong. Tiểu tư sản mang sẵn tính chất chống vô sản hóa. Tiểu tư sản sẽ trở nên nguy hiểm.

Người bolshevik vốn đã hay dùng một phương pháp xảo quyết nhằm làm cho tiểu tư sản mất tự tin : hằng ngày họ cho cán bộ tiểu tư sản học tập rằng “ý thức” tiểu tư sản bao giờ cũng đốn hèn, hoài nghi, chia rẽ...và cán bộ tiểu tư sản nếu đã chứng tỏ có nhiều đức tính : quyết tâm, anh dũng, trung kiên... ấy là nhờ có sự học tập đạo đức bolshevik. Người bolshevik không ngớt lời thóa mạ tiểu tư sản. Nhưng đó chỉ là những điều gian dối : họ biết rằng trước khi có thứ chủ nghĩa bolshevik của họ, người tiểu tư sản đã nhiều lần gan dạ, bền bỉ, tài giỏi trong những cuộc kháng chiến

chống ngoại xâm khác. Họ biết thế cho nên họ đã trông thấy cả một đẳng cấp sĩ phu tiểu tư sản lãnh đạo dân chúng chống lại âm mưu thực hiện “Cách mạng vô sản” của họ. Họ đành phải nhỏ cỏ nhỏ cả rễ, tiêu diệt toàn bộ cái ý thức tiểu tư sản mà thực ra họ gồm sợ hơn cả Đế Quốc (bởi tiểu tư sản đã đông đúc thì chớ lại gần gũi họ khá lâu, đủ để biết những nhược điểm của họ, để tấn công, cùng những ưu điểm của họ để học tập!).

Người bolshevik như vậy đã lâm vào thế cờ phải tiêu diệt ngay số cán bộ đã nắm vững được tình thế trong bảy năm. Cán bộ càng có công lớn càng nhiều bất mãn; cán bộ càng có uy tín càng nguy hiểm; bọn lãnh tụ bolshevik đã khởi đầu trận tấn công tiêu diệt của họ nhằm ngay vào những cán bộ, mới trước đây ít lâu được chính họ tặng cho danh hiệu quý giá : “Anh hùng dân tộc”.

Làm thế nào để tiêu diệt được những vị anh hùng của dân tộc? Ám sát, thủ tiêu bí mật hay giam vào ngục tối ?

Lẽ cố nhiên không thể được. Người ta có thể ám sát được một vài người, thủ tiêu được dăm ba chục người trong bí mật hay đem đày năm bảy chục người vào ngục tối. Người ta không thể nhất đán thủ tiêu hay giam giữ tất cả những cán bộ “anh hùng dân tộc”, người ta phải sợ toàn dân công phẫn.

Người ta đã nghĩ, trong không biết bao nhiêu lâu rồi mới thi hành

một thủ đoạn thực sự : “long trời, lở đất “(1). Người ta đã giết, giết công khai những anh hùng Sông Lô như Quảng, những bí mật mặt trận Khu như Nhiễu và giam cầm hàng vạn người như bạn Trung, giữa tiếng reo hò của dân chúng.

Giết chóc, giam giữ công khai những cán bộ có công kháng chiến mà dân chúng vui lòng ?- Không những vui lòng ? vì dân chúng vừa reo hò vừa giết, vừa xử những án khổ sai dài bằng cả một đời người !

(1) : chữ của Hồ chí Minh

Thân ái Trung,

Trung sẽ không bao giờ tưởng tượng được người bên-sơ-vích làm thế nào để mượn tay dân chúng giải quyết mỗi tử thù chính trị.

Trung, khó lòng theo kịp được ngay đến con đường lý luận, tổ chức của người bên-sơ-vích, mượn tay dân chúng giết được hàng vạn người.

Họ viết:

- “ Trong hàng ngũ Đảng, có những phần tử cực kỳ nguy hiểm, cực kỳ ngoan cố. Những phần tử ấy liên kết với thực dân, đế quốc và phong kiến. Những phần tử ấy lộn sòng vào Đảng, khôn ngoan mua chuộc và quỷ quyệt lừa dối nhân dân ta, bằng cách giả vờ nhiệt liệt tham gia kháng chiến. Bọn chúng thông đồng với quân

địch, tạo ra những công lao bên ngoài, để ngụy trang ý định thao túng Đảng và khống chế nhân dân ta.

Nhưng bọn chúng không thể lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng, cho nên Đảng phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị để giáo dục nhân dân ta tận lực tiêu diệt bọn chúng. Bọn chúng là tay sai của thực dân, đế quốc. Bọn chúng là phong kiến phản động, là tư bản bóc lột, là cường hào ác bá, là Việt gian phản quốc. Bọn chúng ngoan cố, nham hiểm, hiện nay đang náu mình dưới những chiêu bài kháng chiến giành độc lập, với mục đích dắt nhân dân ta trở lại cho thực dân, đế quốc đàn áp và bóc lột một lần nữa.

Nhưng bọn chúng không lọt qua con mắt sáng suốt của Đảng. Cho nên ngày nay Đảng giáo dục nhân dân ta phương pháp để lột mặt nạ bọn phản bội ấy. Nhân dân ta, tin tưởng vào Đảng, nhất định tích cực đấu tranh chính trị để tiêu diệt bọn chúng đến cội rễ, để trong sạch hóa hàng ngũ Đảng và trong sạch hóa hàng ngũ nhân dân.

Bọn chúng đã cướp của giết người! Bọn chúng là kẻ thù của nhân dân.

Nhân dân ta bắt chúng nợ của phải trả của, nợ máu phải trả máu!”
Đó đại khái là lời của những người bôn-sơ-vích, giả làm của dân

chúng, gửi cho dân chúng. Thoạt bề ngoài, Trung để nhằm lời hiệu triệu vu vơ này với những lời hiệu triệu khác, kêu gọi dân chúng phải đề cao cảnh giác và tích cực kháng chiến.

Nhưng bề trong thì khác. Khác bởi tổ chức. Tổ chức đến từng thôn xóm nhỏ, đến từng cơ quan, đơn vị nhỏ. Tổ chức phóng tay phát động phong trào quần chúng đấu tranh tô tức, đấu tranh chính trị, gọi tắt là “Đấu”.

“Đấu” có ba thời kỳ. Chuẩn bị, thực hiện và đặt lại cơ sở cho Cách mạng (vô sản).

Chuẩn bị có hai đợt: tìm kẻ thù cho nhân dân, giáo dục cho nhân dân biết căm giận kẻ thù ấy. Kẻ thù ấy đã là những cán bộ tiểu tư sản có công kháng chiến rồi, việc còn lại là làm thế nào cho dân chúng xưa nay tin tưởng ai, kính mến ai, thì bây giờ giở mặt nghi ngờ, ruồng bỏ, hành hạ, ô nhục người đó. Việc không phải dễ, lãnh tụ bôn-sơ-vích biết lắm. Nhưng có lẽ họ đã tìm thấy một thứ kết quả đúng tuyệt đối cho bài tính về tương lai, nên trái với chiến thuật khéo léo, nước đôi của họ xưa nay, lần này họ tỏ ra có thái độ quyết liệt, quyết thắng.

Trận tấn công của họ mở ra, công khai, vũ bão. Họ nâng trận tấn công ấy lên hàng chính sách. Chính sách ruộng đất.

Chính sách ruộng đất nhằm trả ruộng đất cho người cày. Định

nghĩa nghe vừa hòa bình, vừa nhân đạo. Lại thêm là công lý nông dân hằng chờ đợi từ khi có thửa ruộng, con trâu và cái cày.

Nhưng chính sách ruộng đất mở màn cho cuộc cải cách ruộng đất. Cải cách ruộng đất, theo lý thuyết bôn-sơ-vích, là một cuộc Cách mạng nông thôn. Cách mạng bôn-sơ-vích, theo định nghĩa bôn-sơ-vích, bao giờ cũng tàn bạo, càng tàn bạo càng thành công.

Cải cách ruộng đất, vì thế có một phần nhiệm vụ nhằm tiêu diệt một thành phần xã hội: địa chủ, phong kiến, cường hào. Gọi chung là giai cấp bóc lột. Bóc lột ai?- bóc lột bản cổ nông. Bóc lột gì?- Bóc lột của cải và xương máu.

Vì thế trong cải cách ruộng đất có một phần đòi nợ của cải và đòi nợ máu cho bản, cổ nông. Bản cổ nông là những ai?- Là những người có cày mà không có ruộng. Còn địa chủ?- Là những người có ruộng mà không có cày. Có ruộng mà không cày, thì phải trả ruộng cho người cày.

Nhưng trả ruộng không thôi không đủ. Phải trả nợ. Nợ tính ngược về quá khứ. Nợ tính vào đương sự, vào cả thân quyến đương sự, kể cả con nuôi, con dâu, con rể, người làm công lâu ngày. Tất cả là địa chủ, tất cả phải trả nợ: tiền bạc, thóc lúa, nhà cửa, trâu bò,

dụng cụ nông nghiệp. Và máu. Máu của những người chết vì bị bóc lột.

Trả ruộng cho người cày, nói tóm lại, là một cuộc cách mạng. Cách mạng tiêu diệt địa chủ. Địa chủ không được đầu hàng. Địa chủ nhất định phải “được” tiêu diệt. Cách mạng phải có máu mới thật là cách mạng vô sản, mác-xít.

Trung vẫn chưa hiểu được sự liên lạc giữa cách mạng nông thôn, nhằm tiêu diệt địa chủ, với cán bộ tiểu tư sản trong hàng ngũ kháng chiến.

Nhưng thật ra con đường không có gì quanh co lắm. Bởi muốn bị đấu, chỉ cần phải có ruộng đất, không kể nhiều ít, miễn là có ruộng, mà chính mình không cầm đến cái cày. Muốn bị đấu lại không cần phải chính mình có ruộng đất, vì cha mẹ, anh em, vợ chồng mình có ruộng cũng đủ. Hoặc giả, chính mình hưởng thụ, có ăn gạo, là sản phẩm của ruộng đất.

Bởi thế, trừ những đồng báo suốt đời theo trâu, suốt đời không làm gì khác cày ruộng, còn lại bất cứ ai cũng có thể bị chỉ mặt gọi là địa chủ.

Địa chủ, một Trịnh Xuân Nghĩa hay một Trần Trinh Trạch với hàng vạn mẫu đồn điền. Địa chủ, một ông Cai tổng hay một ông Nghị xứ quê, với hàng trăm mẫu thượng đẳng điền. Đã đành là

như thế.

Nhưng địa chủ cả đàn con, đàn cháu họ Trịnh, họ Trần. Địa chủ, những kỹ sư, bác vật được nuôi ăn đi học bằng tiền bạc của cha mẹ. Địa chủ, bà cụ Cử Vân xa, chỉ có tám sào ruộng để tàn tảo nuôi con cho nên người. Địa chủ: Quảng!

Quảng là địa chủ, mặc dầu Quảng suốt đời không được trực tiếp giao dịch với bạn điền cấy rẽ của bà cụ Cử tám sào ruộng? – Phải, Quảng là địa chủ, bởi Quảng có hưởng thụ những sản phẩm do bà cụ Cử bóc lột bạn điền mà có. Còn bà cụ Cử, địa chủ bởi có ruộng mà không cấy. Mặc kệ, nếu hàng ngày bà chỉ biết có tụng kinh niệm Phật và giúp đỡ mọi người.

Vấn đề đặt ra là có hay không có ruộng, có hay không có lao động, có hay không có hưởng thụ. Trong ba điểm, điểm hưởng thụ coi là hệ trọng nhất. Bởi thế, nên mới có sự lạ lùng, là những nhà cự phú, có rất nhiều ruộng, lại dùng tiền bán thóc ở ruộng đi lập một xí nghiệp, nên có thể nói là hưởng thụ ở ruộng đất cũng được, mà ở xí nghiệp cũng được: những người này chưa hẳn là địa chủ, không bị đấu.

Nhưng không có gì lạ, vì họ là đại tư bản. Đại tư bản không có tên trong danh sách của những kẻ bị tiêu diệt. Chỉ bị tiêu diệt những tiểu tư sản!

Tiểu tư sản bị tiêu diệt trong tiếng reo kinh khủng của “nhân dân”. Nhân dân mê loạn trong những cơn phản ứng theo điều kiện, đã vì những người bôn-sơ-vích mà giết bỏ không biết bao nhiêu anh hùng tiểu tư sản có công với kháng chiến, có công với tổ quốc.

- Bởi họ là anh hùng của dân tộc, nhưng họ là kẻ thù của nhân dân, những người tiểu tư sản bóc lột! Người bôn-sơ-vích bảo thế. Bóc lột là tội nặng nhất có thể có trong lịch sử. Bị bóc lột, cả một nhân loại đã nghèo đói. Bị bóc lột cả một dân tộc đã yếu hèn. Bị bóc lột, hai triệu người Việt Nam đã chết đói. Đó là lý luận bôn-sơ-vích.

Lý luận được tiếp ứng bằng quân đội, bằng những đơn vị đã hoàn toàn trong sạch của Đảng. Quân đội đưa cán bộ phát động (đấu tranh chính trị, tô tức) về làng, cán bộ nắm lấy quyền chính. Cán bộ chỉ định những “địa chủ” đáng ra đem đấu. Cán bộ lựa chọn phần tử “trung kiên” trong bản cố nông, để dạy sẵn những lời tố khổ. Rồi ở công trường Đấu, một người lên tố khổ, rồi hai người, ba người... một người bịa đặt, rồi hai người, ba người... một người đánh đập bị can để thỏa những uất hận mới có từ chiều hôm trước, rồi hai người, ba người... Một cơn gió mê cuồng thổi giữa những người dân lành...

Và những người bôn-sơ-vích đã thành công trong một nhiệm vụ lý

thuyết, là tiêu diệt xong những chướng ngại tiểu tư sản, trên con đường tiến tới của Cách mạng Marx-Lenine-Staline-Mao Trạch Đông!

Nhiệm vụ lý thuyết thứ hai của họ là giáo dục bản, cố nông thành Giai cấp, dùng Giai cấp làm cơ sở để thực hiện thành công cuộc cách mạng Bôn-sơ-vích.

Thân ái trung,

Tôi hận rằng đã sớm bị gọi đến tên, và đã vội lên đường đào tẩu.

Nên câu chuyện tâm tình của người bạn kháng chiến của Trung có đến đây là hết.

Trung hãy tin rằng tôi quả thật hơi ngại ngùng vì đã viết cho Trung, trong đoạn sau, quá nhiều lý luận. Tôi đã nghĩ nhiều, và tôi chân thành tin rằng điều đó không thể tránh được.

Tôi đã nói với Trung một lần, rằng trong tâm tình của mỗi đứa chúng ta phải có chứa đựng một phần nào những dữ kiện sẽ làm nên lịch sử. Cho nên tôi không thể nào không giải bày với bạn những ý nghĩ đã dày vò tôi, cùng những ánh sáng tôi đã tìm thấy, trong một khoảng thời gian của một cuộc đời không thiếu gì hy sinh và đau khổ nhưng cũng không thiếu cả những phút say sưa, mãnh liệt.

Tôi đã để lại một phần của đời tôi trong kháng chiến. Kháng

chiến, đối với tôi, không còn là những sự việc liên tiếp đến, liên tiếp đi, và đi là biến mất trong tâm hồn. Kháng chiến, trong tôi, đã trở nên một sự thật vĩnh viễn, một thứ kết tinh thể chất ở đâu đó trong tim, óc.

Kháng chiến, đối với bất cứ ai đã ra đi đêm 19 tháng Chạp, dù để tác chiến hay chỉ để tản cư di cư, cũng vẫn là những ngày gian khổ chịu đựng. Gian khổ trong những cánh rừng già đầy vất xanh, vất đỏ. Gian khổ ở giữa những cánh đồng bát ngát Liên khu Ba.

Người ra đi, đi đến đâu cũng gặp những nấm mộ không có chân hương cắm trên đất mới, và những mái đầu tóc tơ của những em bé nhỏ đã vùi quần ngang vành khăn xô thảm thiết. Giọt khăn trắng, trên nền xanh của cây rừng, của đồng lúa, là một chứng cứ không thể chối cãi rằng, để giành lại quyền sống độc lập và tự do, bao nhiêu người đã ra đi không trở lại. Ra đi tay không mà tiêu tư sản. Với một tấm lòng.

Một tấm lòng, năm, bảy năm kháng chiến. Một đoạn đời trái với nếp sống bình thường. Kẻ gian dối, người thật thà, kẻ ru rú nơi xó rừng để đào khoai bới sắn, người phiêu lưu đưa hàng lậu giữa hai vùng chiến trận, mỗi người cố tìm lấy một nguồn sống tạm bợ. Vì ai nấy định ninh có lúc trở về, khi các đô thị đã vắng hẳn bóng đoàn quân xâm lược. Một ngày gần. Ngày đó chưa đến kịp.

Thì kháng chiến không còn là kháng chiến nữa. Cuộc tương tàn trong nội bộ đã bắt đầu, khiến người Pháp (sau này tôi mới biết) cũng ngỡ ngàng không hiểu. Mà ai làm sao hiểu được thiên thảm sử viết bằng tim và óc của những người như Quảng, ngoài những kẻ, như tôi, phải được hiểu bằng cả một tâm hồn tan vỡ.

Cuộc đời của chúng tôi lẽ ra giản dị biết bao. Vì theo kháng chiến, chúng tôi đã thuận cho hết thảy. Cho đến cả tính mệnh, để cố giữ lấy một vật không cho được, là tâm hồn. Tâm hồn tôi không bao giờ xúc phạm đến tâm hồn của bất cứ ai khác. Nên người ta có thể dùng chúng tôi trong đoàn quân kháng chiến, mãi đến khi chúng tôi tử trận hay cùng với đoàn quân kia toàn thắng. Tử trận thì một hố đất nông sâu không kỳ quản, và một lời phân ưu có đâu thiệt thòi gì cho Giai cấp. Còn thắng hoặc thành công, chúng tôi có đòi gì hơn được sống làm công dân nước Việt Nam độc lập? (42)

Có thể thôi, mà không được. Người bôn-sơ-vích muốn chúng tôi là hạt bụi, chúng tôi đã là hạt bụi. Những hạt bụi thoi thóp tình cảm. Người bôn-sơ-vích bảo hạt bụi không được có tình cảm, bèn rửa sạch những hạt bụi trong guồng máy. Và thế là xong việc, theo ý họ.

Nhưng có xong việc thật không? Chúng tôi có thật là những hạt bụi không tình cảm không, như ý họ?- Tôi không tin như thế, mặc

dầu chỉ vì thế mà cuộc đời tôi phải giập gãy, tan nát. Tôi bây giờ yếu mõi, bệnh tật và cả động một ngón tay cũng đau thấ lại trong lòng. Bởi con đường của đời tôi đến chỗ này là ngõ cụt: bên này sông là Giai cấp không buông tha, bên kia sông là đồn quân của địch. Tôi phải đi về đâu để được sống?

- Về đâu tiêu tư sản? Những người không bao giờ muốn nghĩ về chính trị, đã phải nghĩ trong một thời kỳ lịch sử. Phải nghĩ, vì có kẻ đột nhiên bảo tiêu tư sản không có lẽ sống, không được sống. Làm như sống là độc quyền của một chủ nghĩa. Bôn-sơ-vích! Họ là gì? Là những người đã tìm ra lẽ sống, hay những kẻ phản bội lẽ sống, đem lẽ sống nhốt vào trong công thức chính trị?

Bôn-sơ-vích! Họ là gì, hay là những kẻ nắm trong tay một sức mạnh kinh khủng, vì mù quáng? Sức mạnh Bôn-sơ-vích, có mấy năm, đã tràn lan khắp cả. Sức mạnh ấy còn đương tiến tới, và tuyên bố sẽ chiếm trọn cả cuộc đời, cuộc đời chỉ có ăn, ngủ và truyền tiếp dòng dõi.

Cuộc đời, cuộc đời thiêng liêng của người tiêu tư sản! Nhưng lấy gì mà giữ, hay vẫn chỉ có tâm hồn, nói rằng cao quý, nhưng chắc đâu chống lại được sức mạnh mù quáng kia trong một trận tranh đấu cuối cùng?

Bao giờ đến, trận tranh đấu cuối cùng? Tôi không biết, cả những

người bôn-sơ-vích cũng không thể biết. Nhưng biết làm gì, nếu chúng ta, tiểu tư sản, không tìm thấy lẽ sống. Không có lẽ sống, tâm hồn dù cho nhiều đến mực nào đi nữa cũng chỉ là lừng chùng, cầu an, cơ hội, với những thời kỳ bất chợt và ngấn ngùi vùn lên được, chỉ huy vật chất, chiến thắng được thù nghịch ở ngoài vào, trong những trận gaio tranh có hạn. Có thể thôi.

Còn ngày nay, người bôn-sơ-vích ép chúng ta phải chiến đấu, không kể thời gian, không gian nào hết. Người bôn-sơ-vích không ở ngoài vào, để cho ta chỉ cầm phần cũng đủ tạo thành một lực lượng. Họ trái lại, thu hút được sức mạnh cuồng bạo ngay trong những tâm hồn đi tìm lẽ sống. Họ mê hoặc những tâm hồn ấy, tách rời những tâm hồn ấy ra khỏi thể chất, rồi dùng thể chất vô tri làm sức mạnh.

Chao ôi, Trung? Từ mười đêm nay, tôi không sao rút ra khỏi một ám ảnh. Đó là một cuộc giết chóc, giữa một bên vô tình và một bên chìm ngập trong đau xót. Đau xót cho mình, cho loài người, đau xót còn hơn nữa cho những “dụng cụ người” của địch, đã mất đến cả khả năng thương tiếc ngay lấy bản thân!

Cuộc chiến đấu kinh hoàng giữa người với người mà là đồ vật?

Trung, Trung ơi! Chúng ta phải làm gì đây, để tránh cho kiếp người, cho giống người khỏi trải qua lớp biến thể cuối cùng này?!

Phú Thọ, Vũ lao,

Ngày 30 tháng 12, viết hết

Hải Phòng ngày 19 tháng 7 năm 1954

Thân ái Trung,

Thấm thoát đã qua ngót hai năm, kể từ ngày tôi gửi những bức thư trước cho Trung. Thư gửi ở Hà Nội, tôi ở Hà Nội, ở Vĩnh Yên, rồi xuống Hải Phòng. Tôi có nhận được thư Trung, nhiều lần an ủi, nâng đỡ và thử tìm một giải pháp cho vấn đề đặt ra bởi những người bôn-sơ-vích.

Hai năm, hơn mười lá thư của Trung. Tôi không lần nào trả lời, không phải vì “phù hoa đã đổi lòng người chiến đấu”, cũng không phải vì đã bắt chước một Trang tử khinh chuyện đời giả dối. Hơn hai năm, tôi dùng trước hết để kiếm sống một cách vất vả, còn những phút họa hoằn nhàn rỗi lại đọc lại thư Trung, hoặc tự mình tìm lấy ý nghĩa cho cuộc đời mình sống.

Sự đào xới, càng sâu mãi vào trong lòng, càng chứng tỏ rõ rệt tâm hồn tôi, nếu đứng một mình, không thể nào làm ra một thứ gương soi cho thấy được bản thể. Tâm hồn tôi đã dành là một cái gì trọn vẹn tự nó có khả năng độc lập sinh hoạt. Nhưng gần đây, kể từ

ngày cuộc sống chung của dân tộc dâng lên, bùng bùng một sự tranh đấu mãnh liệt, thì tâm hồn tôi đã chìm lẫn với biết bao nhiêu tâm hồn khác, phối hợp với nhau, hòa vào nhau, mà tạo nên một thứ tâm hồn to lớn, cho cả một xã hội, cả một con số mấy chục triệu người. Từ lúc ấy, tôi linh cảm rằng không bao giờ tôi còn tìm thấy tâm hồn tôi riêng rẽ trên con đường lịch sử.

Tôi không thể cứ đào sâu vào lòng mình mà biết được mình. Sự sống riêng rẽ vốn, tự bao giờ, không thể có về vật chất. Bây giờ đến sự sống rung cảm, có những sự phân chia từng năm, từng mớ, từng giai cấp. Rung cảm bị sắp xếp vào hàng ngũ. Tôi nghĩ rằng mình muốn hiểu mình, có lẽ cần phải tìm hiểu trong một thứ linh hồn giai cấp.

Nhưng tôi phải trả lời Trung trước đã. Về những điều tôi viết cho Trung còn dang dở về hai chữ giai cấp.

Giai cấp-lẽ dĩ nhiên vô sản- sẽ là cơ sở, là tiền phong cho cách mạng bên-sơ-vích. Vô sản, như đã trình bày, về cả vật chất lẫn tinh thần. Trung lấy chữ “vô sản tinh thần” làm lạ, đã hỏi tôi: “Làm thế nào có vô sản tinh thần cho loại người mới sẽ thay thế tiểu tư sản làm cơ sở cho Cách mạng, loại người ấy là những ai, và có vô sản tinh thần rồi thì lợi ích gì đặc biệt cho Cách mạng?” Nếu tôi nhớ không lầm, đây chính là một điểm thiếu sót trong bức

thư tôi gửi Trung kỳ trước. Sự thiếu sót cố ý, vì tôi đã kịp thấy lý luận nhiều quá, không những mệt cho Trung, mà còn làm cho bức thư trở nên thiếu chân thực, vì có một vẻ tuyên truyền không nên có giữa bạn bè, dù chỉ là vô tình. Tôi không muốn Trung hiểu nhầm tôi, cho rằng vì cá nhân bị hắt hủi, nên oán thù và thiên vị, tôi đã vu cho Việt-Minh những ý định họ không có.

Tôi chờ đợi cho qua hẳn một thời kỳ chiến lược. Lúc đó bằng chứng cụ thể không thiếu, sẽ cho phép tôi viết một bức thư dài khác, nói với Trung rất nhiều về kỹ thuật “Cưỡng hiếp tâm lý”, đem áp dụng vào công cuộc giáo dục một cơ sở vô sản tuyệt đối cho cách mạng bôn-sơ-vích. Trung chắc chắn đã đọc quyển: “LE VIOL DE LA FOULE PAR LA PROPAGANDE POLITIQUE” của Tchakhotine, đã biết rõ phương pháp dùng lời nói và hình ảnh dưới mọi hình thức và nhắc đi nhắc lại mỗi giờ, mỗi phút để tràn ngập tâm hồn con người, đuổi hết mọi ý nghĩ ra khỏi nơi đó, để thay thế bằng những ý nghĩ đã định sẵn từ trước. Trung ở bên ấy, hẳn còn biết hơn tôi về khẩu hiệu: “DEUTCHLAND UBER ALLES!”, dán trên mọi góc tường, chiếu trên tất cả các màn ảnh, hô luôn miệng ngoài đường lộ và trên luồng sóng phát thanh Đức, thậm chí len lỏi dần dần theo con đường trực giác, cái tư tưởng “Nước Đức trên Đồng minh” này có thể trở nên một thứ nguồn

sống cho những người Đức hoài nghi nhất. Trung đã biết thế, vậy chỉ cần biết thêm rằng ở đây người ta cũng nhắc đi nhắc lại, từ trong phút tâm tình, giờ kiếm tháo, đến buổi hội họp hàng ngàn người ngoài trời, những khẩu hiệu nhằm đóng danh vào tâm khảm đối tượng một lòng Tin vào sự sáng suốt và tình thương yêu của Đảng.

Đảng được lòng tin, tin u mê và say sưa, cũng vẫn chỉ giáo dục đối tượng với những lời đã ca: của cải riêng tư là hệ lụy của đời người, biên giới quốc gia là biên giới của những dư đồ thống trị, tình chồng vợ hay cha con nhằm áp bức và bóc lột sức lao động của người yếu thế, cho đến luân lý hay tôn giáo cũng chỉ cốt giữ vững một trật tự xã hội có lợi cho phong kiến.... Lời đã cũ, nhưng lần này giáo dục không còn là dạy cho biết, mà dạy cho thành tâm tính con người. Vì thế có chữ mới: “ vô sản tính”. Vô sản tính cộng thêm tính tự vệ và căn thù tư bản, quyết tâm đấu tranh tiêu diệt tư bản, sẽ có một tên mới nữa: “giai cấp tính”.

Giai cấp tính, lẽ cố nhiên, có thể được đem giáo dục cho cán bộ tiểu tư sản đã đầu hàng. Nhưng không dễ, vì sao Trung đã biết. Thành thử chỉ còn có những đồng bào công nhân, công nhân thành thị, công nhân thôn quê. Nhất là đồng bào nông dân, bao nhiêu chất phát là bấy nhiêu dễ dàng cho giáo dục. Giáo dục ngày nào

hoàn thành, ngày ấy Cách mạng có một cơ sở chiến đấu, gồm những thể xác vô tri của những người, người mà là đồ vật.

Tôi nhớ đây chính là ý nghĩ làm sao cho tôi kinh hoàng, trong khi tôi viết thư cho Trung, lần trước. Lúc đó tôi còn ở Vũ lao, ngày nằm trong buồng chị Nhiễm, nín thở. Đêm đến, chùng nào trăng đã lặn, con đường đôi quanh co lên Quảng nạp đã vắng hẳn bóng người, thì chị Nhiễm với tôi lại ra ngồi ngoài hiên. Tôi kể chuyện Quảng. Chị nhắc lại những ngày trước khi bị đấu, người chồng yêu kính của chị, biết mình đã bị bao vây và tất phải chết, nên ngày lại ngày mong mỏi hay người bạn thân về qua, để trôi lại một lời phó thác ba đứa con còn dại. Hai người bạn thân ấy, một là tôi, hai là Quảng.

Quảng đã mất, Nhiễm đã mất, cùng đau đớn như nhau, cùng vì một lẽ không muốn cho những giọt máu của họ phải ở lại với Việt Minh, chịu cho Việt Minh nuôi dưỡng và giáo dục. Hai người xa nhau từ lâu nhưng chắc hẳn đã chung nhau một ý nghĩ. Duy Nhiễm còn dặn được vợ, có gặp bạn hay không, trong thời hạn qua giờ đầu mình một tháng, tất phải đưa con về Hà Nội.

Chị Nhiễm với tôi, Trung thừa biết, dù cho chẳng có lời ủy thác, cũng nhất định phải đưa lũ trẻ về Thành. Chính cũng vì thế mà tôi nán lại bên phần mộ Nhiễm, để nhờ người vợ góa của anh thuê một

bạn điền cũ ở Khải Xuân bắt liên lạc với gia đình Quảng. Người bạn điền ra đi, tôi nhìn theo bước chân hắn, mười phần chắc chín hắn phóng thẳng đến ủy ban báo cáo. Tôi đã mất hết lòng tin ở người nông dân, giữa khi công việc Tố, Đấu của Chính sách Cải cách ruộng đất được phát huy cực độ.

Nhưng thật may cho chúng tôi là ở đời vẫn còn có những người chung thủy. anh Chắt Hòe, đem đi ngày ở, vừa làm thuê lấy ăn, vừa lân la hơn một tháng gùi trong vùng Phố Én, Phi đình, rồi Âm thượng, Âm hạ, mãi đến Đan Thượng thuộc Yên Bái, mới biết đích xác tin tức. Gia đình Quảng được một cán bộ đại đội đào ngũ đến báo tin, đã cùng với anh đó men bờ sông Thao xuôi Hà Nội cuối tháng trước. Anh Chắt Hòe về đến nhà, bộ quần áo mang trên lưng rách như xơ mướp. Anh đương lên cơn sốt rét, bàn tay run lấy bầy cô lằn cổ áo, móc ra trả chị Nhiêu một mẫu trong chiếc kháng vàng chị còn dấu được cho lũ trẻ.

Tôi đứng trông cái cảnh người bạn điền nghèo khổ, suốt đời không có đến hy vọng sắm vàng, mà đưa trả lại cho chủ cũ mảnh kim khí kia-chính là tiền ăn đường và tiền thuê anh đi khó nhọc-, tự nhiên tôi thấy mình có tội với anh, với tất cả những đồng bào thành tín nơi thôn dã. Tôi lại trở lại tin tưởng lòng tin mong manh này là nguồn an ủi cuối cùng của chúng tôi, trên khu vực trước kia

chúng tôi đã gửi vào một lòng tin biết bao nhiêu sắt đá. Khu vực kháng chiến. Chúng tôi không ở lại được, bởi một quá khứ sâu thẳm, bởi một tương lai gian nguy không tha thứ.

Chúng tôi qua sông ngay đêm anh Choắt Hoe về đến nhà. Sự đứng lên thật gọn gẽ, ngoài hai nắm mồ để lại, chúng tôi ra đi mỗi người có hành lý là một cái túi nhỏ đựng hai bát gạo rang, so với ngày tản cư có phần còn nghèo hơn nữa. Anh Choắt Hoe thấy tình cảnh chúng tôi cơ cực quá, cầm lòng không đậu, bỏ chạy vội về nhà lấy dúi vào tay chị Nhiễm mấy tờ giấy bạc còn nguyên nếp. Anh lại đưa cho tôi mười quả quít hôi, một vốc muối. Tự nguyện đưa chúng tôi lần đường mòn ra một xóm vắng bên sông, anh để chúng tôi ở xa, một mình lội xuống nước, men đến bên trộm thuyền chở cả bọn trót lọt sang Cẩm Khê.

Rồi anh trở lại. Chúng tôi chào và cảm ơn anh. Anh đứng lặng một chốc, đoạn ôm chầm lấy thằng cháu Chân phương òa lên khóc. Anh đã nhiều tuổi, tiếng anh khóc là một cái gì rạn vỡ, là một cái gì cực kỳ thâm thẳm. Nhưng lạ thay, cũng là một cái gì cởi mở, một cái gì hàn gắn tương lai vào quá khứ, trong những cuộc đời đã bị vò xé tan tành.

Sau cùng anh Chắt Hoe nuốt nước mắt, chấp tay vái chị Nhiễm:
- Mợ cho các anh bé, chị bé xuôi bình yên. Phần mộ cậu đã có

con...

Nói dứt lời, anh quay mình chạy xuống thuyền, đẩy một sào thật mạnh. Thuyền đã ra đến giữa sông, chúng tôi cũng đã vào đến ven rừng, duy tôi nghe tiếng lá cây xào xạc vẫn tưởng như còn nghe thấy, lẫn với tiếng gió heo may vi vút, tiếng khóc kỳ lạ, đột ngột của người bạn điên đã quá bốn mươi tuổi.

Tôi cho là không cần phải hỏi cũng biết chắc anh Nhiều, hay chị Nhiều, thế nào cũng có lần, đối với anh Chắt Hoe, có một thứ ân cứu tử. Nhưng không phải. Anh Nhiều mới lên ở trên đôn điên có dăm năm nay, còn trước kia vẫn giao công việc thu, phát cho quản lý. Anh Chắt Hoe chỉ thương chúng tôi là những con người cơ khổ, oan ức, những đứa con cô, người đàn bà góa trẻ, anh “bộ đội” yếu đuối, bệnh nạn, trốn tránh.

Lòng thương người hồn nhiên, sự hy sinh giản dị của anh Chắt Hoe đã thổi cho lại cháy trong tim, trong óc tôi ngọn lửa của hy vọng. Ngọn lửa nó giúp cho tôi sức chịu đựng gian khổ và tinh thần lo toan sáng suốt trên con đường đưa vợ, con Nhiều về Nghĩa lộ.

Nghĩa lộ tuy là cả một vùng rộng lớn do quân đội Pháp chiếm đóng, nhưng bên ngoài Nghĩa lộ vẫn có cả một hàng rào quân kháng chiến. Tôi nói: một hàng rào quân kháng chiến, vì tôi không

thể đành lòng gọi những người bạn đồng ngũ của tôi mấy bữa trước là Cộng sản, là Bôn-sơ-vích. Mặc dầu, vào lúc đó, họ chắc chắn đã nhận được lệnh truy nã một tên cán bộ đào ngũ, phản động. Mặc dầu họ gặp tôi nhất định sẽ bắt, hoặc nếu chạy thì bắn. Họ không thể biết. Họ có lẽ cũng đã có một vài cấp chỉ huy đã bị đầu, một vài cấp chỉ huy đã đào ngũ trong trường hợp của tôi. Nhưng họ ở đơn vị khác, họ bị bung bít về tin tức ở những đơn vị bạn. Họ lại ở mặt trận. Đối với họ, tôi chỉ là một cấp bộ hèn mạt đã đào ngũ, bây giờ lại định len lỏi về theo Pháp. Đối với chị Nhiều, với lũ nhỏ, họ cũng không thương tiếc gì hơn, bởi về với Pháp bao giờ cũng là phản bội.

Con đường đi Nghĩa lộ, tôi tuy đã thuộc gần hết các lối mòn mà vẫn không ngớt phập phồng lo sợ. Nông nổi hiểm nghèo là quân kháng chiến hàng ngày di động, chúng tôi có thể bị họ bắt gặp ngay giữa đường. Sau đến vị trí của Pháp không biết đích, cùng sự vơ vẩn vào các bản tìm tiếp tế, có thể gặp ban Tề, nhưng cũng có thể gặp ủy ban cứu quốc.

Đau khổ hơn nữa là sự có mặt của ba đứa trẻ. Đứa lớn, con Dao Chi, lên 7 tuổi tuy chưa đủ 6 năm, ngày hôm đầu còn đi được một mình, nhưng từ hôm sau vừa mới vừa bị vắt cắn, gai đâm và vấp ngã sái chân, cả ngày chỉ đi được chừng năm cây số. Đứa thứ hai

lên 5, thằng Chân Phương, phải dắt tay mới được quãng đi, quãng nghỉ. Còn chị Nhiễm với tôi chuyền tay nhau bế em Thục Nguyên của chúng, 3 tuổi. Chị Nhiễm tuy mấy năm nay đã quen lam lũ, nhưng vốn mảnh người, yếu sức, nên sang ngày thứ ba, những lúc phải bế con nặng, chị không kêu mỏi mà giữa mùa rét, lại đi trong khe rừng gió hút, tôi thấy chị đổ mồ hôi có giọt, trong khi da mặt chị biến sang màu xanh nhợt nhạt.

Tôi biết sự cố gắng của chị Nhiễm. Chị có thể gục ngã trong xó rừng âm u này, nhưng con chị... Chị phải cố. Nhưng tôi biết sức người có hạn. Đành hôm sau phải bỏ nửa ngày cắt dây nêu tết quang gánh, gánh hai đứa nhỏ đi lên trước một đôi đường rồi tìm chỗ kín đáo treo cả quang lẫn cháu lên cành cây, còn mình trở lại cõng con cháu Dao Chi và dắt, và đỡ chị Nhiễm bước lên.

Chúng tôi lần bước như thế tám ngày, ngày đi liều, đêm ngủ trên võng bằng những dây leo buộc túm lại. Tám ngày không gặp một đội viên kháng chiến nào. Tám đêm không bị rắn, rết, chỉ bị muỗi đốt mấy đứa nhỏ sung húp cả mặt. Buổi chiều ngày thứ tám tôi buộc cái yếm lụa của chị Nhiễm vào đầu gậy đến xin hàng ở đồn Nậm Vải 1.

Chỉ huy Đồn Nậm Vải là trung úy De Lavernett, cháu bảy đời của danh tướng De la Tour d'Auvergne thời Cách mạng Pháp. Ông

tiếp đón chúng tôi với tất cả từ tâm, tất cả lịch sự của một người Pháp quý phái. Rồi sau khi để chúng tôi nghỉ yên một tuần lễ, sau khi chữa cho lũ trẻ khỏi những vết thương băng rùng, trung úy De Lavernett đánh điện về Nghĩa lộ xin máy trực thăng đến đón chị Nhiễm với ba đứa trẻ. Còn tôi ở lại làm một thứ tù binh thượng khách của ông được chưa đầy hai tháng, thì ông trúng mìn, tử trận. Tôi bị đưa về Hà Nội, giam trong “Trại Mười Ba”² mười bảy ngày, tới ngày thứ mười tám có một bức điện từ Pháp đánh về Bộ tư lệnh Khu vực Hành quân Bắc Việt, xin trả tôi về tự do.

Bức điện ấy của ai, tôi không biết. Vì người biết là Trung, thì Trung giả vờ quên không nói đến. Tôi đã nhiều lần cảm ơn Trung nhưng vẫn chưa đủ. Bởi vậy, một lần này nữa, tôi nhắc lại Trung hãy tin vào tình bằng hũu thủy chung tận tụy của tôi. Vĩnh viễn. Trung hãy tin rằng những việc làm và tiếng khóc hồn nhiên của anh Chắt Hòe, sự hiểu biết và tính cương trực của quá cố trung úy De Lavernett, và sau hết, tình tương trợ tức khắc của Trung đã vượt qua bao nhiêu cửa ải để cho tôi có được bức điện quý giá kia, chính bấy nhiêu sự việc, bấy nhiêu hy sinh, đã cứu tôi thoát hẳn được cơn ám ảnh kinh khủng về một cuộc chiến đấu giữa người với người mà là đồ vật...

Cuộc chiến đấu thương tâm, nhất là vì trong số đồ-vật người kia

có thể có những người bạn thân khác của tôi, những anh em con cháu, họ hàng tôi. Có những cánh tay sẽ cầm dao đâm vào ngực tôi, những cánh tay trong đó chảy cùng với cánh tay tôi một giòng máu! Thật là một cơn ác mộng. Nếu không có Trung, nếu tôi còn bị giam giữ lâu ngày, tôi e rằng khó mà khỏi lên cơn điên, cẩu, xé...

(1) : Nậm Vài : tiếng thiểu số Thái : con trâu, con bò

(2) : thường gọi là Trại “Nhà Tiên”

Thân ái Trung,

Thế mà ngót hai năm cũng qua rồi. Tôi ra khỏi trại giam, bị kích thích nặng quá trong thần kinh hệ nên phải nghỉ yên đến hơn một tháng, suốt ngày không ra đường, không rời quyển sách hay tờ báo. Tôi đọc ngẫu nhiên những tài liệu về khoa học, về cuộc chiến tranh thế giới vừa qua, về trận Mao Trạch Đông chiếm đại lục, về vụ xung đột Nam, Bắc Hàn. Một số báo Pháp của người anh rể, trình bày hoặc khách quan, hoặc chủ quan, đủ mọi lập trường của mọi nhóm người Pháp về cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Tôi nhận thấy mới hai năm nay, ở trong này người ta mới tỉnh ngộ mà hiểu rằng, chiến trận từ Lạng Sơn xuống Cà Mau, thật ra chỉ là một bộ phận “nóng” của cuộc tương tranh “lạnh” giữa

hai khối Dân chủ và Bôn-sơ-vích. Cũng như ở Nam, Bắc Hàn, mặc dầu con số người chết và bị thương phần nhiều là người Hàn, mặc dầu nhà đổ, làng cháy, cầu gãy, đê vỡ, chỉ là những tai nạn riêng cho người Hàn.

Người Bôn-sơ-vích thật sự, nghĩa là người Liên Xô, nếu có cũng chỉ có mấy tay cố vấn kén xù nấu chín trong trung tâm khu chiến. Thế mà hàng chục người Việt, hay người Hàn, đã chết chính bởi họ, vì họ. Tôi thấp thoáng có ý nghĩ: không cứ đội viên chiến đấu mới là đồ vật, bởi Hồ Chí Minh hay Kim Nhật Thành nào có hơn gì!

Tôi nghĩ thế, và thấy lòng se lại. Cả cái khối Bôn-sơ-vích khổng lồ cũng chỉ là một thứ đồ vật trong bàn tay sử dụng của điện Kremlin, mặc dầu Staline đã chết, Staline hay Malenkov, thật chẳng khác gì bác sĩ Moreau. Trung có nhớ phim “ Hòn đảo của bác sĩ Moreau” không? Phim tả nhà bác học có tham vọng hoàn cái cho giống vật thành giống người, nhưng thất bại, vì giống vật có hình người mà không có lòng người . Cuối phim, hình ảnh đàn vật-người tiến lên đập phá, giết bác sĩ Moreau, và gầm thét : “ chúng ta không là người, chúng ta không là vật, chúng ta bây giờ là đồ vật!”. Bác sĩ Moreau, nét mặt thường ngày nham hiểm của kẻ mưu toan gây dựng một sức mạnh kinh khủng bằng loại vật-

người-đồ-vật, đến cuối phim, trước cơn giông tố của sức mạnh mù lòa, bác sĩ Moreau đã khiếp sợ thế nào!

Tôi không sao quên được nét mặt của bác sĩ Moreau. Tôi nghĩ đến Staline hay Malenkov. Họ đang thí nghiệm ngược lại với bác sĩ Moreau, giống người sắp thành đồ vật sẽ đối xử với họ ra sao? Sẽ tuân lệnh hay lại nhảy lên búa vào cổ, cắn ngập răng vào mạch jugulaire? 1

Thật khó mà biết trước được. Duy hiện nay thực tại bắt buộc chúng ta công nhận họ, cũng như bác sĩ Moreau, vẫn còn ở trong thời kỳ thử thách. Trước khi thành công hay thất bại hẳn hoi, họ hiện có, ở một vài nơi, những sức mạnh đáng ghê sợ. Một trong những nơi ấy là đất Việt Nam này.

Thế mà, để chống sức mạnh ghê sợ ấy, người ta lại chỉ có một lực lượng phức tạp, hỗn loạn, mâu thuẫn trong nội bộ phát hiện hằng ngày, và ở tất cả mọi cấp bậc. Một lực lượng quốc gia, nói là để chống Cộng sản từ hai năm nay. Nhưng trước khi nghĩ đến chống Cộng sản hãy chống nhau ngay trong hàng ngũ. Người Pháp chống người Pháp, người Pháp chống người Việt, người Việt chống người Việt.

Mà tôi có nói ngoa không Trung?- Không chứ! Bởi có thiếu gì Cộng sản Pháp trong hàng ngũ đoàn quân viễn chinh? Có thiếu gì

Cộng sản Pháp ngay trong một chính phủ chủ trương xâm lược? Thành thử đánh vẫn đánh, vẫn lại có kẻ đem cả toàn bộ kế hoạch của bộ Tổng tư lệnh giao cho Cộng sản, vẫn lại có kẻ hàng ngày viết báo đòi phải trả ngay đất nước cho Hồ Chí Minh! Ấy là chưa kể, trong mặt trận chủ hòa, còn có những phần tử Xã hội, muốn hòa nhưng lại muốn điều đình giữ lại một phần nào quyền lợi của thống trị.

Ngược với chủ hòa là chủ chiến : những tay chống Cộng sản vì có những tài sản kèch xù, những phần tử thực dân lạc hậu nhưng cực đoan với một số ít người chống Cộng sản vì chủ nghĩa cùng tất cả những thành phần tôn giáo chân thực. Thành ra khỏi chủ chiến lại còn phức tạp hơn nữa: phe thực dân muốn dùng Nguyễn Vĩnh Thụy cùng những đảng vô hại, với những lãnh tụ vô hại (vô hại cho họ, vì lúc ...

I: Phim “ L’Ile du Docteur Moreau” công chiếu khoảng 1936-1937: tài tử Charles Laughton đóng vai bác sĩ, Dorothy Lamour đóng vai con báo mới hóa người

.... nào cũng sẵn sàng ký vào mộ hiệp ước Patenotre thứ hai!), trong khi ấy những nhà lý thuyết sáng suốt đề nghị trả cho Việt

Nam nền độc lập thực sự, và các bậc lãnh đạo tôn giáo đi tìm một người đạo đức.

Sự lũng củng trong nội bộ người Pháp đã như thế, sự lũng củng trong nội bộ một số đảng phái Việt Nam cũng chẳng kém gì. Ở cương vị có đôi chút lực lượng, đáng lẽ phải hiệp tác để chống lại kẻ thù chung, và bằng thái độ ấy, bất người Pháp phải kiêng nể, thì trước hết các đảng phái hãy chống nhau cái đã. Họ viện lẽ có đảng đi với Pháp, có đảng chống Pháp, có đảng chống cả hai bên, nói là để dòn cho họ đánh nhau cho chán, khi nào cả hai bên cùng quy, lúc đó sẽ an nhiên hưởng thụ. Nghĩa là mỗi đảng một chủ trương, một chính sách, đảng nào có vẻ “hiền lành” nhất, một vài lần được Pháp cho “thử” giữ một chút quyền binh, thì việc đầu tiên lên cầm quyền là đi lùng bắt cán bộ đảng đối lập – chưa phải là cán bộ Cộng sản-để bỏ tù. Việc thứ hai là mỗi lãnh tụ chuyên ngay sang Ba-Lê một vài triệu, một vài chục triệu, tùy theo khả năng. Thẳng hoặc cố gắng gượng tổ chức lấy một cơ sở tương đối có uy tín thì bị ngay Cộng sản dùng kế ly gián: một trái lựu đạn nổ, vài ông “quan to” về trời, và tổ chức bị giải tán, cấp bộ chỉ huy lại cũng vào tù!

Đảng phái đến như vậy thật là nát bét. Một vài đảng rút vào bí mật, cố giữ lấy một chút tín nhiệm đã gây dựng được trong giới trí

thức. Nhưng giới trí thức lại yếu đuối, mệt mỏi, hoài nghi hơn bao giờ hết. Họ, một số biết người, biết mình-biết mình không có sức mạnh-nên phó mặc việc đời, cứ chùn chấn cho kỹ. Một số khác không đành lòng chờ đợi bị tiêu diệt, nhưng khôn ngoan không làm chính trị, chỉ gia nhập đề phục vụ những tổ chức xã hội, nhằm mục đích làm nhẹ bớt một phần những vết thương do chiến tranh. Một số thứ ba, may là rất nhỏ, theo “mặt trận Bảo Đại” đi làm giàu, sa đọa.

Trong khi ấy, dân chúng, dân chúng anh dũng, bị bỏ rơi hoàn toàn về tinh thần. Ngoại trừ một số loa phóng thanh hàng ngày đi hô những khẩu hiệu này lừa bằng giọng nói nhạt nhẽo, thì sách báo của tư nhân không làm nên được một chút công trạng nào trong nhiệm vụ giáo dục quần chúng. Quần chúng không hề biết những sự thay đổi đã đến trong hàng ngũ Cộng sản, nên vẫn hồn nhiên coi rằng danh từ “Cộng sản” chỉ là một sự vu vạ khổng lồ cho kháng chiến, và càng ngày càng cảm mến kháng chiến hơn lên. Thậm chí, trong năm 1953, tôi có thể nói không sợ mang tiếng ngoa ngoắt với Trung rằng dân chúng-lẽ cố nhiên, trừ những người đã có dịp mắt thấy tai nghe-, dân chúng ngã về kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, đến nỗi cán bộ kháng chiến ra vào Hà Nội như vào một thị trấn không người. Một chứng cứ bằng suy luận:

mấy năm nay, ở Hà Nội không có mộ vụ ám sát hay bắt cóc nào, và đó là triệu chứng rằng kháng chiến đã rất mạnh.

Sức mạnh của Cộng sản, tôi đã nói nhiều lần, chỉ là sức mạnh mượn được của kháng chiến. Lợi dụng được hoàn cảnh nghìn năm có một, là cuộc Tổng khởi nghĩa đưa đến kháng chiến, họ vẫn tiếp tục tuyên truyền rất dân tộc trong dân chúng, nhất là trong dân chúng vùng Pháp chiếm đóng. Mặc dầu, từ năm 1950, và đầu năm, ở Liên khu Việt Bắc đã có mở nhiều lớp học tập quốc- tế-tính.

Trung đưng nhằm quốc- tế-tính là một thứ tư tưởng quốc tế, có mục đích làm cho con người mở rộng lòng thương yêu nhân loại cũng như thương yêu đồng bào mình, Trung hãy chú ý đến chữ tính, tính nết, đã dùng trong chữ vô sản tính, giai cấp tính. Quốc tế tính là một thứ thói quen tinh thần, một thứ ý nghĩ bẩm sinh đã có, rằng con người sinh ra không có quốc gia, quốc gia là bịa đặt, ái quốc là bịp bợm, bởi vì con người là con người của hoàn vũ, của nhân loại.

Quốc tế tính, thật ra, là một cái mồi và cũng là một cái bẫy cho đồng bào ta... Là cái mồi, vì nước Việt Nam nhỏ, đất Việt Nam

nghèo, nếu thực hiện quốc tế tính, người Việt Nam có thể sang làm ăn bên Mỹ, bên Pháp, mà vẫn như ở trong nước nhà. Giấc mộng giàu sang dễ dàng thành sự thật. Lại cũng chính vì thế mà là cái bẫy, vì dân tộc nhỏ, bên cạnh dân tộc Trung hoa khổng lồ, nếu càng có quốc tế tính thì trong bao lâu sẽ mất gốc?

Tưởng chẳng nói Trung cũng biết người Tàu từ ngàn xưa vẫn nuôi cái mộng đồng hóa những nước “man di” nhỏ bé. Nay có cơ thực hiện, ắt là có bàn tay Trung-cộng dính vào. Còn Việt-Cộng chưa chắc đã muốn thế, vì ai chẳng muốn một tình làm chúa tể một sơn hà, dù nhỏ bé. Nhưng tình trạng kiệt quệ về thực lực đã bắt buộc họ.

Cho nên tôi chắc rằng họ đã bắt đầu run sợ, ngay từ khi Hồng quân tiến đến giáp giới biên thù. Tôi nghĩ rằng họ sợ, vì trong hành động của họ, trong những năm gần đây, đã có nhiều trạng thái của sự mệt vãng về tinh thần. Tôi nhớ khi trước, bị bắt ở Lạng Sơn, nhiều lần bị họ đem ra toan giết, mà không thấy một lần nào thấy họ lộ vẻ căm thù hay tức giận. Tôi nhớ tên cai ngục vào với cuộc giây thừng, đến trước mặt tôi nghiêm chào, xin lỗi như người ta xin lỗi nhau trong một buổi dạ hội ở Nhà Hát lớn, rồi xin phép trói, trói thật chặt. Đến khi giải ra pháp trường, tên chỉ huy còn tươi cười nói “đồng chí đi trước”. Lại đến khi có lệnh hoãn,

vẫn tươi cười, không bực dọc, cũng không ngượng ngập, vừa cười trói vừa nguyên rủa “ cái đồng chí nó chưa được giác ngộ, nó trói đồng chí chặt quá thôi!”.

Như thế, thật trái hẳn với thái độ của họ trong khi đấu, tố. Đã đành chính họ chủ trương giáo dục căm thù cho quần chúng. Nhưng vì sao phải giáo dục căm thù, nếu dám quyết định vẫn yếu, mình vẫn mạnh, và dân vẫn theo mình tuyệt đối?- Tôi cho rằng việc ấy, căm thù ấy, chính là sự hiển hiện của tự ti mặc cảm, của sự run sợ ngay chính các đồng chí vĩ đại.

Tôi có nhầm không, khi dám nói rằng trong lòng người Cộng sản đã có tự ti mặc cảm, ngay khi họ đang thắng lợi trên khắp các mặt trận?

- Có thể lắm. Vì tôi dù sao cũng chỉ là khách quan quan sát đối với chủ quan thực lực của họ. Tôi có thể nhầm trong đoạn vừa mới phân tích về các thành phần mặt trận quốc gia. Tôi có thể không biết nhiều việc, nhất là những việc trong bí mật, ví dụ như những hoạt động ngầm ngầm để xây dựng cơ sở của những tập thể chính trị. Hoặc những hành động bán nước của những tập thể khác.

Nhưng có một nơi tôi nhất định không nhầm, là sự nhận định của tôi về giới trí thức. Trí thức chống Cộng, tư sản, tình nhân của tự do, cơ sở của tất cả mọi nền dân chủ. Đó là trí thức ở ngoài toàn

cảnh, ở trong một không gian vĩnh viễn. Còn trí thức của ta... Tôi sợ rằng người trí thức của ta, trong lúc này, chỉ còn là cái bóng của người trí thức năm xưa, khi, 1945, họ không ngần ngại phát lá cờ máu- lúc ấy còn là cờ của Tổng khởi nghĩa thuần túy-trên khắp các ngã đường đất nước.

Vì sao? Tôi không muốn nói vì sao trước khi thuật lại cho Trung tất cả những hoàn cảnh, những phản ứng nó đã đến trong tôi, từ ngày tôi đặt quill bút xuống bàn, sau khi viết cho Trung: Về đâu, tiểu tư sản?

Về Hà Nội!

Trung đã mày mò xin được Letourneau, Tổng trưởng trú xứ, đánh điện xin, không, đòi cho tôi trở về tự do. Thì việc đầu tiên tôi phải làm là gì? Là tìm cách gián tiếp trả ơn viên Tổng trưởng trú xứ, bằng cách trực tiếp đánh đòn trả thù đầu tiên vào những người Bôn-sơ-vích.

Tôi nghĩ thế, viết ngay hai bức thư dài cho hai viên đại tướng Tổng tư lệnh Salan, và Tư lệnh khu Hành quân Bắc-Việt De Linares. Trung hẳn đoán được trong thư tôi viết những gì: chính sách ruộng đất cộng sản, giáo dục giai cấp tính cộng sản, tự ti mặc

cảm cộng sản. Và sự chia rẽ trong nội bộ ta, sự cần thiết có một ý chí chỉ đạo, sự cần thiết động viên trí thức, không phải bằng tuyên truyền, mà bằng lời nói tâm thành giữa bạn với bạn. Điều kỳ dị nhất trong thư là tôi công nhận công lao của người Pháp, công nhận người Pháp có quyền ở lại, để hưởng thụ bình đẳng với người Việt trên đất Việt.

Viết thư xong, đánh máy xong, tôi vừa ký tên vừa cười một mình. Bởi cho rằng mình xử sự trúng tâm lý, đối với hai viên tướng, một nghe đâu có duyên nợ với Phù dung tiên nữ, một có nhiều bằng cử nhân hay tiến sĩ gì đó. Tôi tưởng họ sẽ hả dạ lắm, vì được công nhận có quyền làm thực dân, vì họ cố nhiên, là tri thức, phải tự hiểu mình quả thật là thực dân. Tâm lý hơn nữa nơi cuối thư, tôi không quên ghi rõ rằng tôi không đòi hỏi điều kiện vật chất, không xin mề đay cũng không xin đi làm, và cao quý hơn hết, xin sẵn sàng cộng tác hoàn toàn trong lãnh vực tinh thần.

Thư gửi đi, tôi vui liền đến mười hôm. Đến hôm thứ mười, tiếp được giấy đòi của Sở mật thám Liên Bang. Tôi ngạc nhiên, nhưng vẫn đến. Rồi ngã ngựa người: một suýt nữa lại tù!

Thì ra tôi tâm lý trên mây rồi. Hai ông tướng xét bức thư của tôi, thấy cho phép họ làm thực dân, liền cho ngay là tôi có ý ngạo mạn. Tôi viết thư bằng chữ Pháp, chắc ít lỗi văn phạm, chúng tỏ

có học khá. Mà không cần tiền, không cần mề đay, không xin đi làm! Viên Phó giám đốc đầu bạc, hình như tên là Cardin, hỏi đi hỏi lại, hỏi lại hỏi đi: “ Ông ở đảng nào? Ai ra lệnh cho ông viết bức thư này?... Anh ở đảng nào?... Mà ở đảng nào?...” Tôi được dịp thề chối chết. Rằng tôi ở Phục Quốc đảng, nhưng đã hết hoạt động, và bức thư ấy chỉ do tôi thực lòng ngưỡng mộ ông Tổng trưởng trú xứ...

Ông Tổng trưởng Letourmeau cứu tôi lần thứ hai. Không có ông, sự đại đột lần này phải đưa tôi gần lắm là đến Côn Đảo!

Tôi ra khỏi Sở mật thám Liên Bang mồ hôi lấm tẩm trên trán và ướt lạnh trong áo sơ mi, giữa cơn rét Nàng Bân năm Quý Ty. Con đường Gia Long đón gió hồ Gươm ào ào trên hè vắng, và hú từng hơi dài trong cành cây mới lưa thưa ít ngọn xanh. Tôi đi quanh hồ nhiều vòng, nhận thấy sự thất bại đầu tiên gieo vào tâm tư mình rất nhiều phiền muộn. Bởi tôi chờ đợi sự hiểu biết ở những người Pháp cao cấp. Tôi bắt đầu lo sợ: đến họ còn không hiểu, ai sẽ hiểu?

Và quả thế. Tôi còn thử thách nhiều lần. Lần thứ nhất, sau đó, đến thăm vị thủ lĩnh đòn thể cũ. Ven bờ hồ Thiên-công, dưới một tòa lầu ba tầng, vị thủ lĩnh của tôi ở trong căn phòng để xe hơi. Lụp xụp, chật chội. Tôi linh cảm ngay được sự trong sạch, mừng thầm.

Nhưng mừng trong giây phút, rồi thôi. Bởi đến phút thứ hai đã biết ông bị thời thế vượt xa nhiều quá. Là người thiếu số, đời đời tù trưởng, ông trung thành với Nhà vua, gián tiếp là Bảo Đại. Mặc dầu ông trong sạch, không nhận tiền của Phòng Nhì, không đề cử cán bộ vào chính quyền, ông cam phận đói rách trong căn phòng tối hẹp. Để chờ cơ hội, nhưng cơ hội gì, thế nào, ông không biết. Hoàn toàn thất vọng. May lúc sắp đứng lên lại được gặp một lão đồng chí, một nhà trí thức danh tiếng. Tôi ngỡ ý hỏi anh về thủ lĩnh, anh mỉm cười khẽ lắc đầu hai ba lần, chán ngán. Câu chuyện trở về quá khứ. Anh khen tôi viết tờ Phục Quốc hay. Tôi khen anh giữ được đạo đức giữa một thời điên đảo. Rồi cùng cười, nhưng cùng rất buồn mà chia tay.

Tôi trở lại căn phòng của tôi, hẹp và tối hơn căn phòng của anh Nông Quốc Long nữa. Nhà tôi còn chờ chồng bên cạnh mâm cơm nguội, nước nguội. Cát bát cơm suông lên tay, người đàn bà mỉm cười nói một câu an ủi băng quơ, nhắc lại một thời kháng chiến, làm như đã xa lắm.

Mà xa lắm thật rồi, những ngày gian nguy tác chiến. Những hăng hái dào dạt, những quyết liệt xông pha. Cả đến niềm thống khổ, uất hận, mới ba tháng trước, bây giờ cũng đã lắng đọng xuống nhiều. Tôi cảm thấy tâm hồn mình muốn nhỏ lại. Một ý nghĩ còn

ngập ngừng, có lẽ vì hổ thẹn với quá khứ. Tôi đột nhiên muốn trở về với gia đình.

Gia đình tôi vốn vẹn còn có hai đứa tôi. Mẹ tôi đã thất lạc từ ngoài khu. Trong căn nhà ngõ hẹp này, bây giờ chỉ còn một mình nhà tôi, sáng sáng đưa chồng ra khỏi ngõ, lần nào cũng tươi cười hẹn chồng “về sớm”. Rồi buổi tối, có những bận về rất khuya, bụng rỗng tuếch và lên chân rời rạc vào căn phòng chỉ sáng nhờ ngọn đèn hoa kỳ tù mù, tôi ngao ngán lắc đầu, thì người đàn bà cũng lại tươi cười “đề mai ăn một thể anh ạ!”.

Đề mai ăn một thể, tức là hôm ấy không có gì vào bụng. Đói. Nhưng đói, thật ra và tự một mình nó, không có gì lạ. Nhất là nhà tôi lại càng quen lắm, ngay từ lúc còn tản cư. Tôi không có gì giúp đỡ, mẹ tôi già, một mình nhà tôi lo liệu, ắt phải lấy câu chuyện “nhỡ bữa” làm thường. Cục nhất là hồi tháng Mười năm 47, binh đoàn Vanuxem từ Tuyên Quang về qua Lập-thạch, qua nơi gia đình tôi trú chân làm ruộng ấp, có ba lính da đen rạch mặt bị du kích dùng câu liêm móc chết, bèn báo thù, gặp bao nhiêu nhà cửa, thóc lúa của dân chúng mới gặt về đều đốt cho kỳ hết. Cả nhà tôi đành ăn cơm gạo cháy, cay mùi khói. Đến tháng Ba, tôi có dịp về thăm, thấy mẹ với vợ chỉ còn da bọc xương, gò mà nhọn, mắt sâu hoắm, tóc trên đầu khô như rang. Thế mà người đàn bà ấy vẫn

cười được, thậm chí hôm tôi phải đi, vẫn còn tìm được cách may cho chồng cái áo trấn thủ bằng phin đen thật đẹp. Mẹ tôi thấy thế chỉ khóc, nước mắt già đau khổ nhưng hãnh diện.

Một người vợ như thế cố nhiên không bao giờ thẳng thúc tôi về miếng cơm manh áo. Anh em ở bên này đều cho tôi nhờ vợ mà sung sướng nhất đời. Kể cũng đúng, càng đúng khi chính mình cũng biết chẳng thiếu gì người, vì vợ muốn, phải bán linh hồn cho quỷ. Quỷ sống, một là Cộng sản, hai là Pháp, ba nữa là chính phủ Tâm hay Hữu cũng thế.

Tôi công nhận nhà tôi là người vợ Á Đông trọn vẹn. Mười năm, hai mươi năm nữa, tôi vẫn có thể mặc cho nhà tôi tìm cách sống lấy một mình, không nâng đỡ, không cả đến hỏi han cho đủ cái nghĩa thiên nhiên của sự kết đôi làm vợ làm chồng. Tôi biết trước nhà tôi sẽ không bao giờ oán hời: kể từ ngày về làm bạn với tôi, một thiếu nữ đôi tám đã quên luôn đi rằng mình chỉ có tuổi xuân có hạn. Một thiếu nữ sớm trở thành người đàn bà không tuổi. Mười năm nữa, hai mươi năm nữa...

Nhưng cũng có lúc tôi bâng khuâng tự hỏi không biết còn làm khổ nhà tôi đến bao giờ. Những lúc họa hoằn tôi bắt gặp mình xây mộng về một cuộc đời yên ấm: căn nhà nho nhỏ, xinh xinh, người vợ ngồi thuê thùa bên cạnh chồng đọc sách. Cảm giác êm vui

thấm thía không bền, cứ mỗi lần nghĩ đến hưởng thụ hạnh phúc trong gia đình nhỏ hẹp là một lần nhớ đến anh em. Người đã chết, để lại vợ con nheo nhóc; người còn đang cầm nín trong hàng ngũ bôn-sơ-vích, cố chịu đựng tất cả mọi gian nguy, điều đứng, miễn làm sao ở lại được giữa đoàn quân kháng chiến. Quá khứ, kỷ niệm buổi xuất quân trong Rừng Thông, kỷ niệm trận đánh đồn Đại-Bực 1, kỷ niệm chiến dịch Lê Hồng Phong phá tan đồn Bảo-Chúc 2, quá khứ rùng rục những lửa reo, đạn réo, những người tiến lên, những người ngã xuống. Máu chảy, giặc đầu hàng, kéo lên lá cờ, là cờ dù sao vẫn là cờ kháng chiến. Quá khứ nặng quá cho một kẻ muốn trở về với gia đình. Bởi hẳn biết không sao tránh khỏi mặc cảm phạm tội, một khi anh em còn chiến đấu mà hẳn nở lòng nào một mình hưởng thụ?

Quá khứ đòi hỏi con người phải xứng đáng với nó, trong hiện tại và trong tương lai. Con người không thể phản bội chính cuộc đời mình. Mà hiện tại, chia rẽ, hỗn loạn, bắt phải có những khôn khéo, những luồn cúi, những nham hiểm toàn những thứ không phải là đức tính của chiến sĩ.

Cuộc chiến đấu được đặt trên một bình diện khác. Bình diện của thực dân ngoan cố, ngu xuẩn của chính quyền hèn hạ, thối nát. Của một quần chúng, mặt ngoài chen chúc hưởng thụ một nền

kinh tế phồn thịnh giả tạo, nhờ viện trợ và nhờ sự tiêu pha của Đoàn quân Viễn chinh. Nhưng bên trong, quần chúng thiếu thốn xúc cảm chân tình, không thể làm gì hơn là hướng về kháng chiến. Chữ kháng chiến, lâu nay cán bộ nội thành đã dần dần hòa vào chữ Đảng: kháng chiến Đảng, Đảng kháng chiến.

Quần chúng hưởng thụ, quần chúng tiểu tư sản, nhất định không thương gì người bôn-sơ-vích. Nhưng đối trước người Pháp rõ rệt không thực tâm, quần chúng sợ hãi nô lệ hơn đói rét, cần phải có một nơi gửi lòng tin cậy. Năm 1948-49, hình như đã có lần hướng về Bảo Đại với những người trí thức. Năm đó tôi chưa về, không biết rõ sự thất vọng của quần chúng to lớn đến mức nào, vì trót quá tin ở Bảo Đại. Trí thức cũng tin ở Bảo Đại, ở bản Tuyên ngôn Thoái vị của ông ta thì đúng hơn, đã đảm bảo cho con người ấy trước quần chúng. Cho nên Bảo Đại hiện nguyên hình “con Tây” khả ố, thì, đầu tiên đã mất mát một phần nào lòng tin của quần chúng, lại thành thực nhận sự sai lầm của mình, người trí thức tự trừng phạt bằng cách tự mình không tin vào mình nữa!

Trung đã biết không gì khổ bằng sự ngờ vực của mình đối với chính mình. Tấn kịch bi đát của những người cố tìm một lối thoát mà phải bầu víu vào những lực lượng bên ngoài. Bên ngoài, một đảng là Pháp với khi thì Tâm, khi thì Hữu, một đảng là Cộng sản.

Quần chúng thì đã mất một phần nào tin tưởng. Giải pháp vẫn chỉ có một: bằng mọi cách phải cướp lại cho kỳ được lòng tin của quần chúng. Nhưng đó là việc làm dài ngày, khó khăn, nguy hiểm. Trí thức đã lùi lại, rút vào trong một thái độ bế tắc. Phần đông chùn chẫn, ngừng tất cả mọi hoạt động. Riêng từng nhóm nhỏ, hoặc bất chấp đe dọa, tiến lên

1: Trên hữu ngạn sông Hồng

2: Thuộc huyện Tam-Dương, Vĩnh Yên.

..... chống cả Cộng sản lẫn Pháp, và có nhiều người đã bị lưu đày. Hoặc có những nhóm khác, nhận định Cộng sản nguy hiểm về lý thuyết nên ngày đêm đào xới, cố tìm lấy một chủ nghĩa khả dĩ thay thế chủ nghĩa bôn-sơ-vích. Bấy nhiêu gắng công, cho đến nay, đã tương đối coi được là thất bại. Thất bại vì hành động lẻ tẻ. Ở cương vị lãnh đạo, trí thức đã lẻ tẻ, sẽ làm thế nào để lôi cuốn được toàn dân?!

Làm thế nào? Người trí thức vẫn tự hỏi như thế. Câu hỏi đưa đến bế tắc, khiến cho trogn tâm hồn họ rộn lên một niềm đau đớn. Nhất là những thanh niên còn nhiều thiết tha với dân tộc không

thể ngồi yên, cũng không thể liêu lĩnh làm một cái gì cho hả. Thanh niên tuổi băm lăm, băm mấy, được sống đủ để được biết đủ, không thể chấp nhận cho những thứ bác sĩ Moreau bôn-sơ-vích biến đổi con người thành đồ vật, càng không thể chấp nhận một cuộc đầu hàng người Pháp.

Tuổi thanh niên băm lăm, băm bảy là tuổi chúng ta. Tôi đọc những bức thư của Trung, rồi lòng hỏi lòng, càng nhận thấy tuổi chúng ta là tuổi phải chịu nhiều vết thương tâm tình nhất trong thời đại.

Chúng ta trước hết đã bị Cộng sản dày xéo. Đến bây giờ lại bị dấn vật trong tâm tư bởi ý chí muốn thoát ra khỏi một hoàn cảnh bế tắc. Tôi tin lời Trung viết cho tôi:

- “ Chúng ta hiện mang nặng một chứng bệnh tâm lý, một chứng bệnh thể kỷ, nó đòi hỏi, nó bắt buộc chúng ta đi tìm một lẽ phải, một lẽ phải tuyệt đối, một lẽ phải là căn nguyên của mọi sự, cắt nghĩa mọi sự, và, do đó, chính là lí do tồn tại của đời sống”.

Trung lại viết cho tôi: - “ Chúng ta sờ dĩ chống lại người bôn-sơ-vích là vì chúng ta biết họ chưa tìm thấy lẽ phải tuyệt đối mà đã nóng lòng tranh chấp đến tự thỏa mãn bằng những lẽ phải của giai đoạn, họ cố nhiên chiến thắng chúng ta trong giai đoạn cái lẽ phải

của họ. Nhưng đời người còn dài, nguồn sống bất tận của con người không thể bị chính nó hủy diệt, cho nên tôi tin rằng chúng ta sẽ tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, có khả năng giải quyết tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng, và đặt địa vị trí cũ những tinh thần lầm lạc”.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Trung rằng người trí thức- trí thức tư sản, nói cho thật rõ-có nhiệm vụ đi tìm một lẽ phải vĩnh viễn, bên ngoài thời gian và không gian, không thể không có cho đời sống thái bình của nhân loại. Người trí thức, nhân danh những đau khổ họ đã chịu đựng, rất xứng đáng sẽ tìm thấy.

Nhưng người nào sẽ tìm thấy thì chính người đó đã biến thành thần linh. Bởi, trong lịch sử của giống người, đã tìm thấy một lẽ phải có giá trị lâu bền, mới chỉ có Thích Ca Mâu Ni, Giu se Ki ri xi tô với Mahomet. Thêm hai vị á thánh Khổng Khâu và Cam Địa, có lẽ có chủ trương gần gũi với loài người hơn, nhưng tiếc thay, chỉ hợp với một phần nào nhân loại.

Nhân loại hiện đang tiến rất nhanh- có thể là nhanh quá chăng? Trong lĩnh vực khoa học. “ Người sau này tìm thấy lẽ phải tuyệt đối, Trung đã viết thế, phải là người có thiên tư phối hợp cảm tình với khoa học, một thứ trí tuệ Einstein hay Copernic cộng với tấm lòng bác ái, vị tha của Đức Phật”. Ở nơi đó, tôi cũng tin như

Trung, rằng cuộc tranh chấp giữa hai khối dân chủ, bên-sơ-vích, ngày nay đã lớn rộng quá, khiến cho một sự hòa giải không thể có, và sẽ chỉ có hoặc một sự can thiệp thiêng liêng, hoặc một trận giao tranh kinh khủng giữa những sức mạnh cuồng nhiệt năng nguyên tử, trong đó loài người không thể tránh được tự tiêu diệt toàn bộ. Cả hai viễn tượng cùng vượt xa người trí thức trung bình, không mỗi lúc làm nên giáo chủ, cũng không thể một ngày thành được một Einstein. Cho nên vì biết rõ được sự không đi tới đâu của mình mà phát sinh hoài nghi.

Đã đành rằng hoài nghi là một bệnh nặng. Nơi tận cùng bức thư sau trót gửi cho tôi, Trung đã lộ một vẻ buồn sâu sắc. Trung không viết rõ, nhưng tôi nhận được, qua dòng chữ, ý nghĩ của Trung không nhiều xa sự tuyệt vọng: -“ Chúng ta đi đúng đường, nhưng chúng ta đi quá chậm. Có thể rằng Nước Đỏ sẽ tràn ngập cuộc đời là hậu quả của sự thắng thế của Tội Ác trên Thiên lương. Khoa học đã nhiều lần chứng tỏ dấu tích những nền văn minh bị tiêu diệt”.

Tôi nhận thấy Trung bi quan quá, một phần vì Trung là một người độc đáo trong tư tưởng, nên không thể cam chịu những giải pháp nửa vời, không chấp nhận một lẽ phải giai đoạn và cương quyết không thỏa hiệp với lẽ phải bên-sơ-vích. Nguyên nhân thứ hai của

căn bệnh bi quan của Trung, theo ý tôi, là Trung rời xa đất nước lâu quá, từ sớm quá. Mười lăm năm thương nhớ, cứ mỗi khi muốn có hình ảnh dãy núi, con sông cùng những nét sinh hoạt rộn rập hay thờ ơ, lành hiền hay bạo ngược của đồng bào, Trung chỉ có thể đọc sách báo, và đọc những bức thư của một số bạn thân, trong đó có tôi.

Tôi biết Trung thao thức, tha thiết muốn có những tài liệu xác thực, để có thể mừng tượng ra hẳn đời sống của quốc dân ta, trong một thời kỳ nhất định. Tôi không thể làm vừa lòng Trung cũng như không một ai làm nổi việc ấy, kể cả những cấp bộ chỉ huy cao nhất nhất, vì lý do đơn giản là mỗi người chỉ có thể biết được sự thật của riêng phe mình. Tôi nghĩ như vậy, nên thuật lại cuộc đời của chính tôi trong thời kỳ ấy. Trung hiểu tôi, sẽ hiểu cả một thế hệ. Nếu mỗi thế hệ có một người cũng làm cái việc tôi làm với Trung, thì đem tất cả những bức thư gom lại, nhà học giả xã hội và tâm lý sẽ có những tài liệu chính xác nhất về đời sống của một dân tộc.

Nhưng riêng Trung, chỉ có thư riêng của tôi, tôi với Trung lại cùng một lứa tuổi, thành ra Trung chỉ biết, tuy biết rất rõ về một thế hệ. Một thế hệ, dù có được giữ một vai trò trọng yếu nhất trong một giai đoạn lịch sử, vẫn không thể là một dân tộc. Trung

có lẽ không chú ý đến điều này nên mới có thái độ bi quan quá đáng.

Trung viết: -“ Tôi nhiều khi khổ sở mà nghĩ rằng chúng ta đành phải thúc thủ. Công việc của chúng ta cố nhiên tâm thành mà vẫn không tránh khỏi không tưởng. Chúng ta muốn làm thánh, trong khi kẻ địch của chúng ta làm người e không đủ tàn bạo, lại còn cố trở thành đồ vật... Trên lý thuyết đấu tranh, tôi không thấy sức mạnh của mình, không thấy kẽ hở của địch”.

Chúng ta đành thúc thủ vì lẽ phải của chúng ta chưa kịp tìm thấy (Trung viết: sẽ có ngày nào tìm thấy được chăng?!), lẽ phải của địch, tuy chỉ có giá trị trong một giai đoạn, giai đoạn ấy có thể còn dài, đủ dài cho những người bên-sơ-vịch tiêu diệt xong những người tiểu tư sản. Trung nghĩ như vậy. Tôi nghĩ cũng gần như vậy. Chúng ta cùng chủ bại.

Duy không phải tất cả mọi người, tất cả mọi thế hệ đều chủ bại. Tôi vừa mới viết, ngay trên đây, rằng Trung biết rõ một thế hệ, là cốt để bây giờ viết thêm rằng có những thế hệ Trung không biết, những thế hệ đương lên. Nhất là thế hệ của những đứa em của chúng ta, hôm nay trên dưới ba mươi tuổi, thế hệ của những thanh niên cũng say đắm tự do và dân chủ, cũng thiết tha với tài sản tinh thần, nhưng không những không chủ bại, cũng không phải chỉ có

một ý chí liều chết chiến đấu, mà, trái lại, còn tìm thấy cái lẽ phải tạm thời có thể “ giải quyết được tất cả mọi thắc mắc, bộc lộ mọi nguồn gốc của mọi cuộc giao tranh, có khả năng phán xét sau cùng , và có thể đặt về vị trí cũ những tinh thần lầm lạc”.

Lẽ phải đó là gì, thế nào, sau đây tôi sẽ nói rõ cho Trung biết. Lẽ cố nhiên đó không phải là sự “tìm thấy” của tôi, bởi, ví dù tôi có thật tìm thấy cũng không có giá trị gì hơn, vì nghĩ là một việc, nhận rằng đúng là một việc, mà tin vào cái nghĩ đúng ấy lại là một việc khác. Điều tôi cần phải nói ngay, là chính họ, họ tin vào cái họ nghĩ.

Họ là những bạn trẻ tôi thường gặp. Mắt họ sắc nhưng nhìn thẳng, miệng họ cười tươi thắm nhưng khi hai vành môi khít lại, lại vẽ thành một nét trang trọng, uy nghiêm sớm sủa. Vàng trán của nhiều người đã có bóng những vết nhăn ngang, trái hẳn với mớ tóc họ cắt ngắn, xương bả vai họ rộng và đầy, có vẻ tổ cáo họ chỉ biết ăn khỏe, ngủ khỏe, tập thể thao khỏe, để bồi bổ riêng cho sức mạnh của thể xác.

Tôi gặp họ, yên chí họ thơ ngây, ít ra là về chính trị. Nhưng vẫn theo dõi họ vì tò mò. Họ biết thế, theo dõi lại tôi không kém. Cho đến khi hoàn cảnh cho phép chúng tôi hiểu nhau, qua một đêm tâm sự chí tình.

Họ vào đề đột ngột:

- Chúng em biết các anh đau khổ trong một trạng thái tinh thần không có lối thoát. Các anh đã chiến đấu can đảm, các anh còn muốn chiến đấu nữa. Nhưng các anh đã hoài nghi chính khả năng chiến đấu của các anh, của dân tộc, và, luôn thể, hoài nghi đến sự hữu hiệu của những tổ chức quốc tế. Sau một thời gian tích cực chiến đấu, các anh vì lẽ này lẽ khác, đã muốn sinh hoạt nặng về tư tưởng. Các anh nhiều lần giáp mặt với cái chết, nhiều lần được chứng kiến những hành vi nham hiểm và hèn hạ, cho nên vì một thứ phản ứng nén tâm, các anh đã hướng về sự tìm tòi một Sự Thật tuyệt đối, và đó là một thái độ không tưởng.

Tôi chịu là chúng ta trở nên không tưởng, nhân nói thêm rằng sự có mặt của chúng ta, từ trước tới nay, thật là vô ích, nếu không có hại. Thì họ lại bênh vực chúng ta:

- Các anh đã đóng trọn một vai trò lịch sử, một cách cao quý không thể nào hơn được. Sự có mặt của các anh là một sự lợi ích, là một cứu cơ cho bọn chúng em. Các anh đã hứng chịu hộ chúng em tất cả những ảnh hưởng tai hại của một giai đoạn quá độ của lịch sử. Chính các anh đương lúc lớn lên, đã phải nhận lấy cái mặc cảm chủ bại của tinh thần Nho giáo suy tàn. Các anh lại bị đầu độc bởi lãng mạn chủ nghĩa, cá nhân khoái lạc chủ nghĩa trong văn

chương Pháp. Chúng em cho rằng chính tinh thần hiệp sĩ Pháp, tinh thần trung quân, quân tử Tống Nho, đã xui các anh chống Cộng sản bằng cách giúp Cộng sản chống Pháp. Nhất là anh Quảng, như anh có lần kể chuyện, chúng em thấy anh Quảng giống một Don Quichotte cộng với một Chu-Hi như đúc...

Tôi không muốn nghe họ nói về Quảng, dù nói rất đúng. Sự phân tách tâm lý một người bạn đã khuất chỉ có thể gọi cho tôi nhiều xúc động không nên có vào lúc ấy. Tôi cắt lời họ bằng cách đưa cuộc thảo luận sang vấn đề thực tế chống Cộng sản. Về vấn đề này, ý kiến của họ khác ý kiến chúng ta nhiều lắm.

Họ trước hết không công nhận cái mạnh hiện hữu của những người bên-sơ-vích là không có kẽ hở. Theo ý họ:

- Cộng sản không phải mạnh vì lý thuyết chủ nghĩa mác-xít. Cộng sản thật ra mạnh vì trên đời còn có đói khổ và nô lệ, nghĩa là còn có những người bất mãn. Vì thế, nếu có thể một lý thuyết cùng những thực hiện xây dựng xã hội lành mạnh, no đủ và tự do, thì Cộng sản tự nhiên hết quyền rũ về tinh thần. Sức mạnh thứ hai của Cộng sản là một tập thể vững chắc với những đạo quân cuồng tín. Chúng em công nhận tính chất cuồng tín ấy có thật, nhưng chúng em cho rằng binh sĩ của họ sở dĩ cuồng tín là vì hai nguyên nhân.

Một nguyên nhân là sức quyến rũ của chủ nghĩa chúng em vừa nói, một nguyên nhân nữa lại chính là tinh thần yêu nước trong mỗi người. Những binh sĩ Việt Minh, Bắc Hàn, và Nga Sô với các nước Đông Âu trong những năm 1941-1945, đều chiến đấu anh dũng để bảo vệ tổ quốc. Chúng có là 159 ngàn quân Lỗ mã Ni, năm 1941-1942, đánh Nga Sô để đòi lại vùng Bessarabie, còn anh dũng gấp mấy 200 ngàn quân Lỗ mã ni, năm 1944-45, theo Hồng quân Nga Sô đánh vào nước Đức.

Họ lại còn thấy cái yếu của Cộng sản:

- Cộng sản bảo không có mâu thuẫn trong hàng ngũ Cách mạng Vô sản, tức là trong Đệ tam Quốc tế. Họ đã nhầm lớn lắm. Trong hàng ngũ Đệ tam đã phát sinh mâu thuẫn thứ nhất là Đệ tứ Tờ rớt kýt. Rồi chính hàng ngũ những nước xã hội chủ nghĩa là cả một cái quyết thể có cực nhiều mâu thuẫn nội bộ: mâu thuẫn giữa các bộ với cán bộ, giữa đảng viên với cán bộ hay với đảng viên; mâu thuẫn giữa Đảng với quần chúng đối lập với cả quần chúng đã theo Đảng, vì lẽ số quần chúng này theo Đảng để hưởng quyền lợi, nên sẽ đòi Đảng phải thi hành những lời hứa mà Đảng muốn quên. Như vậy là trên thực tế, Cộng sản đã không mạnh như người ta tưởng, mà về lý thuyết, chính Marx nói xã hội chủ nghĩa không

có mâu thuẫn với biện chứng duy vật, tức là mâu thuẫn với lý thuyết nguyên thủy. Theo ý chúng em, trong khi nói “ xã hội xã hội chủ nghĩa không có mâu thuẫn, Marx chỉ có một dụng ý tuyên truyền: tuyên truyền gian dối, đâu có phải là tuyên truyền của sức mạnh thật sự?

Sau một hồi quanh quẩn, họ lại trở về chúng ta:

- Anh Trung (tôi có cho họ xem thư của Trung) nói rất phải là họ quá vội trong sự tranh chấp quyền lực, nên đã phải tự thỏa mãn bằng những lẽ phải có tính chất giai đoạn. Có điều anh Trung đã bi quan quá, khi sợ rằng giai đoạn lẽ phải của họ đủ dài để cho phép họ tiêu diệt tiểu tư sản, Theo chúng em thì họ đã trở thành nô lệ ngay cái tính chất giai đoạn của họ: sau giai đoạn lợi dụng tiểu tư sản để kháng chiến thành công (khi sự thành công đã rõ rệt) là họ bắt buộc phải chuyển sang giai đoạn đấu tranh chính trị, lợi dụng quần chúng nghèo đói để tiêu diệt tiểu tư sản. Nhưng các anh đã thấy họ thất bại trong công cuộc giáo dục căm thù, chứng cứ là anh Chắt Hoe chắc chắn đã dự vào việc giết anh Nhiễu, (ai có thể không dự ?), nhưng sau đó lại hồi tâm, có lẽ còn hối hận nữa là khác, nên mới hy sinh cho vợ con anh Nhiễu: Nghĩa là Cộng sản có thể giết được người mà dân chúng kính phục, nhưng không thể

giết được chính sự kính phục người ấy trong lòng dân chúng. Nói tóm lại, hai chữ giai đoạn đã làm cho họ trở nên máy móc, biết làm Cải Cách Ruộng Đất thì mất lòng dân mà cứ phải làm.

Sự thảo luận chân thực đưa tôi đến chỗ hỏi về quan niệm của họ đối với vai trò của chính họ trong lịch sử. Họ thẳng thắn công nhận:

- Các anh đã giúp chúng em quá nửa về công việc lý thuyết. Trên lý thuyết, vì sao chống Cộng sản, chúng em chỉ cần phải nói thêm một điều anh chưa kịp nói, là Cộng sản chủ trương một thứ tự do tập đoàn, một thứ tự do trong kỷ luật sắc thép. Chúng em chưa vội phê bình chủ trương ấy có lợi hay có hại cho đời sống vật chất của nhân loại nói chung, nhưng chúng em có thể nói ngay rằng tự do tập thể, chính họ cũng công nhận, sẽ giết chết tự do cá nhân. Tự do cá nhân bị tiêu diệt thì sáng kiến cá nhân cũng bị tiêu diệt, và bị tiêu diệt luôn thể cả ý chí sáng tạo của con người. Đó là nơi chúng em chống họ đến cùng trên lý thuyết. Lẽ cố nhiên em không là nghệ sĩ, nhưng cũng không quan niệm chữ sáng tạo hẹp hòi trong phạm vi nghệ thuật. Chúng em công nhận người ta ở đời, mỗi người là một nghệ sĩ: người mẹ sáng tạo ra đứa con theo hình ảnh mình, người tình nhân tìm hết cách để nhìn người yêu của mình cho thật đúng với người yêu lý tưởng; người thợ dụng tâm là ra

một đồ vật theo ý mình, tất cả đều là nghệ sĩ.

Nghe họ nói đến đây, tôi cười họ chặt chẽ hết sức trong lý luận mà vẫn còn có cảm tình đối với nghệ thuật. Họ cũng cười:

- Chúng em quan niệm nghệ thuật khác các anh nhiều. Các anh làm nghệ thuật để tô điểm cho đời sống, chúng em làm nghệ thuật để ích lợi cho đời sống. Các anh nặng về cá nhân, chúng em nặng về tập thể tuy vẫn bảo vệ cá nhân trong tập thể. Các anh thuần cảm tình nên không làm được, còn chúng em may sinh sau các anh, nên chịu ảnh hưởng Tây phương thuần túy, chúng em phân định được rõ rệt vị trí của cá nhân trong tập thể. Có lẽ chính vì thế mà chúng em tin ở lực lượng của tập thể, tin ở hiệu lực của những công cuộc tổ chức, giáo dục và chi phối tập thể. Công cuộc ấy lẽ dĩ nhiên là nhiệm vụ của người trí thức tiểu tư sản: các anh sẽ giúp chúng em về giáo dục, chúng em sẽ thay các anh trong tổ chức và chỉ huy. Chúng em, hơn nữa, còn tin ở các tổ chức quốc tế hơn các anh. Các anh, với kinh nghiệm sống bốn chục năm gần đây, không tin tưởng ở sự trong sạch của những cuộc bang giao quốc tế. Còn chúng em lại bằng vào sự khôn ngoan trong khi phân phối và bảo vệ quyền lợi chung, mà tin rằng thời kỳ chia rẽ và mâu thuẫn tất phải hết, để cho quốc tế đi dần đến thời kỳ chân thực đồng minh chống Cộng, đồng thời giải phóng những nước bị trị. Sở dĩ chúng

em dám đặt hy vọng vào những viễn tượng tốt đẹp của tương lai, là vì chúng em theo kịp sự tiến bộ của khoa học, của tinh thần khoa học. Khoa học có thể mở mang tài nguyên cho đời sống ê hề đến nỗi chiến tranh trở nên vô ích và vô lý. Khoa học cũng có thể tiến tới điểm chế tạo ra những vũ khí tuyệt đối, khiến cho bất cứ một cuộc chiến tranh nào cũng là một cuộc tự sát chung của cả nhân loại.

Rồi, thân ái Trung, đây là quan điểm của họ về cuộc giao tranh giữa chúng ta, tiểu tư sản và những người bôn-sơ-vích:

- Trên phương diện tuyệt đối của thời gian hết đời khổ, nhờ hòa bình và khoa học, và hết nô lệ, nhờ kháng chiến dân tộc và can thiệp quốc tế, là Cộng sản sẽ hết mãnh lực thu hút đối với dân chúng. Riêng trong phạm vi nước ta, trận Điện Biên Phủ vừa mới kết liễu, Việt Minh- Cộng Sản-rõ rệt sắp chia đôi sơn hà với Pháp. Chúng em nóng lòng chờ đợi ngày chia đôi đó. Không phải vì chúng em thích thú gì sự chia đôi đất nước, nhưng riêng chúng em cho rằng đó là một sự tai hại cần thiết. Miễn là có hòa bình, vì chủ trương bạo ngược và vì mất danh nghĩa kháng chiến Việt Cộng sẽ mất lòng dân cực kỳ nặng nề. Người Pháp còn giữ một phần đất, nhưng vừa mới thua đau, còn khiếp nhược và hoang mang. Quốc

tế nhân việc điều đình, chú ý đến nước ta hơn, chắc hẳn sẽ bênh vực người tiểu tư sản mà hiện nay quen gọi là người Quốc gia chống Cộng. Người tiểu tư sản, được ba điều trên, nhất là được trông thấy Cộng sản mất dân, sẽ như được tiêm thuốc hồi sinh. Nói tóm lại, chúng em tin rằng người tiểu tư sản không cử phải tìm thấy Lẽ phải tuyệt đối mới thắng được người bên-sơ-vích, ít ra là trong giai đoạn hiện tại, mà các anh nói là “giai đoạn” của lẽ phải của họ”.

Thân ái Trung,

Tôi vừa mới thuật lại, dài dằng dặc, mấy mẫu tư tưởng của một số anh em thanh niên ít hơn chúng ta dăm, bảy tuổi. Tôi thuật lại đúng, cho nên miễn phê bình, dù chỉ để tỏ lòng tin tưởng của tôi hơi họ, hoặc chỉ để chống lại quan niệm độc đoán của họ về nghệ thuật.

Tôi thấy chỉ cần phải nói cho Trung biết ít ngày sau đêm họ nói chuyện với tôi thì xảy ra việc quân Pháp bỏ khu chiến miền Đông

Nam. Sự rút lui của đoàn quân Viễn Chinh là cả một sự vội vã, cả một sự sợ hãi trông thấy. Có điều lạ, là không có một lời tuyên truyền, dân chúng ùn ùn bỏ nhà cửa theo quân đội. Dân chúng bám vào xe chở hàng, như chùm sung, tràn lên đò làm chìm mất vô số. Rồi đi xe tay, đi bộ, mẹ công con, chồng dắt vợ, trên vai tòn ten đôi quang thúng, có khi tiền bạc thì quên, lại đem đi mấy cái nôi đất. Tôi xuống tận Nam Định. Buổi tối, đèn mờ mờ, trông đoàn người ra đi không mấy may khác những người, chín năm trước, ra đi kháng chiến.

Nhưng vẫn khác, bởi ra đi kháng chiến, người ta tuy lặng lẽ mà nhộn nhịp, tuy đau khổ vì tan vỡ, mà hy vọng xa xôi nhưng mãnh liệt vẫn tràn ngập không gian. Còn lần này ra đi, chỉ có những bóng đen cam nín cúi đầu xuống mặt đường, và lưng còn dưới gánh nặng.

Hình ảnh của tội lỗi, của hối hận, hay của sự cam tâm chịu đựng vò xé bởi sự lìa bỏ vĩnh viễn quê cha đất tổ? Hình ảnh của một đoàn quân chiến bại?- Không! Hơn nữa, Trung ơi, vì đây là hình ảnh của những bị người phản bội, bị phản bội trong lòng tin thắm thiết nhất. Đây là người nông dân không chịu đổi nóc nhà thờ dột nát lấy mười mẫu ruộng tốt, đây là người nông dân trọn đời không có gì để cho ai một chút, nhưng ngót tám năm vừa qua đây, không

có gì để tiếc không cho kháng chiến.

Kháng chiến với họ không phải là lá quốc kỳ dù đẹp dù xấu, không phải là bài quốc ca dù dở dù hay, cũng chưa hẳn là một chính quyền hoàn toàn việt nam hay những quyền tự do căn bản... Kháng chiến, trong tâm hồn người dân lành, chỉ là làm thế nào cho được sống yên ổn, dù nghèo đói, thiếu thốn trăm bề, trong căn nhà có bát hương thờ tổ phụ, bên bờ ao đã soi bóng nhiều đời mẹ hiền, và trên mặt những thửa ruộng biết bao nhiêu đời nông phu kiên nhẫn đã cấy, đã bừa, cho nhuộm cả những viên đá sỏi, cho cây lúa mọc được lên, rồi trĩu nặng bông vàng dưới một thứ ánh sáng mặt trời không thể có ở nơi đâu khác. Kháng chiến là làm thế nào giữ cho khỏi đứt đoạn sự quen thuộc với thôn xóm, tình tương trợ của họ hàng, vì không có những thứ ấy, người dân lành thấy mình bơ vơ, lạc lõng trong đời sống. Kháng chiến còn nhất là sự giữ gìn cho toàn vẹn, sự bù đắp cho tăng thêm một chút gia sản, dù hèn mọn đến đâu cũng vẫn là “của hương hỏa” làm sự bảo đảm tương lai cho đàn con lũ cháu, sau này.

Đối với người dân lành, kháng chiến là như thế. Dốc một lòng, và “để cho con cái chúng ta giữ được như thế lâu dài”, họ đã hy sinh tất cả những gì là của họ. Họ đã chịu cho giặc đốt nhà thờ, chịu

cho du kích tát cạn ao chuôm để xẻ hào giao thông, chịu bỏ cỏ những bờ xôi ruộng mật vì những ngày dân công xa vắng. Cuối cùng họ mặc dầu không được huấn luyện, đã dám cầm thanh mã tấu, cái câu liêm, đi trước quân đội để đánh Pháp: họ đã liều cái mạng họ. Vì họ tin lời người cán bộ mà nghĩ rằng “ để cho con cái chúng ta được yên hưởng về sau”!

(Người nông dân không yêu con kiểu cách như người thành thị. Không chịu nựng, không quăn quít. Người nông dân yêu con bằng một tình yêu hồn nhiên, một tâm tư chất phác: con cái là khả năng làm cho đời sống không bao giờ tận cùng: cha mẹ chỉ là một đoạn đường, trong khi con cái là tất cả, là vĩnh viễn)

Yêu như thế, tin như thế, thế mà họ bị phản bội. Phản bội không vì điều đình với Pháp. Phản bội đã đến, ngấm ngấm, dần dà, từ lâu rồi. Từ ngày họ không được giết con gà cúng bố mẹ, từ ngày Đảng bắt buộc đấu tranh phải khởi sự giữa vợ chồng, con cái, giữa thôn xóm, giữa họ hàng. Từ ngày hạt thóc vàng, là kết quả của trăm cay nghìn đắng, của vợ kéo chồng cày, phải đem gánh tất cả ra trụ sở Nông hội xã để nộp thuế Nông nghiệp. Nghĩa là từ ngày họ hết sạch, cả của lẫn người, nhất là người.

Sự phản bội gây ra thất vọng mênh mông và mát mát trợn vẹn, đến nỗi bước chân ra khỏi căn nhà quen thuộc, họ không tìm thấy vật

gì đáng kể là còn lại, đáng đem theo vào một bên quang thúng, cho cân với bên kia đặt đũa con mới chập choạng tập đi. Đi, đi hẳn, có khác gì chết trong lòng người dân lành, cái chết héo hắt, dần mòn của linh hồn? – Đến chết còn kinh ngạc, chưa muốn chịu thật rằng họ chẳng có một cách nào khác nữa, ngoài sự rời bỏ quê hương, không hy vọng gì trở lại.

Sự ra đi của những người dân lành thật biết bao nhiêu cay đắng. Bởi nhớ những lần tản cư kháng chiến, họ liêu chạy trước tầm súng giặc, một đổi đường một đổi nghi, để quay lại tìm lần trong chân trời, cái vệt thâm dài là làng xóm, là quê hương họ. Lần trước họ nhìn lại, nhìn lại là hy vọng. Còn lần này, họ cúi đầu xuống mặt đường...

Tôi hiểu nỗi đau đớn của những người nông dân ấy. Thời thế đã bắt họ trở thành những chiến sĩ, vì tự họ, họ chỉ muốn cày ruộng, làm nhà, cuộc đời họ, lành mạnh những tự cao mặc cảm, không bao giờ muốn tranh cướp. Sức khỏe của họ, trí khôn của họ, họ chỉ quen dùng vào việc giành giật với thiên nhiên, với mưa nắng, gió bão, với khô nẻ hay lụt lội, những khóm lúa “chít hết hai gang tay”, có nhiều bông “lớn như đuôi trâu”. Tâm sự họ đơn giản, họ là người, có thể một đôi khi gian dối về đầu thóc, thúng gạo hay con lợn, con bò, nhưng họ không bao giờ dám nghĩ người ta có thể

lừa nhau về quê hương, đất nước và tổ tiên. Họ đã ra đi kháng chiến, tin theo bọn cán bộ, với tâm sự đơn giản ấy. Họ đã bị phản bội, bị “bán đứng cả cút” cho một thứ chủ nghĩa Cộng sản nói thì đẹp vô cùng, mà đến lúc thực hành thì hà hiếp bóc lột hơn cả bọn Chánh Sứ, Tây đoan thời trước.

Họ biết đau khổ, lần đầu tiên trong một lãnh vực rộng lớn. Tôi đoán được nỗi lo sợ của họ ở cặp mắt họ nháo nhác quay ngược, quay xuôi tìm kiếm, tuy không có gì mà chờ đợi. Họ muốn nhìn thấu ý nghĩa của sự việc đã vượt họ xa quá, để nhận định con đường phải đi cho tới được yên ổn. Họ thấy tôi đứng một mình bên cột đèn, có lẽ nét mặt khổ sở của tôi làm cho họ tin tưởng hay chỉ bằng vào cặp kính trắng là dấu hiệu của con người có học, họ đến gần tôi cất tiếng hỏi, ngập ngừng e sợ: “ Ông ơi! Chúng cháu đi về đâu bây giờ?”

- Đi về đâu? Người nông dân ra đi để bảo vệ lấy một chút tài sản tinh thần, người nông dân tiểu tư sản đã hỏi tôi như thế. Lời hỏi chân thực, họ chắc chắn sẽ đi về hướng tôi chỉ cho họ. Mặc dầu họ không biết tôi, trong đáy sâu của bản năng họ vẫn tin tưởng ở tầng lớp trí thức, theo một truyền thống chưa bao giờ đứt đoạn.

- Đi về đâu? Tôi biết trả lời họ ra sao, một khi chính chúng ta còn

tự hỏi lẫn nhau câu ấy?

- Đi về đâu? Tôi yếu đuối chỉ tay về phía Hà Nội. Dưới bầu trời không trăng sao, con đường nhựa thăm thẳm tan vào đêm tối. Tôi rùng mình, có cảm giác cả không gian thấp xuống, nhỏ lại trong màu đen chàm bầy. Con đường đưa vào đáy một cái túi không lối thoát. Tù ngục.

Họ đi rồi. Thì tôi muốn kêu lên, gào lên, để gọi họ trở lại : đảng nào cũng chết, thà ở đây mà chết, còn bao nhiêu sinh lực hãy tập trung lại để chết cho can đảm! Nhưng có một chút gì ngăn cản không cho tôi làm cử chỉ tuyệt vọng ấy. Một chút gì..... thiết tha, tính gan góc và ý chí tận tụy của Quảng, tiếng khóc của anh Chắt Hòe, bước đi của chị Nhiễm thấm máu chân vào rễ cây rừng Nghĩa Lộ. Tôi nhớ lại tất cả sự dai dẳng chịu đựng của con người tiểu tư sản, của con người tìm tự do, và nhớ lại lời người bạn trẻ về một sự tai hại cần thiết, một nơi nghỉ dưỡng sức cho những người chiến đấu đã quá mệt, một địa điểm tập trung những khả năng còn đương lên.

Tôi nghĩ: “ Chia đôi đất Việt!”

Trong bụng tôi nao nao một sức nặng muốn bùng lên, trong cổ tôi tanh nhạt một vị kinh tởm, tôi có cảm giác sắp nôn xuống mặt đường tất cả tim phổi, dạ dày, ruột non, ruột già. Những bộ phận ấy đã sống vì kháng chiến, nay kháng chiến bị ô nhục, bị phản bội, tất cả thân thể tôi bỗng ngập trong mùi máu.

Tôi nhìn lên ngọn đèn vẫn ú áy trong sương đêm. Ngọn đèn đỏ nhào xuống vỉa hè. Tôi choáng váng mày mặt, phải ngồi thụp xuống đất. Hai tay tôi chống lên những ngọn cỏ mát rượi, tôi đưa tay áp lên trán, trán tôi nóng rùng rục. Tôi cứ ngồi yên mãi như thế lâu lắm.

Thế rồi đất nước bị chia đôi thật. Trong tâm hồn tôi, như tâm hồn một bố già thấy chủ bán mất một phần thửa vườn cũ, có những dòng nước mắt tê tái, tủi nhục.

Từ Hải Phòng, tôi nhiều lần trở lên Hà Nội, những tưởng sẽ ra ngồi khóc trên bãi cỏ Hồ Gươm cho nhẹ nỗi đau khổ. Nhưng mỗi lần ra tới đó, lưng quay vào tòa Thị sảnh, mặt nhìn ra phía Tháp Rùa, thì đáng lẽ than van yếu đuối, tôi lại kinh ngạc thấy mình bình thản đặt vấn đề tính toán.

Có lẽ từ trong tiềm thức, tôi đã học được, hay được truyền tiếp

nguồn sinh lực của số đồng bào đông như kiến cỏ trên con đường Nam Định, Hà Nội. Ở Hà Nội, tôi đi thăm nhiều trại tạm trú của đồng bào, trong khi chờ đợi phương tiện vào Nam. Đình, chùa, nhà thờ, nhà thương, trường học, thậm chí trại giam và trại lính, bất cứ đâu, miễn có đất đặt quang gánh nghỉ chân và có mái che mưa nắng. Tôi len lỏi tìm người quen không thấy, nhưng đến đâu cũng nhanh chóng thành quen hết cả. Đồng bào, hàng trăm ngàn người ã lên để trả lời chung những câu hỏi. Hỏi: tại sao đi? Trả lời: vì không ở được. Hỏi: tại sao không ở được? Thì chính tôi đã trả lời ngay trên đây. Nhưng, mặc dầu biết chắc mình không làm, tôi thành thật vẫn muốn nghe tiếng nói của người trong cuộc. Tôi hỏi, đồng bào tranh nhau thuật chuyện làng, chuyện nhà, cả đến chuyện riêng của mình. Một bà mẹ chừng bốn mươi tuổi- thế hệ chúng ta! Ôm con nhỏ trong cánh tay gầy guộc, vừa kéo vạt áo lau đôi mắt đỏ mọng vừa kể:

- “Ông ơi, các anh cán bộ xã, các anh ấy bảo chúng cháu bỏ cúng ông vải, vì cúng vải là duy tâm, là chống chính phủ Cụ Hồ. Các anh cán bộ phát động gọi họp ngoài đình để đấu cụ Cử xóm Hạ, bảo là kẻ thù của nhân dân. Ban Nông hội xã thu thuế bắt phơi khô quạt sạch, chúng cháu gặt về mười phần phải nộp đến bảy, tám phần rồi. Rồi đến các anh cán bộ dân công, các anh ấy chia

lân thế nào mà mấy vợ chồng bố con nhà cháu lúc nào cũng có người phải đi phục vụ chiến dịch. Các anh cán bộ bảo thế nào chúng cháu cũng xin vâng, vì các anh ấy bảo thế là theo Cụ Hồ kháng chiến. Chúng cháu cũng muốn kháng chiến lắm, nếu có phải khổ gấp trăm, gấp ngàn hồi Pháp thuộc chúng cháu cũng cố chịu.

Người đàn bà nghẹn ngào khi bắt đầu vào đến đoạn thương tâm:

- “ Nhưng về sau có hai điều làm chúng cháu cay đắng, nhục nhằn quá. Là hồi tháng Một năm ngoái, chúng cháu mới gặt xong tay, là đảng gọi họp, bảo chúng cháu đấu ruộng, đấu trâu vào, làm chung. Bố thằng cháu có ý kiến xin cứ để cho ai làm của nấy (vì chả nói ông cũng biết, chúng cháu cấy ít mới làm tốt được, tám sào ruộng nhà cháu là khóm lúa cứ như khóm lúa nếp cả ấy ông ạ) nhưng anh cán bộ giận dữ, buộc là bố cháu phản động, bảo vệ tư hữu (khôn nạn, chúng cháu có mấy sào ruộng quèn thì tư hữu, tư hiếc gì!). Bố cháu có nói muốn làm lấy tốt để cho mấy đứa cháu mỗi đứa một tí, gọi là thơm thảo của cha của mẹ chúng nó, thì anh cán bộ bảo cháu cụ Hồ đã có đảng, có Bác.

- “Sau rồi nghe chừng bố cháu buồn bực lắm, mà những nhân dân

(!) khác cũng thế, anh cán bộ mới bảo nhân dân về thảo luận với các con, cháu xin chúng nó có bằng lòng lấy ruộng gia tài không. Bố cháu bằng lòng ngay, những tưởng các cháu nó đại, bảo chia ruộng cho chúng nó thì chúng nó mừng. Nào ngờ bố cháu vừa hỏi chưa dứt câu, cái thằng Nhớn nhà cháu này- người đàn bà chỉ đứa nhỏ, chừng tám tuổi, mắt ráo hoảnh, mặt căng căng- nó đã bảo ngay “ bố bản thủ, ù lì, ngoan cố”. Bố cháu giận quá, có đánh nó mấy cái khế, thế mà nó lu loa lên rằng áp bức nó, cấm đoán nó, không cho nó làm cháu cụ Hồ. Nó lại còn đi báo cáo cho ban xã cảnh cáo bố cháu, là chúng cháu có để nhưng chính đảng với Bác nuôi, nên từ nay phải hòa bình (!) với nó. Thế là bố cháu đợi đến đêm hôm ấy thắp hương van với ông bà ông vải, rồi cuối canh Ba cuốn gói đi ngay”.

Người đàn bà nói đến đây liếc nhìn thằng Nhớn. Mặt nó trôn tráo, đáng ghét quá. Tôi khẽ hỏi, thì bà cho biết vợ chồng phải lừa nó ngủ, lấy giẻ nhét vào miệng rồi trói nó lại mà xé rào, vừa cõng em nó, vừa khiêng nó đi trốn (vì thế không đem theo được tí đồ đạc nào hết). Tôi ngạc nhiên, sao vợ chồng bà không để nó lại:- “ Cái đồ bất hiếu bất mục ấy, đem nó đi làm gì?”. Nhưng bà ta đã trả lời

ngay tôi rằng “ nước mắt bao giờ cũng chảy xuôi”, rằng “cháu nó đại, nghe người ta dụ dỗ, rồi bố cháu sẽ khuyên can cháu”

Lời nói đi thẳng vào đáy lòng khiến cho tôi cảm động. Bao lâu nay quen dùng kỹ thuật để diễn tả tâm tình tế nhị, thiết tha, nhưng rồi ren, giảng mắc, tôi ngạc nhiên thấy cả một bầu trời cao rộng và xanh trong của tình yêu hồn nhiên, giản dị.

Tôi thành thực hổ thẹn, phải nhận rằng bao nhiêu học hành, bao nhiêu từng trải , chỉ làm cho tâm hồn tôi càng ngày càng thêm suy yếu. Tâm hồn tôi đâu còn có khả năng thương yêu một cách trọn vẹn đến thế? Và lòng tin trong tôi không đủ, khiến cho đối trước tương lai, tôi phải đặt ra bao nhiêu câu hỏi không thể trả lời. Tôi thật không bằng người đàn bà chẳng bao giờ nghĩ rằng con cái có bốn phận phải yêu thương và hy sinh ngược lên cho cha mẹ. Tôi học ở trường “hoài nghi” của tinh thần Pháp, hôm nay thật sung sướng vô ngần khi nhận thấy trên đời quả nhiên có những tấm tình “ yêu không đòi yêu lại”.

Tôi lại còn được những bài học khác. Bài học về sự khiếm nhược của chúng ta trên đường đời. Chúng ta nhìn về tương lai, tính đếm lợi hại, không lúc nào không cần đến sự giúp đỡ bên ngoài: nào là sự bảo trợ của một chính quyền dân chủ, nào là quyền tự do cá nhân, nào là cơ sở kinh tế bắt đầu xây dựng. Cuộc sống của chúng

ta là một chuỗi dài những điều kiện. Chúng ta quá nhiều tự ti mặc cảm, so sánh với gia đình nông dân kia, đi chỉ đem theo được có hai thứ vốn liếng: một là lòng tin ở mình và ở đồng bào mình, rằng đi bất cứ đến đâu cũng có những người tốt; hai là lòng tin ở trời, “trời sinh voi, trời sinh cỏ”, tin ở trời mà thật ra là chắc bằg vào sức khỏe với đức tính cần cù, kiên nhẫn và chịu đựng của mình.

Sự thật hết sức rõ rệt, là nếu chúng ta ở vào địa vị họ, trong một ngàn người chưa dễ có một người đã dám đi tay không như họ. Tôi đã nói: vì đời sống của chúng ta phụ thuộc nhiều quá vào những loại vật chất phù phiếm mà chúng ta tưởng rằng không có không được. Có lẽ chính vì thế mà chúng ta không tìm thấy Lẽ Sống. Lẽ Sống hình như phải là định nghĩa của những hoạt động nhất định thiết yếu của con người, là lao động, tin yêu, và sáng tạo. Lao động để bảo vệ lấy bản thân mình, có bảo vệ được bản thân mình chắc mạnh mới có tin yêu vạn vật quanh mình, có tin yêu vạn vật quanh mình thì sự sáng tạo, để truyền tiếp nòi giống, truyền tiếp những vẻ đẹp của Vũ trụ và loài Người, lúc đó mới thật có nghĩa lý.

Thân ái Trung,

Tôi nhiều lần len lỏi giữa đám đông những người nông dân ra đi để tìm hiểu họ hơn nữa. Trên bãi xi măng các phi trường Bạch Mai, Gia Lâm, có những tốp người quần nâu áo vá chen nhau tránh nắng dưới bóng những chiếc Dakota hay Nord-Atlas hai thân. Sự hạnh ngộ không thiếu ý nghĩa sâu sắc, đối với ai kia mới ngày này tháng trước, thoáng nghe tiếng máy bay âm ì đã mau mau xuống hầm, xuống hồ, âm bây giờ sắp trèo vào bụng của chính những con chim dữ tợn ấy, để ngòi vào đúng những chỗ đặt bom, mìn, làm một chuyến đi suốt đời không bao giờ mơ tưởng.

Sự hạnh ngộ này, tôi hoảng nhiên thức tỉnh, là cả một cuộc đảo lộn của lịch sử. Có viên sĩ quan phi công Pháp quặt tay ra sau lưng để làm thang cho một em nhỏ trèo lên vai, rồi truyền sang ngòi thu lu trên bánh xe kép của chiếc Nord-Atlas. Lớn, bé, với tất cả số đồng bào ngòi quanh đây, cùng nhau vui cười hỉ hả. Cuộc đảo lộn thật rõ rệt: giai đoạn thực dân đã hết, giai đoạn sau đã bắt đầu bằng những chuyến đi tập trung vào miền Nam của những người chống Cộng.

Tôi viết “ giai đoạn sau... chống Cộng”, viết xong mới ý thức được rằng, từ trước đến nay, chúng ta quả thực chưa từng có một

mặt trận và một giai đoạn chống Cộng. Không kể mặt trận trò hề Tâm, Hữu, những con người yêu tự do, những con người tiểu tư sản đã có lần nào họp được nhau thành tập thể có trách nhiệm hẳn hoi trước lịch sử?

- Chưa có, nhưng sẽ có, vì phải có. Vì Nam Việt là cứ điểm cuối cùng của chúng ta, nếu chúng ta không muốn có ngày biến thành đồ vật. Và lại, chính Cộng sản đã dồn vào Nam-Việt hàng trăm ngàn đồng bào từ này phải bầu vùi lấy nhau để sống. Cộng sản, khi thắng Pháp bằng chiến tranh, không ngờ đã hoàn bị cho người tiểu tư sản một đoàn quân cảm tử. Một đoàn quân, từ nay là cái nhân mãnh liệt trong cái quả dân tộc. Một cái nhân, vốn là cái quả của kháng chiến.... Nếu chúng duy tâm, sẽ cố nhiên cho rằng Đạo Trời huyền bí, yếu mà được, mạnh mà thua là như thế.

Nhưng chưa chắc chúng ta đã duy tâm, cũng như chưa hẳn chúng ta đã duy vật (bôn-sơ-vích). Chúng ta hay biết cứ nhận chân một sự kiện cụ thể, nó chứng minh rằng sau ba, bốn năm phân ly kẻ bị mê hoặc, kẻ bị đàn áp tàn nhẫn, thì bây giờ đồng bào nông thôn, nền móng của xã hội ta, đã lại trở về với trí thức.

Tôi muốn thú nhận với Trung rằng, ngay lúc này, trong tâm hồn tôi tràn đầy một viễn tượng tương lai rực rỡ. Những người bạn trẻ của tôi đã rời khỏi Hà Nội, người đi Pháp, đi Mỹ, người vào Nam,

mỗi người nắm trong tay một kế hoạch cho những ngày sắp tới. Họ đến thăm tôi để từ biệt, không ai quên nháy một mắt và hát đầu một cái không đầu, để tỏ vẻ đồng tình một cách khoái trá. Riêng tôi còn ở lại, hàng ngày đi tiễn những người lên máy bay không quen biết, nhưng cũng từng đêm ra ngồi trên bờ Hồ Gươm, lắng nghe tiếng im lặng của cảnh vật, của ánh đèn tan trên mặt nước, và của cả bóng đen u uẩn dãi quanh Hồ.

Lòng hồi hộp, tôi thấy mình như con ngựa mệt mỏi dọc theo lối mòn kháng chiến quanh co, nay ra đến con đường mới vừa thẳng vừa rộng, thốt nhiên đâm sợ. Sợ, nhưng cũng có mừng: đàn ngựa trẻ đang phóng lên nước kiệu ... Tôi linh cảm Việt Cộng lại đương nhằm, nhằm ở chỗ đáng giá anh em ta quá thấp.

Tôi chấm hết thư ở đây, bằng một điểm hy vọng. Đừng trách nhau chủ quan. Hai mươi năm triệu cái chủ quan sẽ làm nên lịch sử, nghe đâu tôi đã viết thế cho Trung, trong bức thư thứ nhất, để bênh vực một ý muốn lạ đời: **ĐEM TÂM TÌNH VIẾT LỊCH SỬ.**

Hải Phòng,

Ngày 1 tháng 8, năm 1954, viết hết.

-
Nguồn: Bản đánh máy lại trên đây dựa theo bản pdf từ thuvienvn.com (nay đã không còn) và vantuyen.com (nay là vantuyen.net), saved since 2001 by Le Tung Chau, do LNL, NXA, NVTh, & Lê Tùng Châu thực hiện, Saigon 9/2010

Chút Thông Tin thêm về Văn Hào Nguyễn Mạnh Côn :

*Lính Nhảy Dù lâm nạn ba người,
Nhà Văn lâm nạn một mình thôi.
Sông Rây nước chảy, mây trôi.
Nhớ về Xuyên Mộc, bồi hồi thương Anh.*

Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn viết những tác phẩm *Ba Người Lính Nhảy Dù Lâm Nạn, Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử, Kỳ Hoa Tử, Giấc Mơ Của Đá, Tình Cao Thượng, Yêu Anh Vượt Chết, Mỗi Tình Mẫu Hoa Đào, Hòa Bình, Nghĩ gì, Làm gì? . . .* Tháng Ba năm 1976 ông bị bọn Công An Cộng Sản thành Hồ bắt giam. Năm 1979 ở Trại Tù Khổ Sai Xuyên Mộc, Nhà Văn tuyệt thực phản đối việc ông bị cầm tù quá lâu. Bọn Cai Tù Xuyên Mộc không cho ông uống nước, Nhà Văn chết thảm trong trại tù Xuyên Mộc.

Sông Rây chảy qua vùng rừng bao quanh Trại Tù Khổ Sai Xuyên Mộc, Bà Rịa. Người Tù Xuyên Mộc những năm 1978, 1979 có câu:

Bao giờ Rừng Thác hết cây

Sông Rây hết nước thì đây mới về.

Cùng sống và chịu cực khổ với Nhà Văn Nguyễn Mạnh Côn ở Trại Tù Xuyên Mộc những năm 1978, 1979 là Duyên Anh, Đăng Giao, Hồ Hữu Tường. Năm 1983 gặp lại nhau sau những ngày tù tội, Duyên Anh đọc cho tôi nghe câu “..*Sông Rây hết nước..*” Tôi không nhớ đúng tên Rừng trong câu thơ. Có thể không phải là Rừng Thác.

Hoàng Hải Thủy

Nguồn: <http://letungchau.blogspot.com>